

Chúc Mừng Năm Mới

XUÂN MẬU TUẤT 2018

Thay mặt Phước Huệ Sơn Môn Học Phái chúng tôi trân trọng.

Kính chúc chư Tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, chư Thượng Tọa,
Đại Đức Tăng, Ni,

ĐẠO THỂ TĂNG LONG

Kính chúc quý vị lãnh đạo tinh thần, quý Nhơn sĩ, quý Hội đoàn,
Đoàn thể Tổ chức, Cơ sở thương mại, Truyền thông, Báo giới,

HANH THÔNG AN LẠC

Kính chúc quý Đồng hương, Phật tử

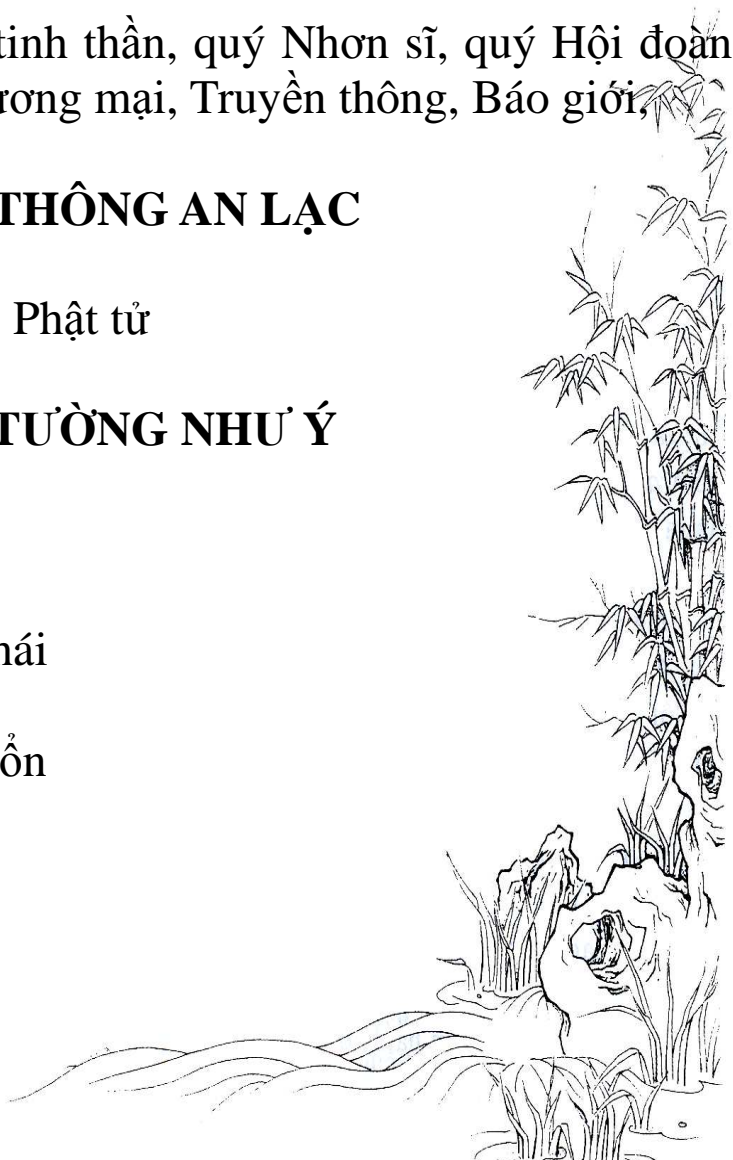
KIỆT TƯỜNG NHƯ Ý

Trân trọng kính chúc,

Phước Huệ Sơn Môn Học Phái

Hòa Thượng Thích Phước Bôn

Tông Trưởng



Chàng quý độc giả thân mến,

Mở đầu năm Mậu Tuất - 2018, Đặc San Phước Huệ trân kính gửi đến quý độc giả thân thương lời chúc an khang thịnh đạt, vạn sự hanh thông, tùy tâm mãn nguyện.

Suốt bao năm qua, Đặc San Phước Huệ luôn khiêm tốn cố gắng chuyển tải những tư tưởng Phật giáo qua những bài viết với nhiều dạng thức nội dung khác nhau, cốt chỉ để tạo nhịp cầu thông cảm trao đổi chia sẻ giữa người viết và người đọc. Số báo phát hành vào những kỳ đại lễ đặc biệt như: Phật Đản, Vu Lan và Tết Nguyên Đán. Dù có lúc cũng gặp phải một vài trở ngại khó khăn, nhất là về phương diện tài chánh, nhưng Đặc San Phước Huệ vẫn cố gắng kiên trì khắc phục để vượt qua. Được thế, âu cũng nhờ sự quan tâm thương cảm của chư Tôn đức Tăng Ni, quý đồng hương Phật tử, các nhà quảng cáo và các mạnh thường quân đã tận tình hết lòng ủng hộ. Nhất là đối với quý vị trong Ban biên tập, quý cộng tác viên đã bỏ ra nhiều thời giờ quý báu cặm cụi viết bài để cống hiến món quà tinh thần cho quý độc giả. Đó là niềm an ủi rất lớn lao cho tòa soạn chúng tôi để có thêm tinh thần và ý chí phấn đấu vươn lên quyết tâm duy trì tờ báo. Tóm lại, sự tồn tại của tờ báo từ trước tới nay, tất cả đều nhờ công lao đóng góp tài vật và bài vở của toàn thể quý vị. Đó là những ân nhân thiết thân của tờ báo mà chúng tôi không biết phải dùng lời lẽ gì để có thể nói hết những ân tình sâu đậm cao cả đó.

Nhân dịp đầu năm mới của năm Mậu Tuất (2018), chúng tôi chỉ biết thành kính tri ân sâu xa tất cả. Và nếu có gì lầm lỗi sai sót trong mỗi kỳ báo, kính mong quý vị thương tình cảm thông hỷ xả bỏ qua cho. Và chúng tôi sẵn sàng đón nhận lắng nghe những ý kiến đóng góp xây dựng của quý vị. Đồng thời, chúng tôi cũng mong mỗi được sự tham gia tích cực đóng góp bài vở của quý độc giả khắp nơi. Có thế thì tờ báo mới có thể phát huy ngày càng

phong phú khởi sắc hơn.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin thiết tha mong mỗi kêu gọi các đơn vị của Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan, xin quý vị vui lòng gửi những bản tin Phật sự hay những bài viết mang tính đặc thù của mỗi kỳ đại lễ nói trên, để chúng tôi cho đăng phổ biến rộng rãi chuyển tải đến những người đọc. Thiết nghĩ, việc làm này cũng là một đóng góp rất hữu ích thiết thực vậy.

Một trong những nhu cầu Phật sự thiết yếu của Giáo hội trong năm qua cũng như hiện tại, đó là nhu cầu xây cất một Trung Tâm Phật Giáo Úc Châu tại Cairnlea. Đây là một công trình xây cất lớn lao mà Giáo hội đã và đang quyết tâm vận động nỗ lực thực hiện. Nhờ sự đóng góp tài vật và công sức thiết tha đầy chân tình của mọi người, nhất là quý vị trong Ban Vận Động Gây Quỹ Tài Chánh mà công trình xúc tiến tương đối khá thuận lợi. Tuy nhiên, muốn hoàn tất công trình một cách nhanh chóng mau lẹ hơn, thì nó đòi hỏi phải có nguồn tài chánh dồi dào tương ứng mới có thể đủ để cung cấp cho nhu cầu thiết yếu này. Chính vì thế mà Giáo hội hiệp lực cùng với Ban Vận Động Tài Chánh quyết tâm nỗ lực tiếp tục thực hiện việc gây quỹ hiện tại và tương lai. Giáo hội thiết tha kêu gọi lòng hảo tâm đóng góp tài vật của mọi người qua nhiều hình thức đóng góp cúng dường khác nhau. Hy vọng công việc vận động gây quỹ của Giáo hội sẽ được mọi người quan tâm hưởng ứng một cách nhiệt tình mạnh mẽ.

Ngoài nhu cầu xây cất cấp thiết này ra, Giáo hội còn tổ chức các khóa tu học cho quý đồng hương Phật tử có cơ hội về chùa tu tập. Một khóa tu học mười ngày đã được tổ chức tại chùa Hoa Nghiêm trong mùa an cư kiết đông của chư Tăng Ni. Thứ hai là khóa tu học hạnh xuất gia ngắn hạn ba tuần, đã được tổ chức tại chùa Quang Minh từ ngày 30/12 đến ngày 20/1/2018. Số người tham dự chánh thức và bán chánh thức khoảng 70 vị tính chung trẻ em và người lớn. Cả hai khóa tu đều đạt được thành công viên mãn tốt đẹp. Đó là một vài thành quả tiêu biểu nổi bật mà trong năm qua



Giáo hội đã đạt được.

Vui xuân và đón xuân là một truyền thống văn hóa cổ truyền theo tục lệ dân gian. Đối với người phật tử chúng ta thì quan niệm về việc vui xuân và đón xuân có khác. Sự khác biệt đó, đã được diễn tả qua các câu thơ sau đây:

Xuân đến thì ta cũng muốn cười
Nhưng lòng lại ngại lắm xuân ơi!
Răng long tóc bạc thân cần cỗi
Vì bởi xuân sang lắm độ rồi

Vì bởi xuân sang lắm độ rồi
Dấu cười chưa hẳn lại là vui
Trần vui sao lại cho là tục
Mới lọt lòng ra đã khóc rồi

Mới lọt lòng ra đã khóc rồi
Khóc vì thế sự lắm đái bôi
Khóc cho số phận trầm luân mãi
Lăn lộn vào ra mấy kiếp rồi!

Đó là cả một tâm tư mang nặng nỗi niềm khắc khoải ưu sầu mỗi lần nghe xuân đến. Vì cứ mỗi lần xuân đến thì chồng chất thêm tuổi đời. Xuân ngoại tại chỉ theo thời gian vô thường sinh diệt. Con người cũng theo hiện tượng vô thường mà có sanh có tử. Ngoài việc vui xuân

theo thể nhân thường tình, người phật tử còn phải lắng sâu tìm lại những gì cao quý nhất trong biển xuân lòng của chúng ta. Có nhận diện sâu vào nội tại, chúng ta mới thấy được ý nghĩa của mùa "Xuân" miên viễn. Một mùa Xuân không có hạn cuộc vào thời gian và không gian. Mùa Xuân đó vượt ngoài phạm trù đối đãi nhị nguyên. Sống được với mùa Xuân chơn như đó, thì lo gì thế giới không hòa bình, nhơn sinh không an lạc. Chỉ có mùa Xuân đó mới thực sự mang lại chơn hạnh phúc cho con người và vĩnh viễn chấm dứt mọi khổ đau phiền phược mà thôi.

Trước thêm năm mới, chúng ta hãy thành tâm cầu nguyện cho mọi người ý thức được khổ đau đừng gây thêm hận thù tranh chấp sát hại làm khổ đau cho nhau. Hãy xóa bỏ mọi tranh chấp hận thù, mọi kỳ thị chủng tộc, mọi định kiến bất đồng, hãy cùng nhau quyết tâm xây dựng một xã hội an bình và mọi người sống trong an lạc hạnh phúc.

Trân Trọng

Đặc San Phước Huệ



TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ CHƯƠNG TRÌNH TẾT MẬU TUẤT 2018

Thứ năm 15/02/18 (ngày 30 Tết)

05:00 - Bồ tát, tụng giới cho hàng xuất gia

18:30 - Khóa lễ Tịnh độ

19:30 - Văn nghệ Mừng Năm Mới

22:30 - Múa lân Ngũ phúc lâm môn

23:15 - Rước giao thừa:

* Chúc Tết của đại diện các cấp chánh quyền

* Thông bạch Xuân Mậu Tuất 2018

* Tụng kinh Phước Đức

* Đốt pháo - Bắn pháo bông.

* Lễ Cầu An đầu năm và lì xì Tết

Thứ sáu 16/02/18 (mùng 1 Tết)

06:00 - Lễ Vía Đức Di Lạc Tôn Phật và Chúc tán

10:30 - Lễ Kỳ giỗ cố Hòa Thượng thượng Thiện hạ Hòa Viện Chủ Tổ Đình Ấn Quang.

- Cúng chư hương linh thờ tại Tổ đình.

18:30 - Lễ Cầu An đầu năm

19:30- **Pháp thoại đầu xuân**

Thứ bảy 17/02/18 (mùng 2 Tết)

18:30 - Lễ Cầu An đầu năm

19:30- **Pháp thoại đầu xuân**

Chủ nhật 18/02/18 (mùng 3 Tết)

09:30 - Lễ Cầu An đầu năm, cầu siêu, cúng ngo

10:30- **Pháp thoại đầu xuân**

Thứ hai 19/02/18 (mùng 4 Tết)

18:00- Tiệc Tân niên (trai đường)

18.30 - Khóa lễ Tịnh độ (chánh điện)

19:30- Lễ Chúc Tết Chư Tôn Đức Tăng Ni

Thứ tư 21/02/18 (mùng 6 Tết)

9:30 - Lễ huy nhật Đức Tông Trưởng lần thứ 6

- Cung tiến giác linh cố Hòa Thượng Tông

Trưởng cùng chư vị giác linh thờ tại Tổ đình.

18.30 - Khóa lễ Tịnh độ

Thứ năm 22/02/18 (mùng 7 Tết)

18.30 - Khóa lễ Tịnh độ

20:00 - **Pháp thoại đầu xuân**

Thứ sáu 23/02/18 (mùng 8 Tết)

18:30 - **Pháp thoại đầu xuân**

19:30 - Lễ Cúng Sao Hội đầu năm

Thứ bảy 24/02/18 (mùng 9 Tết)

06:15- Hành hương các chùa sắc tộc

18:30- Khóa lễ Tịnh độ



THÔNG BẠCH XUÂN MẬU TUẤT 2018

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính bạch Chư tôn Trưởng lão, Chư Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức tăng, ni,
Kính thưa, Quý đồng hương Phật tử,

Trong cảnh sắc vui tươi đón mừng ngày xuân, trước thềm năm mới Mậu Tuất chúng tôi xin thay mặt Phước Huệ Sơn Môn Học Phái trân trọng kính gửi đến chư tôn Trưởng lão, chư Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức tăng, ni; quý đồng hương Phật tử lời chúc mừng một năm tròn đầy phước quả, kiết tường như ý.

Kính thưa quý liệt vị,

Ngày xuân là thời gian vui tươi, ngày đoàn viên sum họp gia đình, mỗi người trong chúng ta cầu chúc cho nhau những điều tốt đẹp, an lành như: chúc mừng người thêm tuổi, phước thọ tăng long. Tuy nhiên, với người con Phật, trong niềm vui đón mừng ngày xuân vẫn không quên quán niệm về thân phận của kiếp người, luôn luôn bị thời gian chi phối; sự trưởng thành theo thời gian, tuổi thọ tăng thêm, chính là sự chuyển biến vô thường. Trong Kinh văn dạy rằng: Vô thường, lão bệnh bất dữ như kỳ. Triệu tồn tịch vong sát na dị thể.

Vô thường già bệnh, không có hẹn với ai cả. Sớm còn tối mất, trong một sát na là đã qua đời khác.

Mỗi người trong chúng ta ý thức được tiếng chuông cảnh giác vô thường, không nên đắm mình trong niềm vui xuân buông thả phóng dật. Hãy hướng về sự vui xuân trong niềm vui xuân của đức Từ thị Di lạc Thế tôn; tức là vui trong đức từ tế hoan hỉ qua nụ cười, biểu tượng thí xả an lạc của Ngài; nên san sẻ với những người không may mắn sống trong cảnh lầm than đói khổ. Và không nên vì sự vui mừng ngày xuân mà giết hại sanh vật cung cấp miếng ăn cho mình và người thân; được như vậy chính là mừng xuân Di lạc mà người con Phật thường bảo. Nói cách khác, mừng xuân Di lạc là sự vui xuân qua đức từ tế đem niềm an lạc đến cho mình, cho người, không gây tổn hại sanh linh, không hủy diệt môi sinh, giữ gìn nhưn cách, thực tập hạnh hoan hỉ, thí xả của đức Đại từ Di lạc Thế tôn.

Chúng tôi nhưt tâm cầu nguyện ngày xuân Di Lạc đến với toàn thể đồng nhưn, thế giới sớm chấm dứt đao binh, nhà nhà an lạc.

Trong giờ phút trang nghiêm của lễ minh niên toàn thể pháp chúng Phước Huệ Sơn Môn Học Phái dành một phút, thành kính tưởng niệm đức cố Tông Trưởng Khai Tổ Phước Huệ Sơn Môn Học Phái, và là vị Tổ sư Khai sáng nền Phật giáo Việt Nam tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan, Thượng nhưn thượng Phước hạ Huệ Trưởng lão Hòa thượng Đại sư, nhưn dịp hỷ nhưt lần thứ sáu của đức Tông Trưởng.

Kính nguyện kiết tường.

Nam mô Đại Từ Di Lạc Thế Tôn.

Trân trọng,

Phước Huệ Sơn Môn Học Phái

Hòa Thượng Thích Phước Bốn.

Tông Trưởng

Táo:

Muôn tâu Ngọc Hoàng
 Thần táo Phước Huệ
 Hồ quỳ trước bệ
 Khải tâu đôi lời
 Nỗi khổ khắp nơi
 Của người trần thế
 Hoàng nghe thần kể
 Những trận thiên tai
 Đau khổ dài dài
 Nói sao cho xiết
 Vợ chồng ly biệt
 Nhà cửa tiêu tan
 Lệ rơi hai hàng
 Kêu trời không thấu
 Người người phấn đấu
 Cố gắng vượt qua
 Bao nỗi xót xa
 Hoàng đâu có biết

Ngọc Hoàng:

Vô cùng thương tiếc
 Nạn khổ trần gian
 Thật là nỗi oan
 Cho ta lắm đó
 Ta luôn dòm ngó
 Theo dõi nhơn gian
 Lắm kẻ ngược ngang
 Khinh thường ta quá
 Họ thích đấu đá
 Chém giết lẫn nhau
 Hồng hách tự cao
 Cho mình trên hết
 Nhẫn tâm giết chết
 Mạng sống như bèo
 Tình nghĩa đồng bào
 Cũng không thương tưởng
 Miễn mình sung sướng
 Ai chết mặc ai
 Những kẻ dương oai
 Phải nên trừng trị

Táo:

Thần xin tuân chỉ
 Lệnh Hoàng phán ra
 Trừng phạt mấy cha
 Chuyên đi hút máu
 Tuyên truyền nói láo
 Phỉnh gạt dân đen
 Tâm địa nhỏ nhen



Sớ Phước Huệ Táo 2017

Tham ô hối lộ
 Dân tình than khổ
 Bốc lột tinh bơ
 Hoàng đâu có ngờ
 Toàn là giả dối
 Thần chịu không nổi
 Cái cảnh lâm than
 Kẻ sống giàu sang
 Người nghèo toi tả
 Bên ngoài nho nhã
 Trong ruột thú tha
 Mấy ông mấy bà
 Vui chơi nhảy nhót
 Kẻ khéo nịnh hót
 Thì được ngồi cao
 Thần đây ngán ngao
 Nhân tình thế thái

Ngọc Hoàng:

Ta rất lo ngại
 Thế giới hại nhau
 Người hãy tâu mau
 Nội tình Phật giáo

Táo:

Thần không dám xạo
 Trong một năm qua
 Giáo lý Phật đà
 Hoàng truyền rộng rãi
 Phật sự trôi chảy
 Thuận lợi cất xây
 Phật giáo xứ này
 Truyền thừa vững chắc
 Thần không thêm thất
 Giáo Hội Úc Châu
 Mong ước đã lâu
 Có riêng cơ sở
 Xây dựng tâm cơ
 Văn hóa trung tâm
 Mong ước bao năm
 Nay đã thực hiện
 Tạo nên phương tiện

Phụng dưỡng Tăng Ni
 Khi đã già suy
 Có nơi an dưỡng

Ngọc Hoàng:

Ta đây vui sướng
 Nhận được tin này
 Tán dương quý thầy
 Tăng Ni xứ Úc
 Chân thành cầu chúc
 Công việc cất xây
 Cairnlea nơi đây
 Muôn điều thuận lợi
 Ta cũng ca ngợi
 Phật tử hết lòng
 Cùng nhau tâm đồng
 Thật lòng đóng góp

Táo:

Có nhiều buổi họp
 Bàn thảo công trình
 Mọi người hoan nghinh
 Cử Ban Vận Động
 Ai nấy nôn nóng
 Xây cất cho xong
 Hoàn thành mau sớm
 Chẳng khoe tài dõm
 Làm việc hết lòng
 Thần không dài dòng
 Nêu tên Hoàng rõ
 Danh tánh bày tỏ
 Là Phạm Phúc Nhân
 Rất được người thân
 Bà con ủng hộ
 Trưởng ban năng nổ
 Vận động cho mau
 Chẳng dám tự hào
 Đứng ra kêu gọi
 Một điều đáng nói
 Gây quỹ thật mau
 Bà con xôn xao
 Tiệc chay tham dự

Sắp theo thứ tự
Phước Huệ, Quang Minh
Nhà hàng chân tình
Reception rõ thấy
Phật tử ai nấy
Hồ hỏi về chùa
Thần không phân bua
Hoa Nghiêm sau chót
Thần chẳng nịnh hót
Ca nhạc rất hay
Việt Thảo biệt tài
MC nổi tiếng
Tạo nên phương tiện
Tài chánh đủ xây
Đợt đầu nơi đây
Đợt hai kế tiếp
Thần nghe bàn việc
Vé số phát hành
Ghi rõ đành rành
Xe hơi được trúng
Một trăm phần đúng
Thần chẳng nói chơi
Bán vé khắp nơi
Rõ ràng là thế
Nếu ai chậm trễ
Hết vé đừng than
Giấy phép đăng hoàng
Mua nhanh kéo hết
Mấy ngày gần Tết
Bà con xôn xao
Vận động cùng nhau
Góp tiền xây cất

Ngọc Hoàng:

Ngươi đà tâm thật
Ta cũng chạnh lòng
Ta cũng rất mong
Bà con góp sức
Sang năm Mậu Tuất
Phật tử hành hương
Ghi nhớ cúng dường
Cairnlea xây dựng
Kiên nhẫn chịu đựng
Bền chí cất xây
Nói với hai Thầy
Thiện Tâm, Phước Tấn
Công trình phần chẵn
Sớm được hoàn thành
Giáo hội rạng danh
Mừng vui cơ sở

Không còn than thở
Nay đổi mai dời
Cơ sở đời đời
Làm nơi hoạt động
Đó điều ước mong
Cộng đồng Phật tử
Giờ ngươi tâm thử
Việc khác ta nghe

Táo:

Nói chẳng dám khoe
Khóa tu nghiêm túc
Bà con đông đúc
Tu học mười ngày
Thần xin thưa ngay
Hoa Nghiêm khai giảng
Việc làm càng đáng
Tăng sự trưởng ban
Cùng nhau lo toan
An cư tổ chức
Tăng Ni cực lực
Phật tử về chùa
Quyết tâm thi đua
Chuyên tâm tu học
Có người cạo tóc
Thế phát xuất gia
Tu học thiết tha
Mười ngày hoàn mãn
Chẳng để gián đoạn
Trong việc tu hành
Xin thưa đành rành
Quang Minh tổ chức
Ai nấy cực lực
Quyết chí tham gia
Cạo tóc xuất gia
Sa di thọ giới
Nhiều người ca ngợi
Tu học nghiêm trang
Cùng đắp y vàng
Y nâu dự thỉnh
Con số được tính
Tổng cộng bảy mươi
Già trẻ vui tươi
Tinh thần phần chẵn
Thời khóa tinh tấn
Chẳng dám bê tha
Thời gian đề ra
Ba tuần chẳng thiếu
Mãn khóa phát biểu
Cảm tưởng tu sinh

Bày tỏ sự tình
Rất là cảm động
Thần không nói vọng
Xả giới về nhà
Quý ông quý bà
Ai nấy thiết tha
Hai hàng rơi lệ
Đậm tình huynh đệ
Từ giã chia tay
Hình ảnh nhớ hoài
Chiếc y giải thoát
Thần tuy đốt nát
Học lóm đôi điều
Chẳng dám nói liêu
Tội nhiều đau khổ
Bày tỏ thổ lộ
Thần chẳng dám khoe
Chừng mực răn dè
Chuyện còn nhiều lắm
Trần gian say đắm
Tạo nghiệp ác nhân
Gây khổ cho thân
Chẳng hề hay biết
Một điều rất tiếc
Phạm pháp tù đầy
Đau khổ đêm ngày
Lao tù ngục thất
Nhơn cách bị mất
Vì bởi vô minh
Thần đây thật tình
Cảm thương cho họ
Một lần làm lỡ
Hối cải ăn năn
Dù gặp khó khăn
Cũng đành cam chịu
Phước Thái lo liệu
Phật Đản, Vu Lan
Trại tù vào thăm
Tụng kinh thuyết giảng
Việc làm bài bản
Đâu đó đăng hoàng
Cũng nhờ anh Hoàng
Cô Anh giúp đỡ
Tù nhân lo sợ
An ủi khuyên lơn
Chẳng nên khinh lờn
Thói quen tật xấu
Cùng nhau phần đầu
Vượt thoát lưới mê
Khi đã ra về

Nhớ mà giữ lấy
 Thần đây rõ thấy
 Phước Huệ Tổ Đình
 Tăng Ni đẹp tình
 Chung lo tu học
 Việc làm đôn đốc
 Có thầy Phước Viên
 Gắng sức bền kiên
 Chung lo xây dựng
 Nhẫn nại chịu đựng
 Trong việc tu hành
 Sư Cô Phước Thanh
 Thì đà viên tịch
 Phước Huệ làm lịch
 Gây quỹ cho chùa
 Bà con thỉnh mua
 Giúp chùa tài chánh
 Khóa tu lành mạnh
 Tịnh nghiệp ba ngày
 Mọi người hăng say
 Về chùa tu tập
 Tu hành phá chấp
 Đi đứng nghiêm trang
 Luật nghi đàng hoàng
 Chẳng màng danh lợi
 Thần xin nói tới
 Ky giỗ hằng năm
 Tông môn cùng làm
 Báo ân Thầy Tổ
 Thần xin thổ lộ

Ky giỗ sum vầy
 Tăng Ni đông đầy
 Cùng nhau thiết lễ
 Chánh quyền kính nể
 Phật giáo Úc Châu
 Khởi xướng buổi đầu
 Chính do Hòa thượng
 Hóa đạo Viện trưởng
 Tứ chúng thừa hưởng
 Ân đức của Ngài
 Xây dựng lâu dài
 Phật giáo nơi đây
 Mọi người rõ thấy

Ngọc Hoàng:
 Tu hành chớ cậy
 Thế lực bên ngoài
 Không nên cậy tài
 Hiu hiu tự đắc
 Ta đây thức nhắc
 Thường thấy lỗi mình
 Chớ nên phê bình
 Chuyện người xấu tốt
 Cứ thấy mình dốt
 Gắng sức lo tu
 Thoát khỏi ngục tù
 Trần gian đau khổ
 Hãy mau giác ngộ
 Tự độ chính mình
 Noi gương "Bát Khinh"

Làm Bồ tát hạnh
 Muốn trở thành Thánh
 Trí tuệ làm đầu
 Gắng sức trồng sâu
 Căn lành phước đức
 Mọi người tinh thức
 Chí quyết tịnh tu
 Để tâm phiêu lưu
 "Hai đầu" vương mắc
 Chớ nên thêm thắt
 Chuyện có nói không
 Giới luật nằm lòng
 Đùng cho sai trái

Táo:
 Thần xin lễ bái
 Lời dạy Ngọc Hoàng
 Giờ châu sắp tan
 Trở về trần thế
 Thần không dám trễ
 Từ biệt cáo lui
 Thần rất ham vui
 Phải về ăn Tết
 Năm Gà sắp hết
 Năm Chó bước qua
 Trước khi lui ra
 Chúc Hoàng vạn tuế
 Vạn tuế, vạn vạn tuế

Việt Táo Phi

*Đầu năm xin chúc mọi người
 Trẻ già bé lớn nụ cười như hoa
 Nụ cười tinh thức chan hòa
 Ngày nào cũng Tết cũng là mùa xuân
 Sá chi cuộc thế xoay vần
 Tết này, Tết nữa, mấy lần Tết qua
 Tết Tây rồi lại Tết Ta
 Cái gì cũng xuống tuổi già tăng lên
 Làm người ân nghĩa đáp đền
 Mùa Xuân đã gặp tạo nên an nhàn
 Thu, Đông, Hạ đến rồi than!
 Xuân sang ta thích lên đàng dạo chơi
 Sống trong cõi mộng ở đời
 Trau dồi tuệ giác sáng ngời đạo tâm
 Biết bao khổ cảnh sai lầm
 Cùng nhau tiến bước đi tầm mùa Xuân
 Mấy lời xin chúc xa gần
 Đạo tràng Phước Huệ sáng ngấn tình thâm*

Đi Gặp Mùa Xuân

*Tu hành niệm Phật
 quyết tâm
 Cùng nhau xây dựng
 âm thầm bền tu
 Việc đời rồi rắm lu bu
 Về chùa tu niệm dứt ưu não phiền
 Ban sen nhiều kiếp gieo duyên
 Bền tâm tu niệm như kiềng ba chân
 Nghiệp lành gây tạo chánh chân
 Đó là hạnh phúc chẳng cần tìm đâu
 Trái bao mưa nắng dãi dầu
 Duyên lành gặp Phật trồng sâu căn lành
 Nơi nào chẳng có trời xanh
 Đâu cần tìm kiếm an lành vui ca.*

Thanh Trì





Nhớ Cảnh Mai Rơi

Xuân về Mai nở đẹp xinh tươi,
Nhìn cánh Mai rơi nhớ một người.
Người ấy lâu rồi không gặp mặt,
Lòng buồn chông chất mãi không nguôi.

Không biết hiện giờ người ở đâu,
Lòng tôi nghĩ tới lại thêm sầu.
Người ơi! Tôi nhớ mong nhiều lắm,
Nước mắt tuôn trào thấm ướt bầu.

Đã biết cuộc đời chỉ tạm thôi,
Kiếp người ngắn ngủi chẳng gì vui.
Bao năm lặn hụp trong danh lợi,
Bỗng chốc âm dương cách biệt rồi.

Kẻ ở người đi thấy thật buồn,
Người đi lặng lẽ mãi đi luôn.
Kẻ còn ở lại đây thương nhớ,
Sớm tới ra vào lệ ứa tuôn.

Không biết bao giờ gặp lại đây?
Đời người nào khác đám mây bay.
Hợp tan, tan hợp theo cơn gió,
Sáng ở phương Đông, tối hướng Tây.

Thôi thế từ đây cách biệt rồi,
Mỗi người một nẻo chỉ buồn thôi.
Người về cõi mộng mênh mông quá,
Kẻ ở trông theo đứng lại ngòi.

Ai đã xui nên thảm cảnh đây?
Xuân về hoa cỏ cũng buồn lây.
Vô thường biến đổi không ngừng nghỉ,
Nghĩ lại cuộc đời quá đắng cay.

Đời người chỉ có bấy nhiêu thôi,
Sự nghiệp công danh chết hết rồi.
Thân xác trở về cùng cát bụi,
Thần hồn lưu chuyển kiếp luân hồi.

Văn Thân

Xuân Di Lạc

Tịnh Đức

*Xuân Di Lạc mùa xuân an lạc
Xuân rộng lòng hỷ xả khắp muôn nơi
Xuân vang lên với muôn vạn tiếng cười
Xuân trải khắp tình người trong muôn thuở
Xuân Di Lạc trăm hoa cười đua nở
Xuân về nguồn rạng rỡ cõi nhân gian
Xuân vui tươi không giọt lệ lời than!
Xuân vượt thoát mọi âu sầu toan tính.*





CẢM NIỆM ÂN ĐỨC THẦY
ĐỨC TÔNG TRƯỞNG
Phước Huệ Sơn Môn Học Phái.
Cung tuyên trong buổi Lễ Tưởng Niệm
nhơn dịp huỷ nhật lần thứ 6
tại Tổ Đình Phước Huệ
Sydney – Australia.
Chủ Nhật 28/01/2018

Kính bạch giác linh Tôn Sư Hòa thượng!

Môn đồ tứ chúng
Phước Huệ Tông Môn
Thiết Lễ Tưởng Niệm
Sáu năm Thầy từ giả
Quán trọ cõi Ta Bà
Trở về hương bản giác

Chúng con thiết nghĩ Thầy
Cùng Tổ ngộ giáo quán,
Trong cửa Thiên Thai vâng lời thọ ký.
Và, vì người khai Phật trí

Từ Tổ Đình Thiên Tôn
Xuất thân xây đạo nghiệp

Nhớ giác linh xưa!
Dòng họ thế gia,
Môn phong Nho giáo,
Tuổi thơ nhập đạo,
Chí lớn xuất trần.
Theo Thầy học đạo chuyên cần,
Và, cùng chúng tu thân tinh tấn.
Án Quang Học Đường Nam Việt
Vuông tròn bốn phận,
Đầy đủ khả năng,
Dắt dìu Tăng chúng,
Lẫn cả tục gia

Vì vậy, Thầy được:
Các bậc Long Tượng
Trong chốn tông lâm
Truyền y bổ xứ,
Giám Viện Giáo thọ
Các trường Phật học
Đào tạo Tăng tài

Sứ Giả Như Lai.

Sau cuộc tranh đấu 63
Thầy từng là;
Vụ trưởng Nghi Lễ
Giáo Hội Trung Ương
Tăng Sự Viện Hóa Đạo
Lãnh đạo miền Khánh Anh
Miền tây sông Hậu
Khai sơn tự viện
Một tại Long Xuyên
Một tại Đồng Nai
Hiệu tự Phước Huệ
Đồng nhất một danh.

Phó Tổng Lý Nội Vụ
Hội Đồng Quản Trị
Cùng những cơ sở
Trực thuộc hệ thống
Tổ Đình Án Quang

Rồi tháng tư đen
Bao phủ miền nam
Nước Việt quê hương
Con thuyền Giáo Hội
Cũng gặp nguy khốn
Bập bênh mù khơi
Bão táp vây quanh
Cộng chung số phận
Dân Việt đồng bào
Cắt ruột ra đi
Bỏ lại quê hương
Đen tối phủ vây
Mong tìm hơi thở
Tự do xứ người
Thầy thương đời lẫn đạo

Đòi vì Dân Tộc
 Đạo vì lợi sanh
 Nên Thầy đành bỏ xứ
 Ân hiện trong đoàn người
 Da vàng cùng máu đỏ
 Chọn xứ Úc đất lành
 Làm quê hương thứ hai
 Rồi từ đó,
 Thầy bắt đầu đoạn đường mới
 Nơi xứ người xa lạ
 Bằng tâm nguyện bao la
 Đại hùng và đại lực
 Dựng cờ Pháp tung bay
 Rợp trời Úc Đại Lợi
 Kiến lập ngôi Tam Bảo
 Lớn nhỏ khắp các miền
 Từ Nam cực đến Bắc Mỹ
 Phước Huệ là Tổ Đình
 Thiên Thai Giáo Quán pháp
 Của Tông môn Hải Ngoại
 Đào tạo bao thế hệ
 Xuất thân trên xứ người
 Với tấm lòng bao dung
 Dẫn dắt từng bước đi
 Như con thơ chập chững
 Từ thiên môn quy củ
 Các pháp tắc lễ nghi
 An Cư và Tụ Tứ
 Khai Đàn truyền thọ Cụ
 Bồ tát và Sa Di
 Biên soạn dịch Diệu Quán
 Trì Danh tư tưởng luận
 Xiển dương Tịnh Độ môn
 Tạo Những Cánh Sen Hồng
 Bốn chúng đồng cất bước
 Nguyện sanh về cõi Tịnh
 Ba mươi xuân hạ thu đông
 Trên xứ Úc hiền hòa
 Kiến pháp tràng ư xứ xứ
 Phá nghi vông ư trùng trùng
 Giềng mối pháp môn,
 Cột rường đạo giáo,
 Chơn tâm hạo hạo,
 Pháp tướng nguy nguy
 Việc Phật đảm đương hộ niệm,
 Chuyện đời chia sẻ đỡ nâng.

Biết bao công đức,
 Nhiều lắm nghĩa nhân!
 Suốt đời tận tụy
 Trọn kiếp nghiêm thân
 Hoằng dương Phật pháp,
 Góp phần xây dựng
 Từ thiện xã hội
 Văn hóa giáo dục
 Bảo tồn tiếng mẹ
 An lành xứ Úc
 Thế rồi, Thầy đã
 Thuận thế vô thường
 An nhiên thị tịch
 Với danh hiệu Di Đà
 Một lòng nguyện về
 Tây phương cực lạc
 Với tuổi chín mốt
 Bảy mươi tăng lạp
 Thân thể phôi pha,
 Ai biết long xà,
 Nào hay phàm Thánh.
 Quyền thiệt mơ màng
 Hiện tàng phương phát,
 Ở đi còn mất,
 Bối rối phân vân!
 Than ôi! Một thuở dòi chân,
 Nghìn thu vắng mặt
 Thầy Ngắm phương trời lên cõi vô dư,
 Dò dạm đất vào thành bất thoỉ.
 Đúng vậy:
 Lá rụng về cội,
 Nước chảy ra khơi,
 Ta bà xả báo một đời,
 Phật quốc nở hoa chín phẩm.
 Và đứng trước tình cảnh biệt ly này:
 Tiếc thương nào cấm,
 Đau xót ai ngăn.
 Chí thành hiến cúng hoa dâng,
 Cung kính đáp đền ơn đức
 Muôn phần thỏn thức,
 Một bức khóc vãn.
 Đệ tử chúng con kiên thành đánh lễ.

Kính Niệm
Đệ tử An Chí

Hoài Niệm Ân Sư

Mười năm về trước, gia đình chúng con từ Melbourne di chuyển về Sydney sinh sống. Sau những ngày, giờ làm việc mệt nhọc và căng thẳng, chúng con muốn tìm một ngôi nhà để nương tựa, an dưỡng thân tâm.

Nhân một người quen chỉ bảo, chúng con được biết tổ đình Phước Huệ tổ chức khóa Xuất gia ngắn hạn. Đó là những năm 2004-2005, lần đầu tiên chúng con đến với tổ đình Phước Huệ và được biết cố Đại lão Hòa Thượng thượng Phước hạ Huệ. Trong tinh thần vô ngã, tự lợi, lợi tha và để tiếp nối con đường hoàng dương đạo pháp của Phật và chư tổ mà cố Đại lão Hòa Thượng đã khai mở khóa xuất gia ngắn hạn hằng năm cho hàng phật tử tại gia có cơ hội tu tập hạnh xuất gia gieo trồng phước báo và nhân duyên xuất gia. Mặc dù tuổi đã cao, cố Hòa Thượng vẫn đảm nhiệm thời khóa dạy học, hướng dẫn chúng con tu tập. Qua những lời dạy dỗ, chúng con hiểu rõ hơn về lý nhân quả, từ đó chúng con quán chiếu và hiểu được những hoàn cảnh xem chừng như là bất công một cách dễ dàng hơn.

Cố Đại lão Hòa Thượng thường nhắc nhở chúng con siêng năng lay Phật, niệm Phật sám trừ tội chướng. Ngài dạy chúng con ngồi thiền niệm Phật, lúc nào cũng giữ câu Phật hiệu, dù vui hay buồn, rảnh rỗi là nghĩ đến Phật. Ngài thành lập Cục Lạc Liên Hữu đạo tràng khuyến tấn các liên hữu chúng con thương yêu nhau, giúp đỡ và nương tựa lẫn nhau, hỷ xả cho nhau những lỗi lầm để cùng tu, cùng học, cùng sửa, cùng hành.

Với tâm nguyện độ sanh, giúp chúng con ôn lại những điều đã học, học những điều mới và lưu truyền những lời giáo huấn cho thế hệ tương lai mà Ngài đã bỏ rất nhiều thì giờ và tâm huyết biên soạn công phu những bộ sách “Những Cánh Sen Hồng, Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ, Kinh A Di Đà Mông Giải” khuyến nhắc



niệm Phật, phát bồ đề tâm, tu tập giới hạnh vv..vv..

Cố Đại lão Hòa Thượng đến Úc khi tuổi đã cao, nhưng Ngài không quản gian nan khó nhọc ra công xây dựng từ ngôi nhà mướn nhỏ đến xây dựng hoàn thành ngôi tổ đình Phước Huệ, để hôm nay chúng con có nơi chốn trở về tu tập. Ngài đã làm viên gạch lót đường, xếp đặt, tạo dựng cơ sở thuận lợi và tạo mọi sự dễ dàng cho chúng con về nương tựa. Ngài dạy chúng con đi theo lẽ phải, đường ngay, tu thiện, tránh ác, tu hơn quả giải thoát.

Với thần thái ung dung tự tại, lời nói ôn tồn nhẹ nhàng thức nhắc, chúng con học được cả thân lẫn khẩu giáo của Ngài. Những lời giáo huấn còn vang vọng bên tai, công ơn Cố Đại lão Hòa Thượng chúng con xin ghi nhớ.

Trong giờ phút trang nghiêm thanh tịnh này, chúng con thành tâm đê đầu kính lễ giác linh Cố Đại lão Hòa Thượng thượng Phước hạ Huệ, bày tỏ lòng biết ơn và tri ơn. Chúng con sẽ luôn khắc ghi những lời dạy của Ngài, cố gắng tu tập, gìn giữ giới pháp để đền đáp phần nào công ơn sâu nặng. Cầu nguyện giác linh Cố Đại lão Hòa Thượng cao đăng Phật quốc và theo bản nguyện hồi nhập ta bà tế độ chúng sanh trên đường chánh pháp.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Đệ tử Chúc Nhuận

Thành kính tưởng niệm Ân sư.



Nhớ ơn Thầy

(Đại diện Liên Trường Việt Ngữ Bồ Đề Phước Huệ phát biểu nhân dịp Lễ Húy Nhật Đức Tông Trưởng ngày Chủ Nhật 28/1/18)

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

- Kính bạch Thượng Tọa Thích Phước Tấn, Trụ trì Tổ đình Phước Huệ,
- Kính bạch Thượng Tọa Thích An Chí Tổng Thư Ký Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu,
- Kính bạch Chư Tôn Đức Tăng Ni,
- Kính thưa quý vị quan khách,
- Kính thưa quý đồng hương Phật tử thân mến.

Nhân dịp 6 năm ngày thị tịch của Đức Tông Trưởng Phước Huệ Sơn Môn Học Phái Thượng nhơn thượng Phước hạ Huệ Trưởng lão Hòa Thượng Đại sư, con xin thay mặt cho tất cả các thầy cô giáo và các em học sinh của Liên trường Việt ngữ Bồ Đề Phước Huệ tri ân và cảm niệm công đức vô lượng của cố Trưởng lão Hòa Thượng trong việc sáng lập và dìu dắt hoạt động của Liên trường.

Liên trường Việt ngữ Bồ Đề Phước Huệ là một trong những sinh hoạt văn hóa tại Tổ Đình Phước Huệ, được thành lập và hoạt động trên 35 năm qua.

“Tiên học lễ, hậu học văn” là phương châm giảng dạy của nhà trường, nên hầu hết học sinh của liên trường đều lễ phép, siêng năng, học giỏi và ngoan ngoãn.

Thông qua việc dạy và học tiếng Việt, các em học sinh được cung cấp kiến thức về lịch sử, địa lý, danh lam thắng cảnh và phong tục tập quán của Việt Nam.

Từ những ngày đầu thành lập Liên trường Việt ngữ Bồ Đề cho đến những ngày cuối đời, cố Trưởng lão Hòa Thượng luôn quan tâm và chăm lo cho hoạt động của Liên trường. Ước nguyện của Thầy là luôn cố gắng duy trì, bảo



tồn ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam cho các thế hệ kế tiếp ở Úc. Cuộc đời và đạo nghiệp của Thầy là tấm gương sáng cho các thế hệ hậu bối noi theo.

Bây giờ Thầy đã làm xong bổn phận nên Thầy từ giã chúng con, hồi quy bổn xứ.

Hôm nay, nhân lễ Húy nhật của cố Trưởng lão Hòa Thượng và trước giác linh của Thầy, chúng con xin thành kính tưởng niệm Thầy và chúng con xin hứa sẽ cố gắng duy trì hoạt động của Liên trường Việt ngữ Bồ Đề Phước Huệ để báo đáp ân đức cao dày của thầy và để hoàn thành ước nguyện của Thầy: bảo tồn tiếng Việt và văn hóa Việt trên đất Úc.

Một lần nữa chúng con xin thành tâm tri ân công đức của Thầy và chúng con nguyện cầu hồng ân Tam bảo mười phương gia hộ Thầy chóng thành Phật quả và sớm hoàn đáo Ta bà phổ độ chúng sanh đồng thành chánh giác.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Thanh Tâm





安香 - 禪韻

An Khang - Thiền Vương

Mùa Xuân trên đỉnh núi

Văn Thân

Cửa chùa còn gọi là cửa Phật, cửa từ-bi, cửa không, cửa thiên, cửa Bồ-đề, đất Già-lam, sơn-môn tức là cửa núi. Núi vốn không có cửa nhất định. Người muốn lên đỉnh núi, tự mình phải chọn lấy một cửa để đi. Khi lên đến đỉnh núi tâm hồn sẽ thấy nhẹ nhàng thư thả, hít thở không khí trong lành của trời đất, sẽ thấy lòng mình hòa nhập vào vũ trụ bao la. Núi còn là nơi sinh sống của loài cây cỏ chim muông, thú vật và côn trùng. Núi vốn không có lòng tranh chấp hận thù tàn hại muôn loài, lúc nào cũng mở rộng cửa để tiếp nhận những ai muốn tìm về với núi. Vì vậy, núi là chỗ dừng chân cho những anh hùng, chí sĩ, những kiếm khách lừng danh rửa tay gác kiếm giang hồ và những nhà cách mạng đợi thời cơ đến để ra giúp dân cứu nước.

Các thiền sư thường ẩn mình nơi núi cao cố gắng tu hành để lòng hòa nhập vào vạn vật thiên nhiên. Thiên nhiên chính là cỏ cây hoa lá, sương khói trắng sao, biển hồ mây nước, thời tiết bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông. Vì vậy các thiền sư thường lấy thiên nhiên làm đề tài sáng tác để gợi cảm tư tưởng siêu thoát của mình qua câu thơ lời kệ trong lúc xuân về, mai vàng nở rộ:

*"Cửa chùa đã khép lại rồi,
Trước sân từng cánh mai rơi ngập ngừng.
Hoa vàng quyen lấy gió xuân,
Hương thiền phảng phất lòng trần sạch không.
Vàng trắng in bóng lòng sông,
Nước trong cá lội theo dòng sông đi.
Lặng nghe tiếng gọi từ-bi ngút ngàn!"*
(Đông Minh)

Theo các thiền sư thì thiên nhiên là những hình ảnh biểu tượng, ẩn dụ để diễn đạt triết lý đạo

thiền mà các ngài đã ngộ nhập. Các ngài xem vũ trụ và con người có cùng một bản thể, cho nên mới thấy được mình là một tiểu vũ trụ, trong đại vũ trụ. Vì vậy, thiền sư Thiên Lão đã trả lời khi vua Lý Thái Tông hỏi ngài:

"Hàng ngày hòa thượng đã làm gì?" Ngài đáp:

"Trúc biếc, hoa vàng đâu cảnh khác,
Trăng trong mây trắng hiện chân tâm."

Có người cũng đã hỏi thiền sư Viên Chiếu:

-Thế nào là một pháp? Ngài Viên Chiếu đáp:

-"Chẳng thấy xuân sanh cùng Hạ trưởng,
Gặp liền Thu chín với Đông tàn"

Đây chính là cái đạo lý duy nhất của thiền học và cũng là nguồn sống vĩnh cửu vô biên vừa thiên nhiên vừa siêu thoát. Đó là cái bất biến ứng vạn biến vậy.

Thiền sư Giác Hải xem thiên nhiên như huyền cảnh không thật.

Trong bài "Thị Tật" thiền sư đã mượn cảnh hoa, bướm và mùa xuân để nói lên kiếp người quá ngắn ngủi. Khi mùa xuân đến thì hoa, bướm hiện ra và khi mùa xuân đi thì hoa, bướm cũng theo đó mà biến mất. Đời người chẳng khác gì hoa bướm sống trong huyền cảnh, khi hợp, khi tan theo định luật tuần hoàn trong trời đất:

*"Xuân sang hoa, bướm khéo quen thì,
Bướm lượn, hoa cười vẫn đúng kỳ.
Nên biết bướm hoa đều huyền ảo,
Thấy hoa mặc bướm để lòng chi?"*
(Ngô Tất Tố dịch)

Thiền sư Hương Hải cũng đã nói: "Con người phần nhiều vì sự cho nên ngăn chặn tâm, muốn chạy trốn cảnh để tìm an tâm, quên sự giữa lý mà không biết rằng chính tâm của họ ngăn chặn cảnh, lý của họ ngăn chặn sự. Nếu họ biết

làm cho tâm không thì cảnh tự nhiên cũng không, làm cho lý lặng thì tự nhiên sự cũng lặng. "Nhu vậy muốn đạt đến trạng thái tự tại chúng ta trước tiên phải nhiếp phục sáu căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý bởi vì đối tượng của sáu căn là sáu trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Chính những thứ này áp đảo tinh thần chúng ta, làm cho chúng ta quên đi tự tánh ban đầu để đắm mình trong mộng tưởng đảo điên.

Là người đệ tử Phật chúng ta cần phải nhìn thẳng vào thực thể bản thân và ngoại cảnh, nhờ đó chúng ta mới thấy rõ sự hiện hữu của mình và sự vật đều là huyền hoá, do nhân duyên hòa hợp, chớ không có gì chắc thật cả. Chỉ có chân tâm của mình mới là thật sự bất sanh bất diệt mà xưa nay mình đã quên đi. Vì vậy chúng ta phải sống thực với nó, đừng để một tạp niệm nào dấy lên. Một khi chơn tâm của chúng ta không bị giao động thì dù ngoại cảnh có thế nào đi nữa cũng trở thành vô nghĩa.

Đối với thiền sư Vạn Hạnh, thì thiên nhiên chỉ là những hư ảo, vô thường, không thật, kiếp người cũng chỉ là giả tạm, ngắn ngủi, chẳng khác nào ánh chớp trên không, hiện ra rồi biến mất, như vạn vật cây cỏ theo thời tiết bốn mùa thay đổi. Sự thịnh suy của đời người, chỉ là luật tuần hoàn của trời đất trong vũ trụ. Tạm thời như hạt sương mai dính trên đầu ngọn cỏ, không có gì phải lo sợ. Thiền sư Vạn Hạnh muốn nhắc nhở các môn đệ của mình cũng như những Phật tử phải luôn luôn có tinh thần vô ngã, vô cầu, vô úy và vô trụ qua bài kệ "Thị Đệ Tử" như sau:

*"Thân như bóng chớp chiều tà,
Cỏ Xuân tươi tốt, Thu qua rụng rời.
Xả chi suy thịnh việc đời.
Thịnh suy như hạt sương rơi đầu cành."
(Mật Thể dịch)*

Theo ý bài kệ thì thiền sư đã vượt lên trên sự sống chết, có không thành bại, thịnh suy cuộc đời với một tinh thần lạc quan và dù cho thế giới biến đổi không ngừng nhưng mọi vật cùng liên đới với nhau, vẫn nằm trong cái trào sinh hóa đại đồng và nguồn sống bất tận trong vũ trụ. Hơn nữa, thiền sư còn để tâm mình cảm thông đồng nhất với đời sống đại đồng nên mới có niềm tin mãnh liệt vào vận mệnh tuần

hoàn bất diệt của thời tiết bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông. Ngoài ra sư còn thấy được cả nguyên lý duy nhất ở thế giới sự vật và nhờ đó sư ứng dụng cái thấy biết ấy vào đời sống thực tế, để phụng sự tổ quốc mà không chút tham đắm, lợi danh. Sư đã không trụ vào chỗ có trụ, không nương vào chỗ không trụ để trụ, vượt lên trên ý thức có không thành bại nhập thể của đạo Nho và xuất thế của đạo Lão vậy.

Trong bài "Ký thanh phong am tăng Đức Sơn", thiền sư Đức Sơn sống đời trầm mặc trong am vắng giữa chốn núi non tĩnh mịch, gió mát đập vào cánh cửa thông, trăng chiếu sáng cả sân am, phong cảnh thật là trong sạch mát mẻ, như đã hẹn ước với người thoát tục. Nhưng cái thú thanh cao tinh khiết ấy không có ai biết đến, chỉ có vị sư trong núi thưởng thức từ tối đến sáng thôi:

*"Gió đập cửa tùng, trăng chiếu sân,
Lòng này cảnh ấy luống bâng khuâng.
Mùi thiền trong đó không người biết,
Để mặc sư ngồi thưởng thức trăng."
Bài kệ cho thấy tư tưởng siêu thoát của sư*

Đức Sơn, không còn vướng bận việc đời và xa lánh mọi người, tìm về thiên nhiên để thư giãn tâm hồn nơi núi rừng vắng lặng.

Chúng ta cũng bắt gặp tư tưởng này "Thạch Thất của sư Huyền Quang, vị tổ thứ ba trong phái thiền Trúc Lâm đời Trần. Thiền sư trong lòng rộng lạng, sống trong hang đá quanh năm mây phủ, mặc áo thô sơ chịu lạnh lẽo, suốt tháng ngày. Sư ngồi thiền trên giường, sách vở nằm trên bàn, củi trong lò đã cháy tàn, bên ngoài mặt trời đã lên ba sào mà vẫn không hay biết:

*"Nửa gian nhà đá lẫn mây vào,
Mảnh áo thô sơ lạnh biết bao!
Sư tại giường thiền, kinh ở án,
Lò tàn đầu củi, mặt trời cao."*

Câu chốt của bài thơ này cho thấy tâm sự chán chường nhân thế của sư Huyền Quang, không còn muốn tha thiết gì đến việc đời. Trường hợp cụ Nguyễn Trãi, chúng ta cũng thấy tâm sự cụ chán chường. Cụ đã giúp vua Lê Lợi đánh đuổi được quân Tàu ra khỏi nước, được làm quan to, nhưng lại nhàm chán danh

lợi, muốn tìm về cửa thiền để yên tĩnh tâm hồn. Cụ đã nói rõ tâm sự của mình trong bài "Tự Thán " như sau:

*Chiếc thuyền lơ lửng bên sông,
Biết đem tâm sự ngõ cùng ai hay.
Chắc chi thiên hạ đời này,
Mà đem non nước làm rày chiêm bao,"*

Ngoài thiên nhiên biểu tượng, các thiền sư đời Trần còn mượn hình ảnh thiên nhiên hiện thực để nói lên mối rung cảm của lòng mình. Đó là thiên nhiên trong cuộc sống gắn bó với con người. Con người sống với thiên nhiên hiện thực sẽ được yên vui tiêu dao tự tại, không cần biết đến ngày tháng, những biến động chung quanh, tha hồ thưởng ngoạn cảnh núi biếc mây xanh, suối, reo, chim hót, hoa cười bướm lượn, sương khói mây ngàn với một tâm hồn khai phóng rộng mở. Tìm về thiên nhiên hiện thực cũng là cách để con người bớt đi tâm tư sầu muộn, quên hết mọi phiền não của cuộc đời. Tinh thần đạo lý ở đây cũng nhẹ dần, nhường chỗ cho tình yêu và vẻ đẹp để lòng người rạt rào rung cảm. Trong bài "Thiên Trường Vãng Vọng", Thiền Sư Nhân Tông đã cho thấy thiên nhiên gắn bó với tình cảm con người: Trời chiều ở hành cung Thiên Trường, sư nhìn ra đồng ruộng, thôn xóm, lắng nghe tiếng sáo diều dật của em bé đuổi trâu về chuồng, đôi cò trắng đáp xuống bờ ruộng, sư cảm thấy lòng mình tràn ngập một niềm vui thoát tục và tự hỏi những thôn xóm trước mặt nằm trong màn sương mờ ảo kia là có hay không? Cuối cùng là cái lời không lời tan biến vào hư vô tịch của buổi chiều tà:

*"Xóm trước thôn sau tựa khói hồng,
Bóng chiều man mác có dường không.
Theo hồi kèn mục trâu về hết,
Cò trắng từng đôi đáp xuống đồng."*

Đây là bài thơ tuyệt tác đã đạt đến chỗ "thi trung hữu họa" được sáng tác trong phạm vi mỹ học thiền, bởi trạng thái chấp chờn giữa hư và thực, giữa tĩnh và động, giữa hữu và vô vậy.

Vậy thì tìm về với thiên nhiên biểu tượng hay hiện thực, tu theo đạo thiền có nghĩa là buông hết tất cả để được tất cả, nó thật dễ như hơi thở. Cái khó là chúng ta có chịu thực hành bỏ hết mọi chấp trước hay không mà thôi.

Mùa Xuân đã về, hoa Mai nở rộ trước sân chùa, người người rộn rịp đón Xuân ăn tết vui vẻ với hy vọng năm mới sẽ được sáng sủa và may mắn hơn.

Để kết luận, xin mượn mấy câu thơ sau đây để quý vị suy gẫm:

*"Con trùn chặt đứt làm hai,
Bên nào cũng động mấy ai tỏ mà.
Hỏi chi tánh Phật đâu là,
Uổng công mổ ruột lòi ra sáu rùa."*

Ý nói con trùn chặt đứt làm hai khúc, mỗi khúc đều cử động. Vậy Phật tánh ở khúc nào?

Văn Thân



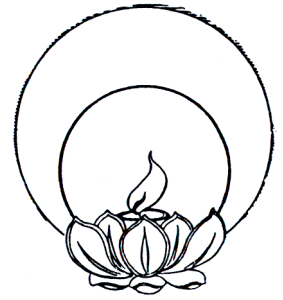
Xuân hồng vũ trụ

*Xuân về xanh mướt non cao
Rừng mai đua nở một màu vàng tươi
Trăm hoa hớn hở vui cười
Mừng khoe sắc thắm tỏa hương ngạt ngào
Trời trong mây trắng lên cao
Không gian rộng mở cho ta thương người
Long lanh những hạt sương trời
Kết thành châu ngọc sáng ngời tin yêu
Bên sông tha thướt mỹ miều
Liễu đào lơ lả dập dìu bướm ong
Chim muông nháy múa tiền đông
Lú lo ca hát điệu hồng nắng xuân
Xuân thanh bình, an lạc xuân
Chan hòa vũ trụ tình xuân nồng nàn.*

Trí Lạc



Nhân Quả Báo Ứng



Thấm thoát thời gian trôi qua thật nhanh. Mới đó mà Nhà Sư đã nhập thất tịnh tu trải qua hơn một năm rồi. Chú Minh Thiện làm thị giả thường ngày lo bung cơm nước cho Nhà Sư. Cái tịnh thất nằm bên kia ngọn đồi rất yên tĩnh. Cách chùa cũng không xa lắm. Phần bà Tư và cô ba Diệu Thành vẫn lo việc nấu nướng và làm công việc ở nhà trừ như từ trước tới nay. Tuy nhiên, bà Tư Diệu Đạo vì tuổi già nên mỗi ngày mỗi yếu dần. Bà thường hay đau bệnh. Tuổi già như cây thiếu rễ cái, muốn xiêu ngã lúc nào thì ngã. Vì vậy, nên những công việc mà bà thường làm trước kia, nay thì bà giao lại cho cô ba Diệu Thành giúp giùm. Cô ba Diệu Thành kể từ khi vào chùa làm công quả tới nay, tính ra cũng đã trên hai năm. Ngoài việc lo nấu nướng phụ lực cùng bà Tư ở nhà trừ ra, cô còn phải làm những công việc lật vật khác như dọn dẹp quét tước sạch sẽ chung quanh chùa. Cô làm việc rất cần mẫn siêng năng. Bà Tư rất thương mến qua tính tình thật thà chất phát hiền hậu, ít nói và chịu khó của cô. Khi nào rảnh rỗi thì cô và bà Tư mỗi người chuyên tâm niệm Phật. Chính vì tính tình cởi mở, chịu khó và vui vẻ của hai người, nên quý bà phật tử đến chùa thường hay lân la trò chuyện và họ rất quý mến. Họ rất quý mến bà Tư Diệu Đạo. Vì họ biết bà Tư lâu nay đã hết lòng lo lắng giúp công quả cho chùa. Nay tuy tuổi già sức yếu, nhưng tâm nguyện lo cho chùa của bà trước sau vẫn không hề thay đổi.

Những lúc các cô, các bà phật tử tới chùa phụ lo làm công quả giúp việc ở nhà trừ, bà Tư cũng thường hay khuyên lơn họ nên cố gắng chuyên tâm tu hành. Bà thừa biết bản chất của người phụ nữ là hay lắm chuyện nhiều lời. Khi gặp nhau chụm ba, chụm bảy, thì họ thường đem những chuyện của thiên hạ ra mà bàn tán phê bình chỉ trích nói xấu lung tung đủ thứ. Họ hết nói chuyện "**phải**" của người này thì quay sang nói chuyện "**quấy**" của kẻ khác. Khi nói xấu chỉ trích lỗi người, họ lại quên rằng mình cũng không có tốt lành gì. Nhìn lại mình cũng là thân phận của con lươn mà lại đi phê bình

chỉ trích chê con lịch. Nhà mình thì tôi om rác rến tràn ngập mà không lo dọn quét cho sạch, cứ một bề lo cầm chổi đi quét nhà thiên hạ. Quả đúng với câu: "*Churn mình còn lắm lê mê mà đi xách đuốc lại rê churn người*". Bà nói: "Đó là cái bệnh nặng của phái nữ chúng ta. Cái bệnh vạch lá tìm sâu, bới lông tìm vết hay tốt thì khoe mà xấu thì che thì thật là khó bỏ". Tu hành là mình phải cố gắng bỏ đi cái tập khí xấu ác này.

Ngược lại, việc bình luận thiên hạ sự, bên phái nam cũng không phải là không có. Nhưng có lẽ ít hơn và không nặng lắm như phái nữ. Vì đó là nghiệp dĩ lâu đời của con người. Đó là cái bệnh chấp ngã rất sâu nặng. Vì chấp ngã nên lúc nào họ cũng thấy mình hay, mình giỏi, cái gì mình cũng đúng đắn vượt trội hơn người. Chính vì hay đâm thọc và nói xấu người này, người nọ, nên mới sanh ra có chuyện giận hờn và đôi chổi thù ghét lẫn nhau. Từ đó, mất hết tình cảm bạn bè. Đối với những người có chút tự trọng và hổ thẹn thì họ tìm cách lánh xa hạng người này. Vì họ biết gần với hạng người này trước sau gì cũng gây ra lắm chuyện thị phi phiền phức. Tốt nhất là nên tránh trước thì tốt hơn. Tránh nhân thì không có quả.

Bà nhớ lại, từ ngày bà vào chùa làm công quả ăn mày công đức của Phật, Nhà Sư lúc nào cũng khuyên bà nên nhiếp tâm và gìn giữ ba nghiệp: "*thân, khẩu, ý*" mà gắng công niệm Phật. Mỗi khi Nhà Sư có dịp đi ngang qua nhà bếp thấy bà đang lật rau, Nhà Sư ôn tồn dùng lời từ ái khuyên bà. Nhà Sư bảo: "sự tu hành cũng giống như bà đang lật rau vậy". Bà liền hỏi lại Nhà Sư:

- Bạch Thầy giống là giống như thế nào?
- Khi lật rau, bà phải lựa bỏ những lá sâu, lá úng hoặc lá hư thối có phải không?

- Dạ, thưa phải.

- Những lá rau úng thúi hoặc có sâu mà bà không cẩn thận lựa bỏ nó ra khi mình ăn vào thì rất có hại cho sức khỏe. Cũng vậy, những thứ phiền não trong tâm mình cũng giống như những lá sâu, úng hay ung thúi. Tu hành là mình cần phải quán sát thật kỹ ở nội tâm để trừ khử chúng nó đi. Như bà lật rau thì bà phải để ý quán sát kỹ mới thấy những lá hư thúi. Khi bà quán sát kỹ thì đó là bà đang thật hành chánh niệm rồi. Vì có chánh niệm nên bà mới thấy rất rõ những công việc mà mình đang làm. Còn hể khi làm mà bà bị thất niệm, tức không chú ý vào công việc mình đang làm, tất nhiên, là nó sẽ mang lại kết quả rất xấu. Do đó, nên khi làm việc gì mình cũng phải gìn giữ chánh niệm. Khi lật rau hay nấu nướng chiên xào v.v... lúc nào mình cũng phải có chánh niệm. Khi nêm nếm thức ăn mà thất niệm thì có khi bà nêm muối mặn chát và có lúc lại nhạt nhách. Như thế chứng tỏ là mình đang làm công việc mà bị những thứ khác lôi kéo mình đi. Làm mà bị phân tâm nghĩ nhớ lung tung thì rất là tai hại. Điều này rất tối kỵ đối với người tu hành. Bà nên nhớ rõ lời tôi nói.

- Dạ. Con xin ghi nhớ kỹ.

- Còn một việc nữa, bà cũng nên hết sức cẩn thận. Khi nêm nếm thức ăn bà phải dùng cái dĩa múc nước để vào trong một cái chén riêng. Khi nêm bà chỉ nêm ở nơi cái chén này (Nhà Sư lấy cái chén chỉ cho bà). Tại sao phải làm như vậy? Bởi vì nếu như trong người mình đang có mang một chứng bệnh nào đó có thể gây truyền nhiễm cho người khác, như chứng bệnh gan loại A chẳng hạn, mà mình nêm nếm trực tiếp như thế thì tất sẽ gây ra tai hại làm cho người khác phải mang chứng bệnh như mình. Việc này rất quan trọng tôi khuyên bà phải chú ý cẩn thận. Đồng thời, trong lúc nấu nướng bà phải có tâm hoan hỷ vui vẻ với mọi người. Tuyệt đối không được giận hờn trách móc người này người nọ. Vì khi nổi giận bực tức ai đó, thì hành động thái độ của ta lúc đó thật khó coi. Trong khi đang làm như chiên xào thức ăn v.v... mà bà nổi cơn thịnh nộ lôi đình hung tợn thì bà đang trút cơn giận dữ vào thức ăn, đại chúng sẽ lãnh đủ ăn qua cơn giận tức của bà. Điều này, tôi khuyên bà phải hết sức cẩn thận, nếu không khéo gìn giữ thì bà sẽ mang trọng tội với đại chúng bà có biết không?!

- Dạ! Con xin ghi nhớ lời Thầy dạy.

Qua những lời khuyên bảo thức nhắc của Nhà Sư, bà không bao giờ quên được. Bà thường nói với cô ba Diệu Thành: người tu hành không nên luận bàn nói việc thị phi ở thế gian. Bởi nó không đem lại lợi ích gì cho mình cả. Chẳng những không có lợi mà còn có hại nữa. Vì vậy, khi phật tử đến chùa làm công quả, mình nên khuyên họ, khi vào trong chùa thì phải bỏ hết những chuyện thị phi ở ngoài đời. Vì mang những việc thị phi ra để bàn tán luận đàm thì rất phí uổng cho việc tu hành của mình. Nếu không khéo chẳng những mình không có phước mà còn mang thêm tội lỗi nữa. Bởi vậy, chư Tổ thường khuyên bảo: "*Nên bớt nói một câu chuyện, mà nên niệm nhiều câu Phật*". Bao nhiêu phước đức bị cái khẩu nghiệp nó thiêu đốt hết. Vì thế, nên cần phải ứng dụng lý nhân quả vào đời sống. Hễ gây nhân xấu thì làm sao gặt hái quả tốt cho được?

Người ta thấy, tuy bà làm công quả ở nhà bếp lâu năm, nhưng tánh tình của bà rất hòa nhã hiền từ dễ mến. Vì bà chưa bao giờ thấy mình là kẻ có công lao lớn giúp cho chùa cả. Bà chưa từng la rầy hay nói nặng lời với ai một tiếng. Khi cần nhờ người khác giúp đỡ thì bà dùng lời nói êm dịu, nhỏ nhẹ, hòa ái, nhã nhặn để nhờ họ. Bà luôn hạ mình khiêm tốn lễ độ với mọi người. Bởi khi bà mới vào chùa làm công quả thì bà đã được Nhà Sư trụ trì khuyên dạy bà rất kỹ về cung cách hành xử cũng như chú tâm trong việc tu hành. Nhà Sư thường dạy bà: "*Người thật sự tu hành là phải luôn nhìn kỹ lại mình. Có nhìn kỹ lại mình thì mình mới thấy lỗi lầm của mình để mà điều chỉnh sửa lại*". Người xưa có khuyên: "*Tiên trách kỷ, hậu trách bỉ*". Nghĩa là trước phải trách mình, sau mới trách người. Nhờ cách hành xử khiêm tốn qua lời nói, thái độ, cử chỉ của bà nên bà đã được mọi người rất yêu thương quý kính. Và ai cũng tận tâm lực phụ giúp cho bà trong niềm vui vẻ hoan hỷ. Do đó mà ở trong nhà bếp chưa bao giờ xảy ra có chuyện hơn thua tranh chấp cãi vã với nhau. Nhà Sư cũng không phải bận tâm lo giải quyết những vấn đề rắc rối phiền phức vật vãnh ở nhà trù.

Riêng về thầy Giác Thiện, kể từ ngày thầy nhận nhiệm vụ trụ trì do Nhà Sư giao phó đến nay, thầy đã cố gắng tận tâm lực làm việc tích cực để khỏi phụ lòng vị Sư Phụ của mình tin tưởng giao phó. Đối với việc tu học, thầy thường tổ chức những kỳ thọ bát quan trai cho các phật tử về chùa tu học. Vì thầy đã tốt nghiệp Cao đẳng Phật học nên trình độ giáo lý của thầy rất khá. Vì vậy nên sự hướng dẫn giảng giải của thầy cho các phật tử nghe, phải nói ai nấy cũng đều rất chăm chú và thích thú. Thầy là người hiền từ, hòa nhã, khiêm cung, vui tánh, cởi mở và ăn nói rất có duyên. Chính vì thế nên phật tử rất quý kính và thương mến. Đối với các huynh đệ ở trong chùa, thầy lúc nào cũng ân cần dạy dỗ thức nhắc. Thầy là người rất nghiêm khắc về vấn đề oai nghi, giới luật. Có thể là thầy bị ảnh hưởng sâu đậm của vị Sư Phụ mà thầy đã cận kề tu học trong nhiều năm qua. Tuy thầy khó về nguyên tắc giới luật, nhưng thầy có tấm lòng rất ưu ái thương mến huynh đệ. Mỗi khi hai chú Minh Thiện hoặc Minh Giác có lầm lỗi thì thầy răn dạy bằng cách bắt hai chú quỳ hương hoặc lay sám hối. Đó là quy luật ở trong chùa. Riêng về thầy Huệ Giải và chú Huệ Ngộ thì thầy cũng thường khuyến nhắc dạy bảo hai người trong việc tu học.

Lúc đầu, thầy tập cho thầy Huệ Giải lo công việc nội tự như là một vị Tri sự. Thầy Huệ Giải nhờ sự hướng dẫn dạy dỗ của Nhà Sư trụ trì trước kia, nên thầy cũng khá thông thạo điều hành công việc của chùa. Trong thời gian thầy Giác Thiện còn đang theo học ở Phật Học Viện, thì thầy Huệ Giải lo hết mọi việc ở trong chùa. Thầy làm dưới sự sắp xếp chỉ dẫn của Nhà Sư trụ trì. Những công việc mà Nhà Sư giao phó cho thầy thì thầy làm rất tốt. Chú Huệ Ngộ cũng phụ giúp với thầy rất nhiều. Nay đối với những công việc mà thầy Giác Thiện giao cho, đối với thầy thì cũng không có gì là khó khăn trở ngại cả. Sở dĩ thầy Giác Thiện giao cho thầy Huệ Giải như thế, vì thầy Giác Thiện phải lo những công việc đối ngoại hơi nhiều. Bởi thầy Giác Thiện ngoài chức vụ trụ trì ra, thầy còn gánh vác một vài chức vụ trong Giáo Hội nữa. Là một giảng sư nổi tiếng nên thầy cũng thường hay đi giảng nơi này, nơi kia khi được thỉnh cầu.

Trong chùa, sau giờ tịnh độ tối, thầy Giác Thiện dạy cho các huynh đệ học hỏi về những giáo lý căn bản. Các Phật tử nam nữ, nhất là giới trẻ cũng có đến tham dự. Đối với hai chú Minh Thiện và Minh Giác vì tuổi còn nhỏ nên thầy Giác Thiện giao cho thầy Huệ Giải luôn hướng dẫn nhắc nhở. Chú Huệ Ngộ nhờ chịu khó siêng năng cần cù học hỏi nên nay chú rất khá về phần giáo lý căn bản. Có lần trong giờ học chú Huệ Ngộ hỏi thầy Giác Thiện:

- Kính thưa Sư Huynh, đệ có một câu hỏi mà lâu nay đệ hay thắc mắc mà chưa tìm ra câu trả lời, vậy đệ nhờ Sư huynh giải hộ giùm.

- Đệ cứ hỏi, sư huynh sẽ giúp cho.

- Đệ thấy Bồ tát Địa Tạng trong lòng bàn tay trái của Ngài có cầm hạt minh châu, còn tay phải của Ngài thì cầm cây tích trượng, đệ chưa hiểu điều đó tượng trưng cho ý nghĩa gì?

- Đó là hình ảnh tượng trưng cho một ý nghĩa rất thâm sâu. Đức Bồ tát Địa Tạng mang hình ảnh của một vị xuất gia, Tỳ kheo. Trong khi đó các vị Bồ tát khác phần nhiều lại hiện thân cư sĩ. Như đệ biết Bồ tát Địa Tạng có một thệ nguyện rất rộng lớn:

*Địa ngục vị không
Thệ bất thành Phật
Chúng sanh độ tận
Phương chứng Bồ đề*

Nghĩa là:

Nếu còn một chúng sanh nào ở trong địa ngục, thì Ngài thệ nguyện là không thành Phật. Khi nào cứu độ hết chúng sanh thì Ngài mới thành Phật. Nhưng biết bao giờ địa ngục mới trống không đây? Và làm sao có thể độ hết chúng sanh? Trong bốn loài chúng sanh (thai, noãn, thấp, hóa), chỉ riêng loài thai sanh như loài người của chúng ta thôi, thử hỏi biết bao giờ Ngài mới độ hết? Chính vì vậy mà ta thấy bản nguyện của Ngài thật là rộng lớn vô biên không thể nào suy lường được. Vì xứng theo bản nguyện độ sanh của Ngài nên hình ảnh của Ngài phải là con người giải thoát (xuất gia). Mình có giải thoát thì mới có thể độ chúng sanh được giải thoát như mình. Vì thế, nên người ta tạc tượng Ngài để tôn thờ qua hình ảnh của một con người siêu thoát. Với mục đích là để cho chúng sanh phát tâm hâm mộ để cầu Ngài độ thoát. Tuy nhiên, muốn cứu độ chúng sanh, tất nhiên phải cần đến những

phương tiện. Tích tượng và minh châu là hai vật thể được tượng trưng nhằm cảnh tỉnh thức nhắc chúng sanh nên hồi quang phản chiếu lại tự tâm mình.

Tích tượng là một pháp khí thỉnh thoảng chúng ta hay thấy Sư Phụ của mình cũng hay thường dùng mỗi khi đi lên đồi. Tích tượng trong chùa thường gọi là cây gậy. Đây là vật mà đức Phật và tăng đoàn thời xưa thường hay sử dụng. Xưa kia đức Phật và các vị tăng đoàn khi đi khất thực, vai mang bình bát, tay cầm tích tượng. Tích tượng có hai công dụng: Một là, khi đến trước cửa nhà người thì rung tích tượng reng reng để người trong nhà biết mà mang thức ăn ra cúng dường. Hai là, dùng nó trong lúc đi đường. Bởi Ấn Độ thời xưa rất rất nhiều. Nhất là những con đường có nhiều cây cối bụi rậm um tùm nên cần phải dùng gậy để xua đuổi chúng nó khỏi bị họa hại.

Còn trên đầu tích tượng có mười hai khoen là tượng trưng cho mười hai nhân duyên. Đệ có còn nhớ mười hai nhân duyên không?

- Dạ. Đệ còn nhớ chứ.

- Đệ kể cho sư huynh nghe.

- Mười hai nhân duyên gồm có: "*Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử.*"

Đệ có biết không, đó là một chuỗi xích mà chúng sanh luôn bị nó trói buộc phải chịu nhiều đau khổ. Chính đức Phật là người đã giác ngộ mười hai nhân duyên này mà Ngài thành Phật. Từ đó, Ngài cũng đem lý nhân duyên này để cảnh tỉnh hóa độ chúng sanh. Nếu ai muốn giải thoát thì trước tiên cũng phải ngộ lý mười hai nhân duyên. Bồ tát Địa Tạng sở dĩ tay mặt của Ngài cầm tích tượng có mười hai khoen là nhằm nói lên cái ý nghĩa biểu trưng rằng: Ngài luôn sử dụng pháp Thập nhị nhân duyên để cảnh tỉnh chúng sanh. Nhờ sự cảnh tỉnh thức nhắc của Ngài mà chúng sanh nhận được chơn lý thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi khổ đau. Tuy nhiên, muốn thấu rõ lý nhân duyên cần phải có ánh sáng trí tuệ. Vô minh là đầu mối của mười hai nhân duyên và cũng là đầu mối làm cho chúng sanh phải chịu nhiều đau khổ. Vì vô minh che đậy tánh sáng suốt nên chúng sanh mới gây tạo nhiều nghiệp

ác. Bởi do thiếu ánh sáng trí tuệ nên không thấu rõ được đầu mối của vô minh. Từ đó mới có ra chấp ngã, chấp pháp. Ánh sáng trí tuệ phát khởi thì bóng tối vô minh sẽ không còn. Biểu thị cho ánh sáng trí tuệ đó là viên minh châu trong lòng bàn tay trái của đức Địa Tạng. Viên minh châu có công năng soi sáng tất cả chôn ngục hình tối tăm để cho chúng sanh nương theo ánh sáng đó mà được thoát khỏi chôn tối tăm ngục hình. Vì vậy, hễ một niệm vô minh dấy lên thì liền đó có ánh sáng trí tuệ chiếu đến. Khi đã có trí tuệ thì vô minh không còn. Mà gốc vô minh không còn thì những thứ ngọn ngành theo đó cũng bị phá vỡ tiêu tan. Sự biểu trưng đó nói lên ý nghĩa tu hành rất cụ thể. Bởi người tu, tu theo bất cứ pháp môn nào cũng phải sử dụng trí tuệ đứng đầu. Nếu không có trí tuệ thì làm sao chiếu phá vô minh? Không chiếu phá vô minh phiền não thì làm sao đạt được giải thoát? Do đó, bên cạnh vô minh là phải có trí tuệ. Đó là một ý nghĩa tiêu biểu rất thâm áo và cũng rất thực tế trong việc tu hành giải thoát vậy.

Sư huynh giải thích đơn sơ chắc đệ cũng hiểu được phần nào rồi chứ.

- Dạ. Đệ đã hiểu. Đệ cảm ơn Sư Huynh nhiều. Bây giờ đệ mới hiểu rõ tại sao người ta lại tạc tượng và trên tay của Ngài lại cầm hai loại vật thể đó.

Có lần, mấy huynh đệ đi dạo vườn, đến cây cam có nhiều trái, mấy huynh đệ đều dừng lại. Hai chú Minh Thiện và Minh Giác kêu sư huynh Huệ Ngộ hái vài trái để ăn. Chú Huệ Ngộ liền nói:

- Hai đệ muốn ăn thì phải xin sư huynh Giác Thiện. Chừng nào sư huynh cho thì huynh mới dám hái.

- Chú Minh Thiện liền thưa:

- Sư Huynh cho hai đệ xin hai trái cam nhe.

- Được. Nhưng chỉ hai trái thôi, không được ăn nhiều. Cam tuy tốt nhưng ăn nhiều thì có hại cho bao tử.

Thế là hai chú được hai trái cam. Tay vừa lột vỏ, miệng vừa nói cảm ơn. Khi đó, thầy Huệ Giác liền hỏi thầy Giác Thiện:

- Thưa Sư Huynh, đệ nhớ có lần trong khi học về giáo lý nhân quả, lúc đó, Sư Phụ có kể câu chuyện có liên quan đến "Quả Cam" như

những trái cam này. Nhưng lúc đó, đệ còn nhỏ nên không nhớ rõ và lãnh hội hết ý nghĩa được. Vậy hôm nay nhân dịp nhìn thấy cây cam, bỗng nhiên đệ trực nhớ đến câu chuyện mà Sư Phụ đã kể cách đây khá lâu. Vậy Sư Huynh có thể kể lại cho chúng em nghe được không?

- Dĩ nhiên là được. Nhưng chúng ta hãy đi tìm chỗ ngồi rồi thông thả sư huynh sẽ từ từ kể lại đầu đuôi câu chuyện cho các em nghe.

Thế là, mấy huynh đệ cùng nhau đến ngồi trên những tảng đá lớn nhỏ ở dưới cội cây thông già. Ai nấy ổn định chỗ ngồi xong, thầy Giác Thiện liền bắt đầu kể. Thầy nói: câu chuyện rất dài, ở đây sư huynh chỉ kể lại đại khái thôi. Vậy các em hãy chú ý lắng nghe. Sau này sư huynh hỏi lại thì các em phải kể lại cho có đầu đuôi câu chuyện rành mạch đó nhé!

- Tất cả đồng dạ. Chú Huệ Ngộ nhanh miệng liền nói:

- Chúng em sẵn sàng lắng nghe đây. Sư huynh kể nhanh đi.

Thầy Giác Thiện mỉm cười như có ý rất vui khi nhìn thấy các sư đệ của mình hết lòng chăm chú để ý, rồi thầy ôn tồn kể:

- Năm đã lâu, dưới triều chúa Định Vương, tại thành Qui Nhơn có một người tầu ở Quảng Đông, người ta thường gọi tên anh ta là Tàu Du. Anh ta chưa có gia đình chỉ sống một mình và chuyên hành nghề buôn bán. Cứ mỗi năm đến tháng chạp, anh ta chở hàng hóa lên thôn Vĩnh Thạnh, huyện Tuy Viễn, bán cho người địa phương. Anh này rất hiền từ thật thà tử tế. Chính vì thế nên dân làng ai cũng thương mến anh. Anh biết dân trong làng phần nhiều đều nghèo túng, nên anh bán hàng chịu cho họ không lấy tiền liền. Bởi gần Tết ai cũng muốn mua sắm chút đỉnh hàng hóa để tiêu xài. Bán xong, đến mùa gặt lúa sang năm khoảng tháng ba anh ta mới trở lại thu tiền. Nhờ đó mà hàng của anh ta bán không bao giờ bị ứ đọng hay ế ẩm.

Trong thôn Vĩnh Thạnh có người tên là Phan Phiên, ông này có gia đình và chuyên bán bánh bèo. Nhà cửa của ông này tuy không giàu có sang trọng lắm, nhưng tương đối cũng không đến nỗi thiếu thốn bản chất. Mỗi lần anh Tàu

Du đến đây buôn bán thì anh thường ghé nhà của ông Phan Phiên tạm trú. Sự qua lại giao tình giữa hai người càng lúc càng thân mật tương đắc hơn.

Trải qua năm năm tới lui yên vui như thế, nhưng không biết lý do vì sao mà anh Tàu Du bỗng nhiên bất tích không còn tới lui buôn bán như trước kia nữa. Lúc bấy giờ nhằm nhà Tây Sơn khởi nghĩa binh đánh lấy thành Quy Nhơn. Do giặc giã nổi lên loạn lạc, nên ai cũng nghĩ rằng chắc là anh Tàu Du tản cư đi nơi khác hoặc bị rủi ro trong chốn loạn quân. Có thể là anh ta đã bị tử vong chăng?! Dân làng bàn tán xôn xao nhưng không ai biết rõ về tông tích của anh cả.

Thế rồi mọi việc theo thời gian mà đi vào trong quên lãng. Không còn ai quan tâm để ý đến chuyện của anh người Tàu này nữa. Bẵng đi một thời gian, bỗng nhiên người ta rất lấy làm ngạc nhiên là gia đình của ông Phan Phiên trở nên giàu có khác thường. Tuy ông có đi buôn bán nhỏ giống như anh Tàu Du trước kia. Nhưng điều này không ai nghĩ rằng ông giàu có đến mức độ như thế. Nhà cửa vườn tược bỗng trở nên khang trang rộng rãi nguy nga đồ sộ. Tuy có thắc mắc, nhưng người ta cũng không quan tâm tìm hiểu làm gì.

Được ăn nên làm ra khá giả như thế, vì muốn tạ lễ ơn trên phù hộ, nên ông Phan Phiên có rước gánh hát bội đến hát. Rạp hát được trang hoàng toàn đồ Tàu màu sắc rực rỡ trông rất đẹp mắt. Khi tiếng trống châu báo hiệu nổi lên, mọi người đổ xô đến xem rất đông. Đêm đầu tiên khai diễn dân làng đến xem chật rạp. Đêm đó ông bầu chọn tuồng tích là Tiểu Giang Sang để tôn vương xong là bé mạc. Anh kép đóng vai Khương Linh Tá bước ra giáo đầu, điệu bộ thật khéo. Tuy nhiên, khi anh ta há miệng ra để xưng danh thì anh kép này không nói được mắt nhìn dáo dác, chân thì bước lui chỉ há miệng to ra mà không nói được lời gì.

Anh này trở vô sân khấu, ông bầu hỏi thúc anh khác ra thay thế, anh này cũng làm y như thế. Ông bầu nổi trận lôi đình, ở dưới khán giả la ó om sòm, thế là ông bầu phải đóng vai đó. Khi ông bước ra sân khấu biểu diễn đi được một

vòng, vừa há miệng ra định nói thì ông ta cũng không nói được và há miệng to đón dác hốt hoảng bước vào trong. Cả rạp đều ngạc nhiên và không ai hiểu chuyện gì. Mấy ông đánh trống tức giận quăng dùi trống và rồi chửi thề văng tục bỏ đi ra ngoài. Thế là đám hát bị tan rã.

Ông Phan Phiên tức giận liền đâm đơn kiện ông bầu buộc ông bầu phải bồi thường những phí tổn. Ông quan huyện có tên là Đê Ly Tuy Viễn, người Tàu nên người ta thường gọi ông là Tàu Công, vì ông này nổi tiếng là quang minh chánh trực xử lý rất công bằng. Đêm trước hôm Phan Phiên đâm đơn kiện, ông đang ngồi đọc sách dưới đèn, thì một người Tàu vào đặt ngay thư án một chiếc quả sơn đỏ, rồi vãi hai vãi mà lui. Ông mở ra xem thì thấy trong đó có một quả cam chín thắm. Ông vừa định lấy trái cam lên, thì lúc đó có con quạ bay đến lấy chân quắp tha đi. Ông vội đuổi theo thì vấp ngã...

Khi giật mình tỉnh dậy thì biết mình đã chiêm bao. Ứng theo điềm chiêm bao đó sáng hôm sau thì ông nhận được tờ đơn kiện của Phan Phiên. Nội dung trong đơn có liên quan đến điềm chiêm bao mà ông đã thấy khi hôm. Ông ra lệnh bắt ông bầu gánh và những kếp hát đến chính ông tự tra hạch lấy khẩu cung từng người. Tất cả đều khai giống nhau. Họ đều khai rằng, khi ra tuồng vừa mở miệng ra thì thấy một người Tàu cầm quả cam chín thắm nhét vào miệng không cho nói. Sợ quá nên họ phải rút lui vào trong. Việc thấy người Tàu và trái cam của những người khai giống hệt như ông thấy trong giấc chiêm bao. Từ đó ông đâm ra nghi ngờ chắc nội tình có điều gì bí ẩn chi đây. Bấy giờ đích thân ông và dẫn theo một vài người lính đến tận nhà của ông Phan Phiên để tra xét. Khi vào, ông đi thẳng ra vườn thấy có một cây cam duy nhất chỉ có một trái thôi. Ông và mấy chú lính đang nhìn trái cam, thì bỗng có một con quạ từ đâu bay đến mổ vào trái cam và trong trái cam lại văng máu ra tung tóe. Ai nấy thấy vậy đều hết hồn. Riêng ông Phan Phiên thì sợ phát run lên cầm cập. Ông quan liền bảo quân lính đào gốc cam lên. Cây cam vừa ngã xuống thì bày ra một bộ xương khô. Sau khi chôn cất bộ xương tử tế. Ông ra

lệnh bắt giải Phan Phiên về huyện đường để tra xét. Ông Phan Phiên khai hết sự thật. Đó là bộ xương của anh Tàu Dư.

Phan Phiên nói: vào một đêm tối, Tàu Dư quảy hai trái bầu khô đến nhà Phan Phiên. Khi mở nắp ra thì trong đó toàn là vàng ròng đựng đầy trong hai trái bầu. Vì không muốn cho vợ biết nên Phan Phiên bảo Tàu Dư đem hai trái bầu ra chôn ở sau vườn. Số vàng này, Tàu Dư định bán xây nhà cửa và rồi cưới cô gái em vợ của Phan Phiên. Vừa thổ lộ như thế, thì Phan Phiên nổi lòng tham muốn chiếm lấy hết số vàng này không để cho Tàu Dư thực hiện đúng theo ý nguyện của anh ta. Do đó, nên Phan Phiên bày ra mưu kế đem vàng đi chôn để khỏi bị lộ tông tích. Tàu Dư thật thà tưởng thật nên mang vàng ra chôn sau vườn. Trong lúc đào đất, Tàu Dư khom đầu cúi xuống móc đất, khi ấy Phan Phiên cuốc một cuốc thật mạnh vào sau ót của Tàu Dư. Tàu Dư bị ăn một cuốc vào đầu quá mạnh nên ngã chúi xuống rồi chết luôn. Bấy giờ, Phan Phiên chôn Tàu Dư và trồng một cây cam trá hình để mọi người không biết. Sau đó, Phan Phiên dùng số vàng này một mặt mở mang thêm vườn tược nhà cửa, mặt khác để che mắt thiên hạ nên giả vờ đi buôn giống như Tàu Dư để thiên hạ khỏi phải bàn tán dị nghị.

Sau khi biết rõ sự tình, ông quan ra lệnh tịch thu tất cả tài sản của Phan Phiên và giam Phan Phiên vào trong lao ngục, vì cái tội nặng cướp của giết người. Số tài sản này sau khi bán xung vào công quỹ và trích ra một số tiền để làm chay lập đàn cầu siêu cho Tàu Dư ba ngày ba đêm. Đêm thứ ba vào giờ tý nửa đêm, hồn Tàu Dư hiện đến, lạy trước bàn Phật ba lạy rồi biến mất, và trên không trung một con quạ vừa bay vừa kêu nghe tiếng kêu thật lạnh lùng rùng rợn.

Kể sơ câu chuyện xong, thầy Giác Thiện liền hỏi:

- Lý do Tàu Dư chết là do đâu? các em có biết không?

Chú Huệ Ngộ nhanh miệng liền đáp:

- Là do tài sản tức vàng của chú giết chú.

Thầy Huệ Giải nói:

- Đó là do lòng tham thúc giục gây ra sát non.

Thầy Giác Thiện nói:

- Hai em trả lời đều đúng. Bởi trong Kinh Phật

có dạy: "chứa vàng bạc trong nhà như chứa rắn độc". Chắc chắn có ngày con rắn độc đó nó sẽ giết mình. Vì tài sản vàng bạc là cái nhân tố gọi lên lòng tham lam của con người. Một khi đã tham thì người ta muốn chiếm hữu về mình. Muốn chiếm hữu thì họ phải dùng đến mọi cách thế thủ đoạn để lấy. Mà giết người là một cách độc ác nhất. Ở đây, các em thấy anh chàng Tàu Dư tuy là tay buôn bán nhưng bản chất thì rất thật thà hiền từ. Chính vì chỗ thật thà hiền từ đó nên anh ta tin tưởng vào người bạn chí thân của mình. Nghĩ rằng bạn mình cũng tốt hiền lành như mình. Do đó, nên mới đem vàng ra khoe. Anh đâu có ngờ rằng, chính cái chỗ chân tình thật thà đó mang lại cho anh ta một cái hậu quả bị chết một cách rất thảm dưới bàn tay ác độc của người bạn mình. Ông Phan Phiên thay vì, nên giúp đỡ bạn mình để xây dựng nhà cửa và rồi sẽ kết hôn với người em gái vợ của mình. Nhưng lòng tham nó che mờ hết lý trí của ông. Bấy giờ ông chỉ còn nghe theo tiếng gọi xúi giục của con quỷ tham lam là phải hành động ra tay hạ sát người bạn tốt để lấy hết số vàng đó. Tuy nhiên, anh đâu có ngờ nhân quả báo ứng trả vay không sai chạy một mảy may nào. Hồn của anh Tàu Dư đâu dễ gì để cho ông Phan Phiên sống một cách nhơn nhờ phè phỡn với số vàng của mình. Vì đó là kết quả của biết bao nhiêu công lao mồ hôi nước mắt của anh ta. Ở đời, người ta chỉ sợ quả báo mà không sợ cái nhân khi mình gây tạo. Bởi thế, người xưa có câu nói rất chí lý: "*Phàm làm việc gì trước phải nghĩ đến cái hậu quả của nó.*" Khi chúng ta làm hay nói một việc gì đó, chúng ta liền ý thức nghĩ đến cái hậu quả của nó, thì thử hỏi làm gì có kết quả xấu được?

Cuối cùng, các em thấy đó, đúng là của thiên hoàn trả địa. Và mình cũng khá khen cho ông quan vô tư liêm chính này. Nếu như ông quan này cũng ăn hối lộ tham nhũng lo lót của kẻ gây nên tội lỗi, thì luật pháp sẽ đâu có còn công minh chánh trực nữa, vì đã bị sức mạnh của đồng tiền che đậy làm mờ ám lương tâm đi rồi. Nhưng dù cho dùng mọi cách chạy tội đến thế nào đi chăng nữa, tất cũng không tránh khỏi cái luật nhân quả báo ứng đâu! làm lành hay làm dữ cuối cùng rồi cũng phải trả. Các em có còn nhớ bài kệ Phật dạy mà sư huynh đã nêu ra hôm trước không?

Chú Huệ Ngộ liền thưa:

- Dạ, đệ còn nhớ.

- Đâu đệ nhắc lại cho các sư huynh sư đệ nghe thử.

- Dạ, được. Bài kệ nguyên văn âm Hán Việt như thế này:

*Giả sử bá thiên kiếp
Sở tác nghiệp bất vong
Nhân duyên hội ngộ thời
Quả báo hoàn tự thọ.*

- Đệ còn nhớ nghĩa không?

- Dạ thưa, đệ còn nhớ chớ. Để đệ nói xem có đúng không?

Dù cho trải qua trăm ngàn kiếp, chỗ mình tạo nghiệp không bao giờ mất.

Khi nhân duyên đến rồi thì quả báo mình phải tự chuốc lấy.

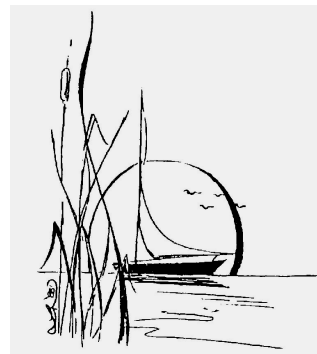
Thầy Giác Thiện nói:

- Đúng rồi. Đệ nhớ rất khá!

Thầy Giác Thiện nói tiếp: Qua câu chuyện này, cho chúng ta một bài học đích đáng về lý nhân quả báo ứng. Vì vậy, các em nên nhớ trước khi nói hoặc hành động thì các em phải hết sức cẩn thận và luôn nghĩ đến cái hậu quả của lời nói và hành động của mình. Nếu lời nói và hành động có tổn hại cho mình và người thì tuyệt đối không nên. Bởi nhân quả không bao giờ dung tha ai cả. Làm lành hay làm dữ, cuối cùng cũng phải trả mà thôi. Đã có gây nhân thì làm sao tránh khỏi quả báo. Hiểu thế thì các em nên cố gắng tu tập tránh dữ làm lành để có được một đời sống an vui và thanh thoát.

Nói xong, tất cả huynh đệ đều đứng lên và rồi mọi người lần lượt đi vào trong chùa...

Thanh Trì



Ngày Tết



Chúng tôi ở trại tập trung trong vườn xoài cầu Rạch Ngòi, cách chợ Long Xuyên chừng 5 cây số, chỗ ở người Hoa đăng ký đi nước ngoài theo diện bán chính thức bằng đường biển, vì vậy chủ tàu lo giấy tờ cho chúng tôi thành người Hoa cho đúng luật.

Chị chồng tôi người Mỹ Tho nhưng chị ra Nha Trang ở cùng gia đình tôi từ ngày tôi sanh đứa con đầu lòng, Chị ở cùng chúng tôi lúc tôi giàu sang đầy đủ đến năm 75 tôi mất hết tất cả nhưng chị lúc nào cũng một bên tôi, vẫn thương yêu lo lắng săn sóc mẹ con tôi. Đối với tôi chị hơn cả ruột thịt những lúc buồn nản tuyệt vọng khó khăn đều có chị một bên, tôi có thể ôm chị mà khóc mà cười tự nhiên không còn phân biệt chị chồng, với tôi chị rất quan trọng. Tôi đưa chị và 2 con theo ngân hàng Việt Nam Thương Tín Nha Trang đi tản vào Saigon, chồng cũng đang tù ngoài miền Bắc.

Chúng tôi ở Long Xuyên cả năm nay rồi, dự định xuống ở 1 tuần lễ là đi nhưng giờ chót công an đòi thêm vàng, chủ tàu không chịu, tàu bị đình lại không biết lúc nào mới ra khơi. Chủ tàu cứ hẹn 5 tây, 10 tây, 15 tây v... v... đến nỗi ai cũng nói ông chủ đang chơi trò 5, 10 với khách.

Nếu các con vẫn ở trại tập trung, không hưởng được một cái tết dù còn hiện diện trên quê cha đất tổ, cảm giác bơ vơ lạc lõng chột đến se lòng tôi quặn đau. Hôm nay là 30 rồi, muốn cho chúng biết nhiều về quê hương xứ sở, phong tục tập quán của nước nhà, tôi bàn cùng chị chồng tôi.

- Tàu chưa đi bây giờ nên mình về quê ăn tết, để ngày nào đó những đứa trẻ còn nhớ được cái tết truyền thống của dân tộc mình.

Chuyến đi này có tôi, chị chồng và hai con nhỏ. Chị mừng ra mặt khi biết tôi quyết định về Mỹ Tho quê chồng ăn tết. Đoàn chúng tôi lúc này lên đến 5 người vì có Phong, tôi mới nhận là em cũng là người Việt đi cùng tàu.

Xe chở khách về Sài Gòn đã khởi hành từ sáng sớm, nên Từ Long Xuyên chúng tôi phải đi xe lôi ra Bắc Vàm Cống, qua Cần Thơ rồi lên phà Mỹ Thuận. Từ đó chúng tôi đi xe từng chận, từng chận, chạy đua cùng thời gian, phải làm sao kịp để đón giao thừa.

Rồi cũng tới Mỹ Tho, từ bến xe chúng tôi đi bộ thêm 3 cây số nữa mới đến nhà. Trước 75, gia đình chồng tôi ở gần Ty Điền Địa, cùng con đường với nhà vợ tổng thống Thiệu. Sau 75, chính phủ đều trưng dụng tất cả khu nhà đó, ba mẹ chồng tôi bắt buộc về quê xây căn nhà trên miếng vườn ông bà để lại. Lối về nhà phải đi ngang nghĩa địa, khí u tịch đượm hoàng hôn lặng lẽ quá nên 5 người chúng tôi vừa đi vừa chạy. Đến nhà, con trai tôi chạy một mạch vào trong.

- Thừa ông bà nội, con mới về.

- Ô! Cháu nội tôi, nước mắt mẹ già tuôn trào. Ông nội cũng nghẹn ngào. Cô út gạt lệ, lên tiếng.

- Nhà vừa mới rước ông bà xong, mời tất cả đi rửa tay rồi ăn cơm luôn.

Má gói bánh tét định mừng 3 kêu em đem xuống cho các chị đó.

- Út để chị coi lửa nồi bánh tét cho.

- Dạ, vậy em và chị Năm xào kẹo chuối.

Ba mẹ con tôi ngồi canh nồi bánh tét, trời se lạnh nhưng trong lòng ấm cúng. Lần đầu tiên được đẩy củi vào lò cho lửa cháy to, hai con tôi vô cùng thích thú, ngọn lửa bập bùng theo tiếng cười vang của chúng. Bà nội bước đến trao mấy củ khoai lang và chỉ cho hai cháu cách lùi vào tro nóng, bà nhìn 3 mẹ con tôi ăn khoai mà tình thương lai láng chìm trong đáy mắt. Mẹ kéo chiếc ghế đến ngồi gần, khuôn mặt mẹ hẳn những vết chân chim và tóc đã bạc phơ. Cả một đời vất vả vì chồng vì con, đến tuổi này đúng ra phải được nghỉ ngơi để đàn cháu con nuôi dưỡng, thế mà vẫn còn những giọt lệ lăn trên đôi gò má nhăn nheo, nghĩ đến

những đứa con trai ở trong lao tù nơi miền Bắc xa xôi và các cháu sắp ra đi, biết bao giờ gặp lại. Tôi thương mẹ quá, mẹ lúc nào cũng hy sinh cho thế hệ sau này, ngay cả chuyến đi này cũng là ý của mẹ muốn cháu nội có một tương lai sáng sủa.

*Mẹ ơi ! tóc chiều đã bạc
Biết đâu. mai nhớ vô thường.*
(Thơ Như Nhiên)

- Má kể sự tích bánh chưng, bánh dày cho tụi con nghe đi.
- Ủi để má kể.

Hai cháu nghe kể chuyện chạy đến dành nhau ngòai vào lòng bà nội. Sương xuống nhiều hơn trong màn đêm se lạnh, hoa bưởi hoa cau và hoa mai trước sân nhà quện vào nhau tỏa hương tinh khiết làm tôi ngất ngây cảm động. Ba chồng tôi và em Phong đã sửa soạn bàn thờ treo phong pháo dính trên cửa ngõ, chị Năm và em út cũng đã hoàn tất chảo chuối xào dừa, bốn người không hẹn mà đều đến ngòai quanh nồi bánh tét, câu chuyện lại chuyển qua tai từng người. Hai con tôi lim dim nhưng không ngủ, đang thưởng thức nhiều mẫu chuyện hay trong tình thương bao phủ. Chúng đã đón nhận thâm tình ruột thịt từ ông bà cùng dòng họ trên mảnh đất quê hương trong đêm ba mươi tết, hình ảnh này sẽ khắc ghi mãi trong tim, đó là chất liệu đùm bọc cho con tôi vui sống bất cứ nơi nào.

Giao thừa đã đến! Mọi người đều có mặt ở ngoài sân trước, bên gốc mai già ngòai pháo được châm, tiếng pháo nổ dồn, hai con tôi bịt tai và chúng cười to sung sướng.

Cả làng, đầu trên xóm dưới rộn rã tiếng pháo giao thừa cho không gian bừng sáng, mọi vật thức dậy với sự giao thoa của trời đất thiêng liêng trong khoảnh khắc diệu kỳ, cảm giác bình yên hạnh phúc ngập tràn và lan tỏa mọi nơi. Tất cả đều im lặng để cảm nhận khí xuân ấm áp buồng tim và hòa mình cùng phút giây lắng đọng với thiên nhiên khoác chiếc áo tinh khôi rạng rỡ.

Các thành viên trong gia đình lần lượt lên thấp nhang trên bàn thờ để nhớ và cảm ơn nguồn cội

của mình. Giao thừa đã trôi qua yên tĩnh, năm mới đến, ai cũng cầu một năm an lành hạnh phúc trong nghi ngút hương trầm tống cựu nghinh tân. Hai con được nhận lộc lì xì mừng tuổi của mọi người thân, cả nhà quay quần bên bàn cỗ giao thừa.

Mưa xuân lất phất bay nhẹ rây từng màn mỏng trên cây. Giao thừa quê chồng tôi thật giản dị nhưng là hành trang quý báu mà chúng tôi mang theo suốt cuộc đời còn lại trong những năm tháng xa cách quê nhà.

Ngày đầu năm chúng tôi đều vào chùa Vĩnh Trần lễ Phật, một ngôi chùa cổ tuy nhỏ nhưng đẹp và thật trang nghiêm. Bà Nội dạy chúng tôi:

- Gặp ai cũng phải chấp hai tay lại, đầu cúi xuống, miệng nói A DI ĐÀ PHẬT. Khi vào chánh điện cũng phải chấp hai tay lại để thể hiện sự cung kính khi đánh lễ. Khi lạy phải khom lưng cúi người xuống buông bỏ cái ta ngã mạn.

Ôi những lời dạy bảo của mẹ già như thấm sâu vào tận trái tim. Cảm ơn những ngày ở bên mẹ với một cái tết yêu dấu nơi quê chồng.

*Quê hương mỗi người chỉ một
Như là chỉ một mẹ thôi
Quê hương nếu ai không nhớ
Sẽ không lớn khôn thành người.*
(Thơ Đỗ Trung Quân)

Trương Kim Báu



(tiếp theo)

100

Câu hỏi Phật pháp

16. Làm sao phân biệt được Xá lợi Phật thật?

Hỏi: Khi con có dịp chiêm bái Xá lợi của Phật và của chư Thánh Tăng, nhưng con vẫn còn có thắc mắc làm sao biết đó là Xá lợi Phật thật? Có mấy loại Xá lợi? Và làm sao để việc thờ cúng Xá lợi được đúng phép?

Đáp: Vấn đề này, thú thật, chúng tôi cũng không thể trả lời một cách xác quyết dứt khoát rõ ràng. Vì chúng tôi cũng chỉ y cứ vào những dữ kiện, tài liệu chứng minh do các bậc Thầy truyền lại. Còn vấn đề tin hay không là quyền của mỗi người.

Trong quyển “Những Chuyện Niệm Phật Vãng Sanh Lưu Xá Lợi” xuất bản năm 2000 tại Hoa Kỳ, do cư sĩ Tịnh Hải sưu tầm, có dẫn chứng ghi lại lời của Thượng Tọa Như Điển nói về việc tôn thờ Xá Lợi Phật và chứng minh xác quyết đâu là Xá Lợi Phật thật. Chúng tôi xin được trích dẫn một vài đoạn nguyên văn ở trang 178 để chứng minh như sau:

“Theo Thượng Tọa Như Điển, một phần lớn di chuyển về Thiên cung, một phần di chuyển về Long cung. Xá Lợi Phật có ba phần, một loại lớn bằng mút dũa, một loại bằng hạt gạo, một loại bằng hạt mè. Xá Lợi bằng mút dũa hiện không còn nữa. Xá Lợi bằng hạt gạo cũng không còn. Bây giờ duy nhất còn Xá Lợi bằng hạt mè.

Xá Lợi có ba đặc tính. Hiện chùa Viên Giác có 8 viên Xá Lợi. Không phải ai cũng thấy được Xá Lợi. Có người phải đánh lễ đủ ba ngàn lạy, trừ người có phước duyên từ trước. Muốn biết thế nào là viên Xá Lợi thật, phải làm bằng cách như thế này:

1. Đem hai bát nước để hai bên. Một bên để gạo, một bên để mè. Đầu tiên để gạo vào nước, thì gạo sẽ chìm, rồi lấy Xá Lợi để vào nước, Xá Lợi cũng chìm.

2. Lần thứ hai, lấy gạo ra và bỏ lại một nửa vào chén nước. Gạo vẫn chìm. Nhưng lần thứ

Tập 2

PHƯỚC THÁI

hai lấy Xá Lợi ra và bỏ một lần nữa như gạo, nhưng lần này Xá Lợi không chìm.

3. Bây giờ lấy mè bỏ vào nước, ta sẽ thấy mè nổi trên nước như Xá Lợi. Nhưng nếu để Xá Lợi cách nhau khoảng 10 ly thì Xá Lợi tự động di chuyển. Điều này chứng tỏ pháp thân thanh tịnh Tỳ Lô Giá Na Phật vẫn còn tồn tại trong cõi này.

Cho nên người nào có phước, thờ Xá Lợi thì Xá Lợi sẽ lớn lên. Còn người nào vô phước mà thờ Xá Lợi thì Xá Lợi bay bổng đi nơi khác, mặc dù đang được cất giữ trong một cái tháp. Đó là sự linh thiêng của Xá Lợi, và cũng là đặc tính thứ nhất.

Còn đặc tính thứ hai là Xá Lợi tự động di chuyển. Nội thấy đặc tính này thì quý vị cũng đủ đánh lễ rồi. Không có một vật gì ở thế gian này khi đã chìm rồi lại nổi, không có một vật gì tự động di chuyển hết.

Đặc tính thứ ba là Xá Lợi có năm màu. Đây là màu hào quang của Đức Phật. Đó cũng chính là màu lá cờ Phật giáo do một Đại Tá Mỹ tên là Henri Olscostt đề nghị. Ông này khi qua Tích Lan, thấy hào quang năm màu của Phật, mới đề nghị lấy năm màu đó làm màu cờ Phật giáo. Năm màu này là:

1. màu xanh (lá cây và nước biển) tượng trưng cho niềm tin là Tín.
2. Màu vàng tượng trưng cho Tinh tấn.
3. Màu đỏ tượng trưng cho sự nhớ nghĩ tức là Niệm.
4. Màu trắng tượng trưng cho Định.
5. Màu cam tượng trưng cho Trí tuệ.

Về việc Xá Lợi có thể di chuyển không, thì theo ông Tịnh Hải thuật lại lời của Thượng Tọa Như Điển kể lại như sau:

“Tại rừng Câu Thi Na – nơi Đức Phật nhập Niết Bàn – có một ngôi chùa tên là Song Lâm. Trước đây do một Ni Sư người Trung Hoa dựng lên, sau này Ni Sư cúng lại cho Hội Phật Giáo Linh Sơn của Hòa Thượng Huyền Vi, do Sư Cô Trí Thuận trụ trì chùa này. Chùa có ba viên ngọc Xá Lợi của Đức Phật. sau đó Sư Cô qua Mỹ, đến Houston, Texas, có mang theo một viên Xá Lợi cúng dường cho một chùa ở đây, cũng mang tên chùa Linh Sơn. Vị trụ trì bận việc nên đem viên Xá Lợi bỏ vào một tủ khóa lại; nhưng sau đó mở khóa ra xem lại thì viên Xá Lợi biến mất, tìm mãi không ra.

Ba tháng sau, Sư Cô Trí Thuận từ nước ngoài trở về Ấn Độ thì thấy viên Xá Lợi kia đã nằm sẵn trong tháp.

Tóm lại, Xá Lợi rất quý, nhưng nếu không biết cách gìn giữ thì Xá Lợi sẽ tự động giã từ mà trở về chôn cũ”.

Còn hỏi Có mấy loại Xá Lợi? theo Phật Học Từ Điển của ông Đoàn Trung Còn, ông có nêu ra Xá Lợi của Phật gồm có 2 loại chính:

1. Toàn thân Xá Lợi: Như Phật Đa Bảo đã tịch, nhưng Xá Lợi của Ngài là toàn thân thể vẫn ngồi trong bảo tháp.
2. Toái thân Xá Lợi (Xá Lợi nát ra): như Xá Lợi Phật Thích Ca hiện thờ trong các chùa tháp.

17. Tụng kinh như thế nào mới đúng cách thức?

Hỏi: Con thường tụng kinh ở nhà, nhưng con không hiểu rõ phải tụng niệm như thế nào mới đúng cách thức? Và thời khóa tụng niệm cũng như phải tụng kinh nào mới thực sự phù hợp? Kính xin thầy hoan hỷ giải đáp cho con rõ.

Đáp: Mục đích của việc tụng kinh là để chúng ta tìm hiểu nghĩa lý trong kinh qua những lời Phật Tổ dạy, rồi chúng ta đem ra áp dụng hành trì trong đời sống hằng ngày. Bởi tâm của chúng ta hằng ngày duyên theo cảnh trần không lúc nào dừng nghỉ. Khác nào như con khi, con vượn chuyền nhảy lung tung. Cho nên, chư Tổ bày ra những thời khóa tụng niệm là cốt yếu để cột con khi ý thức của chúng ta

lại. Đồng thời để chúng ta đọc đi đọc lại nhiều lần mới có thể khắc ghi sâu đậm vào tâm trí của chúng ta. Bởi những lời Phật dạy nghĩa lý rất thâm sâu vi diệu, đọc qua một đôi lần không thể nào chúng ta hiểu rõ được. Do đó, nên khi tụng niệm, chúng ta phải hết lòng thành kính. Phải có tâm tha thiết trân quý những lời Phật dạy. Nếu không đặt định những thời khóa như thế, thì tâm ý của chúng ta nó dễ buông lung rong ruổi theo duyên trần mà tha hồ tạo tội.

Tụng kinh tuy là một hình thức lễ nghi sự tướng, nhưng nó cũng có một tác dụng lợi ích rất lớn. Vì khi chúng ta chú tâm tụng niệm, thì thu nhiếp được sáu căn, nói gọn hơn là thức liễm được ba nghiệp: thân, khẩu, ý. Nhờ đó, mà thân tâm của chúng ta dễ được thanh tịnh.

Về cách thức tụng niệm, theo lời Phật Tổ dạy, trước khi tụng niệm, chúng ta nên rửa tay, súc miệng cho sạch sẽ và y phục phải nghiêm trang tề chỉnh. Khi ngồi, đứng phải giữ thân cho đoan chánh. Lúc lạy hay quỳ cũng phải giữ thân đoan nghiêm. Miệng tụng đọc âm thanh vừa đủ nghe. Nếu như tụng niệm một mình, thì Phật tử có thể tụng ra tiếng hoặc tụng thầm, tùy theo sức khỏe của Phật tử mà tùy nghi uyển chuyển linh động cho thích hợp.

Còn về thời khóa tụng niệm, thông thường là có hai thời cố định. Thời khuya thì thường là tụng chú Lăng Nghiêm và Đại bi thập chú. Còn buổi tối, thì thường là tụng Kinh Di Đà. Tuy nhiên, vấn đề này, còn tùy theo sở thích nhân duyên hoàn cảnh của mỗi người. Riêng về kinh tụng, lẽ ra, kinh nào chúng ta cũng có thể tụng đọc được cả. Vì tất cả đều là những lời Phật dạy. Vì kinh nào cũng có công năng thù thắng là chuyển mê khai ngộ cho chúng ta. Nhưng đối với người Phật tử Việt Nam chúng ta xưa nay, từ xuất gia cho đến tại gia phần nhiều đều trì tụng những kinh như: Di đà, Hồng danh, Vu lan, Phổ môn, Dược sư, Địa tạng, Kim cang, Lăng nghiêm, Pháp Hoa v.v...

Nhiều người lại có quan niệm chọn những bộ kinh để tụng cho thích nghi với mỗi trường hợp như:

- Cầu siêu thì tụng kinh Di đà , Địa tạng, Vu lan v.v...

- Cầu an thì tụng Phổ môn, Dược sư v.v...
- Cầu tiêu tai giải bệnh thì tụng kinh Kim cang, Lăng nghiêm v.v...
- Cầu sám hối thì tụng Hồng danh.

Việc chọn lựa như thế cũng có điều hay là cho tâm chuyên nhất, và tất nhiên là dễ được hiệu nghiệm hơn. Nhưng xét về mặt công đức hay giáo lý, thì kinh nào cũng đều có kết quả mỹ mãn như nhau, nếu như chúng ta thành kính hết lòng trì tụng.

Về phần nghi thức tụng niệm, thì trong mỗi quyển kinh ở phần đầu trước khi vào phần kinh văn, đều có phần nghi thức tụng niệm. Phật tử có thể y theo đó mà trì tụng. Nếu là Phật tử tu theo pháp môn Tịnh độ, thì chư Tổ Liên Tông thường khuyên dạy chúng ta, là sau mỗi thời khóa lễ trì tụng, Phật tử nên phát nguyện hồi hướng cầu sanh Cực lạc. Đây là điều rất quan trọng Phật tử cần lưu ý. Khi phát nguyện, Phật tử nên thành tâm phát nguyện một cách chí thành tha thiết. Vì được vãng sanh hay không phần lớn là do nguyện lực mạnh mẽ của chúng ta. Đồng thời, Phật tử cũng nên hồi hướng cho pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.

18. Khi tụng niệm cảm động rơi lệ có lỗi không?

Hỏi: Khi con tham dự khóa tu đầu tiên, con cảm thấy hạnh phúc vô cùng. Mỗi lần con đi kinh hành niệm Phật cùng với đại chúng, lòng con bỗng dưng xúc động rơi lệ. Con không hiểu tại sao có sự cảm động như vậy? Và con không biết như thế có lỗi gì không? Kính xin thầy hoan hỷ giải đáp cho con rõ.

Đáp: Điều cảm xúc tự nhiên của Phật tử đó không có gì là lỗi cả. Chẳng những không có lỗi mà nó còn biểu hiện một căn lành rất tốt. Khi mình tụng đọc một câu kinh hay nhìn tượng Phật, Bồ tát, bỗng dưng lúc đó trong lòng mình trào dâng lên một niềm xúc động sâu xa rơi lệ mà mình không thể ngăn được. Theo kinh nghiệm của chư Tổ cho biết, thì đó là một hiện tượng rất tốt bởi do thiện căn nhiều đời bộc phát. Điều này, đủ chứng minh rằng, trong nhiều đời Phật tử cũng đã từng gieo

trồng căn lành sâu xa với Phật pháp, nên hôm nay mới có được phúc duyên hiện điềm lành đó.

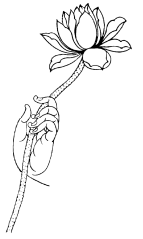
Đọc sách thiền tỉnh thoảng chúng ta thấy, có nhiều vị Thiên Sư, bất chợt khi tỏ ngộ đạo lý, có vị thì khóc cả buổi; có người thì cười cả ngày. Sự cười hay khóc đó là do sự vui mừng đột khởi quá mạnh. Đó là một sự bộc phát tự nhiên trào lên tự đáy lòng sâu kín của các ngài khi tỏ ngộ đạo lý. Tuy nhiên, có điều, Phật tử cũng không nên ôm ấp mãi trong lòng điều đó. Vì như thế, sẽ dễ cho con ma bi nó đột nhập khuấy phá dẫn dắt Phật tử rơi lệ hoài.

Có nhiều Phật tử khi vận dụng công phu tu hành hay có lòng mong cầu này nọ, nhứt là muốn thấy những hiện tượng lạ, đó là cửa ngõ mở ra để ma dễ bề dẫn dắt. Cho nên, khi tham thiền hay niệm Phật, dù có bất cứ hiện tượng lạ nào xảy đến, Phật tử cũng đừng bao giờ để tâm chấp trước mà mang họa vào thân. Bởi tất cả đều là cảnh giả huyễn không thật. Nếu là những hiện tượng tốt, thì mình chỉ ngẫm biết mà thôi. Và tuyệt đối không nên có tâm mong cầu cho cảnh đó xuất hiện. Nên noi gương Phật Tổ mà lặng lẽ âm thầm tu hành. Nếu như trong lúc dụng công tu, có gặp điều gì chướng ngại, hay có những hiện tượng gì mới lạ, thì tốt hơn hết là Phật tử nên tìm đến những bậc chân tu (tùy theo pháp môn mà Phật tử đang thật hành) có nhiều kinh nghiệm tu hành mà thưa hỏi. Phật tử không nên ôm ấp để trong lòng mà có hại cho sự chướng ngại tu hành của mình. Kính chúc Phật tử chóng thành công trong sự nghiệp tu hành.

(còn tiếp)



Tìm Hiểu bí pháp trong Kinh Pháp Hoa



PHẨM TRÌ THỨ MƯỜI BA

Thế nào gọi là Trì? Trì là gìn giữ, bảo vệ hay thọ trì tức là thực hành kinh Pháp Hoa không để bị mất hay bị quên lãng. Người xưa thường nói: "Tạo lập đã khó, gìn giữ lại càng khó hơn. Như dựng nước đã khó, bảo vệ gìn giữ nước lại càng khó khăn hơn. Do đó việc giữ gìn kinh Pháp Hoa cũng rất khó.

Ở đời có ba hạng người: Thượng căn thượng trí, Trung căn trung trí và Hạ căn hạ trí. Hạng thượng căn thượng trí nghe đạo thì thực hành theo, hạng trung căn trung trí nghe đạo sinh lòng bán tín bán nghi, thoát nhớ thoát quên, hạng hạ căn hạ trí khi nghe đạo thì phát lên cười ngạo nghễ. Vì hạng người hạ căn này, đức Phật mới phương tiện nói pháp Tiểu thừa để dẫn dắt họ ra khỏi con đường mê và nương theo pháp đó tu tập. Một khi tâm họ được khai sáng rồi đức Phật liền nói pháp Đại thừa để họ tiến lên hàng Phật quả. Sở dĩ đức Phật không nói pháp Đại thừa trước là vì trình độ chúng sanh quá thấp kém nên thấy khó không theo tu, do đó không có người truyền bá chánh pháp, chắc chắn phải bị tiêu diệt không còn tồn tại đến ngày nay. Hơn nữa, đức Phật giáo hóa chúng sanh cũng giống như ta giáo dục con cái, tùy theo lứa tuổi thông minh hay căn tánh tối tăm lười biếng mà ta tìm cách khuyến dụ chúng cố gắng học hành đến nơi đến chốn. Sự dạy dỗ tuy có khác nhau, nhưng mục đích giúp con cháu đỗ đạt thành người hữu ích cho đời. Đức Phật cũng đã dùng phương tiện dẫn dắt hàng Tiểu thừa lên hàng Đại thừa, nhưng khi họ đã đạt đến Đại thừa lại cho đó là tà thuyết, rồi sanh tâm hủy báng khinh miệt người tu Đại thừa.

Vì vậy phẩm trì này là đức Phật nhắc nhở các vị Bồ tát, hàng Thanh văn, các Tăng, Ni, Nam Nữ Phật tử đều đảm nhận công việc duy trì Phật pháp và truyền bá chánh pháp.

Ngoài ra, còn có ba hạng người tu hành khác:

1.- Hạng người tu mà cầu an, tiêu cực, vị kỷ,

chỉ biết có mình, chết sống mặc bây, tiền thầy bỏ túi.

2.- Hạng người tu mà kiêu căng, ngã mạn, tự cao, tự đại, quá khích, chỉ biết tranh giành quyền lợi.

3.- Hạng người tu mà dựa quyền ý thế, mượn đạo tạo đời, ham mê danh lợi.

Ba hạng người này trải qua nhiều đời nhiều kiếp, nhất là đời này không trồng sâu căn lành, cho nên dù họ đã đi tu nhưng họ lánh nặng tìm nhẹ, dối đạo lừa đời. Vì vậy họ rất oán ghét bộ kinh Pháp Hoa, bởi vì bộ kinh Pháp Hoa là bộ kinh nhập thế, để đem lại sự an vui cho đời và không phân biệt đạo riêng và đời riêng. Đối với người tu thiên hay luật tông thì đời, đạo hai ngã riêng biệt. Một cô gái rớt xuống sông kêu cứu, lúc ấy có một người tu theo thiên tông hoặc luật tông nhìn thấy, họ nhắm mắt nhập thiền hoặc chấp tay cầu nguyện cho hồn người đó siêu độ chớ họ không dám nhảy xuống cứu vì sợ đụng thân thể cô gái mình bị phạm giới sẽ bị đọa lạc. Nhưng trong chuyện Tây Du, Ngô Thừa Ân với một bút pháp tài tình đã diễn tả được tâm Bồ tát của Ngài Tam Tạng, khi thầy trò Tam Tạng đi qua động quỷ nghe yêu quái giả người kêu cứu. Tề Thiên dùng mắt thần xem biết là yêu quái liền bảo sư phụ đừng cứu yêu quái giả ra đó, nhưng Tam Tạng với tâm hành Bồ tát vẫn cố gắng cứu dù chết cũng không sợ. Ở nơi vùng hoang dã núi rừng làm gì có đàn bà con nít và dù có đàn bà bị bắt treo như vậy thì cây cỏ ắt bị dẫm nát hết làm sao còn nguyên vẹn được. Tam Tạng dư biết nhưng vì lòng từ bi tu Bồ tát hạnh thì không thể không cứu. Do đó, chúng ta phải tinh vi mới thấy được sự mâu nhiệm này trong đạo Phật và nếu không có nét mâu nhiệm này nhân loại sẽ đem đạo Phật đổ xuống biển từ lâu rồi. Có một số người đã làm cho đạo Phật bị hiểu lầm là đạo cầu an, tiêu cực, chán đời, ai sống chết mặc ai, miệng thì nói vô úy nhưng gặp chuyện thì lại run sợ, không dám dấn thân vào đời để mang lại nụ cười an lạc cho mọi người.

Dù chỉ là một nét nhỏ của Ngô Thừa Ân trong truyện Tây Du cũng đã toát ra được những gì của kinh Pháp Hoa. Chúng ta là con Phật phần nhiều ôm kinh Pháp Hoa tụng nhưng không lắng sâu từng nét diệu và không chịu lặn sâu xuống bùn để cho rễ sen đâm sâu vào trong bùn đặng trở hoa tỏa ngát hương mà chúng ta chỉ ở nơi cạn cọt bên bờ hưởng những hương sen hóa học, hương sen lý thuyết mà không đơm sâu vào tình người ngọt bùi, chua cay, đắng chát của cuộc đời.

a. Bồ tát Dược Vương và Bồ tát Đại Nhạo Thuyết cùng hai muôn Bồ tát quyền thuộc phát thế hệ trì kinh Pháp Hoa dù phải hy sinh thân mạng không tiếc.

Dược là thuốc, vương là vua, chúa, thánh. Vậy Bồ tát Dược Vương chính là món thuốc thánh có khả năng trị dứt những bệnh tật của chúng sanh. Môn thuốc thánh này còn là những lời nói làm mát dịu lòng người và trị dứt được các bệnh tinh thần hay tâm bệnh. Đại Nhạo Thuyết là tài biện luận giỏi tức là vị Bồ tát có tài biện luận giỏi, chinh phục được người. Ở đây ý nói có quảng cáo hay người ta mới tin dùng món thuốc thánh tức là tin tưởng vào kinh Pháp Hoa. Tuy nhiên, việc làm của hai vị Bồ tát này và hai muôn vị khác đôi khi gặp kẻ ác hãm hại và có thể bị mất mạng không chừng.

Ở nước Nhật, Ngài Nhật Liên pháp sư khởi xướng tu kinh Pháp Hoa bằng cách niệm đề kinh: "Nam Mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh", bị nhiều người xấu tìm cách hãm hại. Riêng bản thân Ngài luôn bị ngòi tù khổ sở, các đệ tử Ngài mỗi ngày chia thành nhiều nhóm, mỗi nhóm gồm bốn vị tăng cầm trống và nhạc cụ đến ngã tư, đánh lên rồi niệm đề kinh Pháp Hoa chừng 30 lần rồi đến ngã tư khác cũng làm như vậy đến giờ Ngọ thì về. Mỗi lần các sư Nhật ở các ngã tư đánh trống thổi kèn thì nhiều người đến bu quanh xem. Liên khi ấy một người bịt mặt trong hèm nhả ra tay cầm kiếm vung lên chém rơi đầu một vị sư lăn lóc trên đường. Mấy vị còn lại lấy y đắp cho thầy chết kia rồi tiếp tục đến nơi khác cũng làm như vậy. Mỗi ngày có nhiều cái đầu bị rơi như vậy cho đến một hôm nọ, Nhật Hoàng ngồi trong một cửa hàng nhìn ra thấy

đoàn người ngòi niệm đề kinh Pháp Hoa rồi bị kẻ ác chém rơi đầu, nhà vua mới hỏi và được biết như vậy, Nhật Hoàng ra lệnh cho người bảo vệ mấy vị sư niệm kinh Pháp Hoa và ra lệnh thả Ngài Nhật Liên và mời Ngài tham dự vào việc trị quốc an dân. Tông Pháp Hoa từ đó ngày một phát triển đông lên.

Ở nước ta vào năm 1963, Phật giáo bị đàn áp, các em gia đình Phật tử bị xe tăng cán nát ở Huế, nên cuộc tranh đấu bất bạo động của Phật giáo bộc phát, Hoà Thượng Quảng Đức tự thiêu phản đối và bảy vị tăng khác cũng theo gương Ngài Quảng Đức để bảo vệ Phật giáo. Ngoài ra, còn có nhiều Phật tử và tăng ni bị chế độ nhà Ngô cầm tù hoặc thủ tiêu. Năm 1966 Phật giáo lại bị đàn áp và nhiều nữ Phật tử tự thiêu để bảo vệ đạo pháp. Năm 1975, Việt cộng chiếm miền Nam ra lệnh đập phá chùa chiền, tượng Phật đàn áp Phật giáo ở tỉnh Cần Thơ, Đại Đức Huệ Hiền và mười ba Phật tử nam nữ lớn nhỏ tự thiêu trong chùa Dược Sư. Từ năm 63 đến nay thời gian chưa phải lâu lắm, quần chúng quên đi đã đành, nhưng tăng ni và Phật tử ngày nay không còn nhớ gì đến những người ngòi chết trong lửa đỏ để mình được sống an ổn tu hành.

Chúng ta hãy nghe Hòa Thượng Quảng Đức trước khi tự thiêu đã để lại cho hậu thế những lời nguyện tâm huyết như sau:

*"Đệ tử hôm nay nguyện đốt mình,
Làm đèn soi sáng nẻo vô minh.
Khói thơm cảnh tỉnh bao người ác,
Tro trắng lấp san hố bất bình."*

b. Năm trăm vị thánh tăng và tám ngàn người được thọ ký cùng phát nguyện thọ trì kinh Pháp Hoa nhưng ở các cõi nước khác. Đây là những vị lánh nặng tìm nhẹ, là những kẻ vô trách nhiệm. Họ biết cõi Ta Bà trước ác, chúng sanh sống theo cái giả bằng cái miệng chớ không phải bằng con tim. Thương thì bảo là ghét và nói ngược lại, như "thằng bé dễ ghét quá!" Lẽ ra họ phải ở cõi này để phổ biến kinh Pháp Hoa làm cho chúng sanh bớt đi nỗi khổ, đàng này họ lại tìm đến cõi khác yên bình sung sướng hơn mới thọ trì kinh Pháp Hoa.

c. Phật đã thọ ký chung cho hàng Thanh Văn và trong đó có nữ giới đến phẩm này đức Phật

mới thọ ký riêng cho bà Kiều Đàm Di Mẫu và bà Da Du Đa La cùng với sáu ngàn vị tỳ kheo ni. Sở dĩ đức Phật làm như vậy là vì Ngài đợi cho Bồ tát Văn Thù xuống Long Cung độ loài Rồng thành Bồ tát và công chúa Rồng Long Nữ thành Phật rồi, đức Phật mới thân thang đi trên con đường bình đẳng phá bỏ giai cấp bất công trọng nam khinh nữ và xem phụ nữ là nô lệ, thú vật. Hơn nữa Ngài muốn bảo tồn thuyết lấy ân báo oán, nên mới thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa trước và người thân của mình sau để tránh tiếng dị nghị là Phật chỉ biết có người thân mà không nghĩ đến kẻ khác. Điều muốn nói ở phẩm này là người nữ thuộc thành phần duy trì, còn nam giới thì phổ quảng kinh Pháp Hoa vậy.

d. Tám mươi muôn ức na do tha vị đại Bồ tát bất thối chuyển được pháp tổng trì ở trước Phật phát thệ thọ trì kinh Pháp Hoa. Các vị này đi khắp mười phương và thường lui tới cõi Ta Bà để hộ trì và truyền bá kinh Pháp Hoa dù gặp phải kẻ ác mắng nhiếc, đánh đập hoặc nói xấu, hãm hại vẫn cố nhẫn nhục, dù chết cũng không tiếc thân mạng, miễn sao kinh Pháp Hoa được lưu truyền đến với mọi người. Trong số kẻ ác có cả người tu hành theo Phật nhưng chỉ biết tham danh háo lợi. Đó là sư tử trùng thực sư tử nhục vậy.

Ý nghĩa phẩm kinh thật đã rõ ràng. Bây giờ chúng ta hãy tìm bí pháp trong đó để áp dụng vào đời. Phẩm này gồm có những bí pháp như sau:

1- Phải nhớ lời nguyện

Phẩm Trì nhắc nhở chúng ta luôn luôn nhớ lời thệ nguyện hay lời hứa của mình với ai một điều gì. Như lời nguyện: "Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ..." khi nào chưa tự độ được chính mình và làm lợi ích cho mọi người thì mình phải giữ tròn lời thệ nguyện. Đem kinh Pháp Hoa phổ quảng vào đời, đem cái diệu giải cái thô hầu mang lại nụ cười vĩnh hằng trên môi mình, trên môi gia đình mình, trên môi thân bằng quyến thuộc mình, kể cả trên môi nhân thế:

*"Xây dựng hồn tôi ánh nhiệm mầu,
Lời kinh không thuộc đến trăm câu.
Nhưng tư tưởng niệm Nam Mô Phật,
Pháp diệu thoa êm những vết sâu."*

2- Phải nhìn thấy nét buồn trên mặt mẹ mình

Sau khi sanh thái tử được bảy ngày thì Hoàng hậu Ma Gia qua đời, vua cha đem thái tử giao cho bà dì của thái tử nuôi. Tuy không có công sanh nhưng bà dì đã nuôi thái tử khôn lớn, nên người, công ơn đó không phải là nhỏ. Thế mà lúc đức Phật thọ ký cho hàng Thanh Văn, Ngài chỉ nói chung chung trong khi đó đức Phật lại ân cần nhắc nhở công ơn của Đề Bà Đạt Đa ở quá khứ, thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa, một người ở kiếp này từng hãm hại Ngài. Điều này đã làm tổn thương đến tâm lý của bà Kiều Đàm Di mẫu không ít. Nhưng đức Phật nhìn thấy được nét buồn hiện ra trên mặt bà dì liền hỏi một câu làm mát lòng bà: "Này bà Kiều Đàm Di mẫu, có chi có sắc buồn nhìn Như Lai, tâm bà cho rằng Như Lai chẳng nói đến tên bà để thọ ký, có phải vậy không?"

Chúng ta phần nhiều chỉ nhìn thấy nét buồn hiện trên nét mặt người ngoài mà không thấy nét buồn của người nhà như nét buồn của mẹ mình mỗi ngày cực khổ nuôi con như cụ Trần Tế Xương đã viết:

*"Quanh năm buồn bán ở ven sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng.
Lặn lội thân cò khi quãng vắng,
Eo xèo bọt nước buổi đò Đông."*

Hỡi những người con hãy luôn nhìn vào nét buồn trên vẻ mặt của mẹ mình mà tìm cách an ủi đừng để bà phải tủi thân.

3- Quyền bình đẳng giữa nam và nữ

Trong phẩm Đề Bà Đạt Đa thứ 12, đức Phật thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa sẽ thành Phật và gián tiếp nhờ Bồ tát Văn Thù xuống Long Cung giảng kinh Pháp Hoa độ cho loài Rồng thành Bồ tát và Long nữ công chúa Rồng tám tuổi thành Phật xong, Ngài thân thang đi trên đường bảo tồn thuyết lấy ân báo oán, oán ấy tiêu tan và phá bỏ giai cấp bất công coi phụ nữ là súc vật, ô uế, nô lệ. Ở phẩm trì thứ 13 này đức Phật thọ ký cho giới nữ Bà Kiều Đàm Di và Bà Da Du Đa La cùng sáu ngàn tỳ kheo ni. Ngài tiếp tục giảng vào dòng đời tiếng sét đánh tan đám mây mù đang vẫn đục trên vòm trời công lý. Đám mây kia che kín công lý bằng những tập tục bất công phi lý, khinh miệt

người nữ. Thọ ký cho sáu ngàn tỷ kheo ni trong đó có hai người thân thương của mình. Đây không những là một chân lý tuyệt diệu mà còn là cuộc cách mạng giải phóng phụ nữ thoát khỏi tập tục lâu đời là trọng nam khinh nữ, tước đoạt quyền làm người của những con người. Nữ giới chính là bạn đời của mình, mẹ mình, học trò thân thương của mình, chị em gái mình nhưng mình lại coi thường khinh miệt họ: "Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô", là một người đàn ông thì có, mười người đàn bà thì không. Hơn nữa thuyết tam tông của Khổng Tử: "Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử" nhằm chặt đứt chân tay phụ nữ buộc họ phải làm nô lệ suốt đời mà không được quyền tham dự việc đời như nam giới. Ngày nay nước Tàu theo cộng sản áp đặt chế độ độc tài, tước đoạt hết mọi quyền tự do dân chủ của người dân, thế mà lại quảng bá việc lập miếu thờ đức Khổng Tử ở các nước cộng sản đàn em, chẳng khác nào bọn treo đầu dê bán thịt chó lường gạt người, nhằm mục đích bắt các nước đàn em phải tuyệt đối phục tùng mình như lời Khổng Tử dạy: "Quân xử thần tử, thần bất tử, bất trung". Đây là lối ngu trung mà dưới thời phong kiến đã giết chết biết bao mạng người.

4- Hãy thực hành hạnh Bồ tát

Phẩm kinh còn cho thấy có nhiều hạng Bồ tát và nhiều hạng Tỷ kheo. Có hạng Bồ tát và hạng tỷ kheo chỉ biết lánh nặng tìm nhẹ, vô trách nhiệm, muốn sống an nhàn ở các cõi khác để quảng bá kinh Pháp Hoa, chớ không chịu vào đời ô trược để cứu chúng sanh, bởi vì cõi này chúng sanh gian trá, tham lam, độc ác. Tuy nhiên ở đây cũng còn nhiều vị Bồ tát phát nguyện kiên trì nhẫn nhục phổ quảng kinh Pháp Hoa dù gặp trở ngại nội tại hay bên ngoài, vẫn một mực giữ tròn hạnh nguyện. Đọc phẩm Trì, chúng ta nên nghiền ngẫm từng nét một, từng cử chỉ, từng hành động của mỗi vị Bồ tát hay Thanh văn và từng câu kinh, từng lời, từng đoạn, từng vấn đề của toàn phẩm Trì kinh Pháp Hoa. Sắp xếp việc trước việc sau, thứ lớp, ứng dụng từng người, từng phần phù hợp tâm lý, phù hợp hạnh nguyện là pháp môn diệu của phẩm kinh, giúp chúng ta thành công viên mãn như đức Phật đã thành công vậy.

Để kết luận xin mượn bài "Pháp Nạn" của nhà thơ Vũ Hoàng Chương như sau:

"Cờ phát năm màu rợp sử xanh,
 Một phương chim Việt ngấm mây lành.
 Cản tay bạo ngược liều bom đạn,
 Nổi lửa từ bi giải sắt đanh.
 Phật hiện bóng lên người vững bước,
 Trời quay mặt lại quỷ rơi nanh.
 Rạng xe diệu pháp ba ngàn cõi,
 Một cõi này thom vết dấu tranh."

Đồng Minh



Xuân về trong giấc ngủ

*Đêm tha hương xuân về trong giấc ngủ
 Thơm ngọt ngào dòng sữa mẹ ngày xưa
 Nhạc du dương là sáo diều trong gió
 Ru hồn hoang về lại với cội nguồn.*

*Đêm tĩnh lặng xuân về trong giấc ngủ
 Vòng tay cha áp ủ tuổi thần tiên
 Kỷ niệm ấu thơ muôn đời hiện hữu
 Tóc ngả màu vẫn thương nhớ khôn nguôi.*

*Đêm huyền diệu xuân về trong giấc ngủ
 Rừng hoa tươi xen một cội mai già
 Thân cần cõi điểm nụ vàng chớm nở
 Chỉ một nụ thôi cũng đủ ngát ngây.*

T. Lạc

Tụng Kinh Thoát Chết



Tôi sinh ra và lớn lên ở vùng quê hẻo lánh. Làng tôi ở có tên gọi rất hiền hòa và dễ thương. Nó mang nhiều ý nghĩa mỹ quan đạo đức, nặng về phân tâm linh. Đó là làng "Mỹ Hòa", thuộc huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Chữ Mỹ, hàm chứa nhiều ý nghĩa về mặt tâm linh đạo đức cũng như về phương diện cảnh sắc thiên nhiên. "Chân, Thiện, Mỹ", là ba đức tánh thiêng liêng cao quý của con người. Hòa có nghĩa là hòa thuận, hòa hợp trong một môi trường sống chung. Môi trường đó có thể là trong gia đình, hoặc đoàn thể, rộng ra là xã hội. Nếu con người biết sống trong tinh thần đoàn kết, yêu thương, hòa kính, không kỳ thị chủng tộc, không tranh chấp hận thù, không gây hấn chiến tranh, thì lo gì thế giới không được hòa bình?! Sự an lạc hạnh phúc của con người, chỉ có trong tinh thần đoàn kết, yêu thương, hòa kính đó thôi. Nói cách khác là con người phải có sự hiểu biết, thương yêu và thông cảm, thì mới có thể xây dựng được hạnh phúc cho bản thân và gia đình. Vì thế mà trong chữ "Hòa" nó mang ý nghĩa rất sâu sắc của một đời sống tâm linh. Ý có hòa thì mọi thứ khác đều hòa. Bởi tất cả đều tùy tâm. Tâm bình thì thế giới bình. Ngược lại, tâm loạn thì thế giới loạn. Nói tâm bình chỉ là một "lý tưởng" mà thôi. Đối với xã hội loài người hiện nay, nếu phải nói một cách nghiêm khắc hơn thì, chỉ có một chữ, đó là chữ "**Loạn**". Khi tâm loạn thì mọi cảnh vật đều loạn theo. Đã loạn thì làm gì có được đời sống an ổn? Bởi vậy, con người luôn sống trong sự bất an phập phồng, lo âu, sợ hãi. Sống ngày nay không biết được ngày mai sẽ ra sao?! Vì thế, nên tên gọi của hai chữ "Mỹ Hòa" như ngầm ý thức nhắc người ta phải luôn luôn lưu tâm ghi nhớ. Phải sống trong tinh thần yêu thương hòa ái hỗ tương và đùm bọc lẫn nhau. Đó là một từ ngữ tên gọi rất đẹp về mặt văn hóa cũng như về mặt tâm linh. Chữ làng trong ý nghĩa làng xóm Việt Nam, đối với tôi, nó rất là gần gũi thân thương dễ mến. Nó gần gũi và quan trọng như hơi thở và mạng sống. Vì thế, dân làng có đi

đâu thì đi, nhưng không ai có thể quên được quê hương làng xóm, vì đó là nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Đã hơn một thời có biết bao kỷ niệm êm đềm ấp yêu thơ mộng triu mến. Nhất là trong thời kỳ niên thiếu.

Làng tôi không có cây đa già và sông ngòi, kinh rạch. Chỉ có những lũy tre xanh bao bọc và những cây cao bóng mát. Tôi rất thích những cây phượng vĩ. Có những bản nhạc tình ca nói nhiều về loài hoa phượng này. Thú thật, tôi thì không mấy thích tân nhạc. Từ nhỏ tôi đã thích những bài ca vọng cổ. Hồi ấy, tôi rất thích giọng ca trầm hùng đầy chất giọng ngọt ngào êm dịu của nghệ sĩ Út Trà Ôn. Làng tôi không có vườn tược nhiều cây ăn trái. Chỉ có đất ruộng và đất giồng thôi. Mùa mưa thì còn đỡ, chớ mùa hè thì rất nóng bức. Vì không có gần sông ngòi kinh rạch nên cây cối cũng không được tốt tươi cho lắm. Phần lớn, dân làng tôi chuyên sinh sống bằng nghề nông. Nói đến nghề nông ai cũng biết là một cái nghề cày sâu cuốc bẫm, chân lấm tay bùn, lam lũ dầm mưa dãi nắng, thí mặt cho đất, bán lưng cho trời để kiếm sống. Nghề làm ruộng năm nào được mùa thì có lúa gạo ăn, còn năm nào không may bị thất mùa thì phải chạy vay nợ, có khi còn phải ăn đòn hay nhịn đói. Có người thì vay nợ trước, chờ đến mùa ruộng thu hoạch thì trả sau. Nếu năm nào được trúng mùa, thì còn dễ thở, ngược lại, thì phải đi làm thuê ở mướn để mà trả nợ. Cũng không phải dễ có người thuê. Do đó, nợ càng ngày càng chồng chất ngập đầu. Cảnh sống của người nông dân là thế đó. Tuy không phải ai cũng như vậy, nhưng phần nhiều những người túng thiếu vay trước trả sau đều phải như vậy. Nội trả tiền lời không là đủ thắm mệt rồi, nói chi đến tiền vốn đã vay. Tiền lời lẫn vốn cứ như thế chồng chất ngày càng lên cao.

Ngoài việc làm ruộng ra, họ còn trồng giồng, trồng rẫy và chăn nuôi nữa. Ngày xưa, thì người ta dùng trâu bò để cày bừa. Ngày nay thì có phần tiến bộ hơn là người ta dùng các loại máy: máy cày, máy suốt v.v... đỡ phải tốn công vất vả nhiều. Nhưng những người có loại máy này thì rất ít. Phải là những người tương đối khá giả thì họ mới có thể mua sắm được. Ngoài ra, những người nghèo túng thì phải bỏ tiền ra thuê mướn. Người nào không có ruộng đất để gieo mạ cấy lúa, thì họ chuyên sống bằng nghề trồng trọt. Họ trồng ở đất giồng hoặc những miếng rọc ruộng khô. Nghĩa là hết mùa lúa thì họ trồng giồng. Đời sống của họ quanh năm suốt tháng, tuy có chật vật khó khăn, nhưng không vì thế mà họ phải bỏ làng ra đi.

Ngày xưa, tôi chưa thấy ai bỏ làng bỏ xóm để đi nơi khác sinh sống lập nghiệp cả. Vì họ không nỡ rời xa mồ cha mã tổ của họ. Đối với ngày nay thì có khác. Có lẽ vì kiếm sống khó khăn, nên không ít người nhất là giới trẻ, thường hay đổ xô lên thành phố để tìm kiếm công ăn việc làm. Phần nhiều là đi làm thuê ở mướn cho người khác. Điều đó cũng không có gì khó hiểu. Bởi đời sống kinh tế khó khăn, công ăn việc làm không có, thì họ cũng phải tìm cách bươn chải sinh nhai. Ngoài việc lo cho bản thân, họ còn phải trang trải lo cho kinh tế gia đình của họ. Dù có đi làm ăn ở phương xa, hay những Việt kiều hải ngoại, thỉnh thoảng mọi người cũng về thăm lại quê hương làng xóm. Bởi quê hương là chòm khế ngọt thử hỏi làm sao có thể quên được? Câu ca dao: "Ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn". Đủ nói lên cái tình tự quê hương dân tộc thấm thía gắn bó biết chừng nào! Thật vậy, không có nơi đâu bằng quê hương thân thiết của mình.

Về tôn giáo, làng tôi chỉ có một ngôi nhà thờ Thiên Chúa giáo duy nhất. Vì số người theo đạo Thiên Chúa ở làng tôi rất ít. Còn lại thì đa số là chùa Việt và chùa Khrmer. Chùa Khrmer đương nhiên là nhiều hơn chùa Việt rồi. Bởi Trà Vinh người ta còn gọi là xứ chùa tháp mà. Hầu hết làng nào cũng có chùa cả. Có khi một làng có đến hai hoặc ba ngôi chùa. Không phải chùa nhỏ đâu. Chùa nào chùa này cũng khang

trang rộng lớn lắm. Đặc biệt là lối kiến trúc của họ đều rập theo một khuôn mẫu. Hầu hết các nước theo Phật giáo Nguyên Thủy đều có chung một lối kiến trúc như thế. Vì người Khrmer hầu hết đều theo đạo Phật. Người Việt mình còn theo đạo này đạo kia, chứ người Khrmer thì họ chỉ có một đạo, đó là đạo Phật mà thôi. Họ rất sùng mộ tín ngưỡng đạo Phật. Họ có một nền văn hóa tập tục rất hay đẹp. Người Việt và người Khrmer họ sống chung đụng xen lộn với nhau. Họ không có phân biệt chia cách. Do sống chung trong một làng nên việc qua lại với nhau rất là thân thiết. Nhà nào có hũ sù như ma chay cưới hỏi, tiệc tùng v.v... thì những người hàng xóm đều đến tận tình tận lực giúp đỡ. Họ không phân biệt Miên hay Việt gì cả. Đó là một nét đặc thù ở làng tôi nói riêng và cả tỉnh Trà Vinh nói chung. Người Khrmer khi giao tiếp, họ rất thật thà chân tình. Họ ít khi có gian xảo, dối trá, lường gạt. Nhưng họ biết ai mà gian dối, lường gạt, gian xảo với họ, thì họ rất căm thù. Họ không có kỳ thị khinh thường nhau. Đó là điểm đặc biệt của hai nền văn hóa Miên - Việt. Ngoài ra, còn có một số ít người Việt theo đạo Cao Đài. Làng tôi cũng chỉ có duy nhất một cái thánh thất Cao Đài mà thôi.

Lúc nhỏ, chùa và thánh thất tôi cũng thường hay lui tới. Vì tôi có những đứa bạn học theo đạo Cao Đài. Riêng chùa Khrmer, thì tôi hay đi xem lễ nhiều hơn. Họ tổ chức những buổi lễ làm phước rất long trọng. Khi cho con vào chùa tu, họ đều có tổ chức làm phước dựng bông. Như có lần tôi đã kể về việc làm phước này trong bài viết "Trà Vinh Quê Hương Tôi" đã đăng trong quyển "Một Cõi Đi Về" tập 2. Còn chùa Việt thì làng tôi cũng có vài ngôi chùa. Nhưng ngôi chùa lớn nhất phải nói là ngôi chùa Phước Thanh. Đây là một ngôi chùa cô được tạo dựng trong thời kỳ Pháp thuộc. Người đứng ra tạo dựng ngôi chùa này là ông Phủ tức cha của ông huyện Hới. Huyện Hới là phụ thân của ông ba Bửu. Ba Bửu là thân phụ của cố đại tướng Nguyễn Khánh. Đây là một gia đình vọng tộc quyền thế có chức vụ địa vị cao. Lối kiến trúc của ngôi chùa này cũng giống như các ngôi chùa Việt khác. Cột đúc to, nền gạch men, chung quanh nền căn bằng loại đá xanh lớn, nền cao, mái ngói cong bằng bạc.

Nói chung ngôi chùa khá khang trang rộng lớn. Chánh điện có thể chứa được khoảng vài trăm người. Ngôi chùa Tổ cũng khá lớn. Giữa chánh điện và ngôi chùa Tổ có một cái sân trống. Hiện nay ngôi chùa này hoàn toàn đổi mới. Nền móng vẫn không thay đổi nhưng phần xây dựng ở bên trên thì hoàn toàn khác lạ. Vị trụ trì của ngôi chùa này hiện nay là thầy Lệ Sĩ, tức cháu ruột của tôi kêu tôi bằng chú. Thầy Lệ Sĩ là người con trai thứ tư của anh hai tôi.

Trước kia, mẹ tôi quy y ở ngôi chùa này. Lúc tôi biết, thì chùa này có một vị Sư già làm trụ trì. Thân hình của ông hơi gầy cao ráo, tuổi trạc ngoài sáu mươi. Các bọn trẻ như tôi khi có dịp đến chùa đều gọi ông là Sư Ông. Ông có đứa cháu ngoại xuất gia tu ở chùa này. Vì trước khi đi tu, ông đã lập gia đình và chỉ có một người con gái duy nhất. Đứa cháu ngoại gọi ông bằng Sư Ông. Vì thế, nên chúng tôi bắt chước gọi theo. Ở chùa quê, mới xuất gia ở chùa chưa có thọ giới Sa di, thì người ta hay gọi là ông đạo. Họ không gọi là ông thầy. Trong chùa lúc đó có hai ông đạo. Một ông có pháp danh là Thiện Đăng, tức cháu ngoại của Sư Ông trụ trì. Còn vị kia pháp danh là Thiện Hương. Vị này hiện nay tôi không biết còn hay mất. Thầy Thiện Đăng sau này thọ đại giới và mất sau năm 1975. Tôi không nhớ rõ năm nào. Trước khi xuất gia, Sư Ông là một nhà giáo và dạy học ở trường làng tôi. Sư Ông thông thạo tiếng Pháp và giỏi chữ Hán. Sau khi xuất gia, Sư Ông cũng vẫn tiếp tục dạy học. Sư Ông mở lớp dạy trong chùa chứ không có dạy ở trường làng như trước kia. Chẳng những dạy quốc ngữ không thôi mà Sư Ông còn dạy chữ Hán nữa. Chữ Hán thì chỉ dạy cho các ông đạo ở trong chùa và có một vài thanh niên ở ngoài vô học.

Trở lại vấn đề trên, vì mẹ tôi quy y theo Phật có pháp danh là Diệu Hoài, nên bà rất sùng mộ và tin tưởng Tam bảo. Mẹ tôi không am hiểu gì về giáo lý của đạo Phật. Bà chỉ là một tín đồ thuần phát và chỉ biết thỉnh thoảng tới lui chùa cúng bái, làm công quả vậy thôi. Và lại, trong chùa cũng đâu có mở lớp dạy giáo lý.

Năm tôi lên mười, mẹ tôi thường hay sai tôi

mang hoa quả cúng chùa. Bảy giờ nhà tôi ở cách chùa khoảng hơn cây số. Vào những ngày rằm hay 30 nếu tháng đủ, còn tháng thiếu thì 29, mẹ tôi hay dẫn tôi đi chùa để cúng bái. Với lứa tuổi lên mười như tôi, thử hỏi có biết gì là trời Phật. Mẹ dẫn đi, thì cứ đi theo mẹ. Mẹ tôi tuy không có học hỏi hiểu gì về đạo pháp nhiều, nhưng bà có một tấm lòng rất hâm mộ đạo Phật lắm. Bà trì trai giữ giới rất kỹ. Bà ăn chay kỳ, lúc đầu, bà ăn một tháng sáu ngày rồi về sau ăn thêm lên đến mười ngày.

Những ngày mẹ tôi ăn chay, thì tôi cũng ăn chay theo mẹ. Có lần mẹ tôi bảo con còn nhỏ, ăn chay không nổi đâu, để mẹ nấu đồ mặn cho con ăn, tôi không chịu và năn nỉ i ôi mẹ để được ăn chay theo mẹ. Kể từ đó, cứ tới ngày chay là tôi ăn theo mẹ tôi. Tôi ăn rất ngon lành, không biết thêm thịt cá, mặc dù đồ ăn chỉ thô sơ đạm bạc mà thôi.

Nhờ mẹ tôi sai bảo đi cúng chùa, nên từ đó, tôi cảm thấy có gì thích thích thường muốn được đi chùa. Mỗi lần đến chùa tôi rất thích tụng kinh. Tôi còn nhớ năm đó là vào khoảng năm 1960, năm này là năm bắt đầu chiến cuộc bộc phát. Các ông Việt Cộng bắt đầu nổi dậy bắt dân chúng đánh mõ, đánh trống đi biểu tình la ó ầm tởi. Năm này tôi vừa tròn 15 tuổi. Tôi sanh năm 1945, tức năm Ất Dậu. Cũng vào thời điểm đó, mấy ông Việt Cộng hay đi lùg bắt các ông điền chủ, trưởng ấp, trưởng khu. Những người mà các ông Việt Cộng cho là phản động làm khó dễ dân chúng. Thường là họ bắt và bịt mắt dẫn đi vào ban đêm. Bởi thế, các ông nào có chức vụ làm việc trong làng ấp, nửa đêm mà nghe tiếng gõ cửa, thì hồn vía lên mây, cả nhà đều sợ hãi, chắc chắn cuộc đời sẽ bị tiêu tưng, gia đình chỉ còn chuẩn bị chờ lấy xác. Đó là một thảm trạng mà hồi đó ở miền quê ai cũng biết.

Hồi đó, trong chùa có thành lập Ban hộ niệm. Mà ông Trưởng ban lại ở gần nhà tôi. Ông có một đứa con trai cũng trạc tuổi tôi. Chúng tôi rất thích tụng niệm. Cứ mỗi buổi tối, tôi thường đến nhà ông để ông dạy chúng tôi tụng kinh. Tôi rất thích đánh mõ. Lúc nào tôi cũng dành đánh mõ, còn con trai của ông thì thỉnh chuông. Lúc đó tôi đâu có biết "Duy na",

"Duyệt chúng" là gì, có ai dạy đâu mà biết. Thường chúng tôi tụng kinh Di Đà chữ. Tôi còn nhớ rõ, bài Khai Kinh tôi thuộc lòng đầu tiên. Vì còn trẻ nên tôi học mau thuộc lòng lắm. Sau này khi học Phật, tôi mới biết là mình chắc có nhân duyên với Phật pháp nhiều đời. Cho nên hôm nay mình mới ham thích đi chùa, tụng kinh, niệm Phật. Hồi đó, không ai dạy cứ mỗi lần nghe tiếng sùng nổ thì tự nhiên tôi lại niệm Phật. Dù lúc đó, tôi mới có mười tuổi thôi. Nếu không có căn duyên chủng tử Phật pháp thì làm gì tôi biết ăn chay niệm Phật. Trong lúc tụng niệm, ông thường khen tôi có giọng tụng kinh rất trầm âm và truyền cảm. Ông nói là ông sẽ cho chúng tôi vào trong Ban hộ niệm. Chúng tôi từ khước ngay. Vì tôi nghĩ mình chưa thuộc rành kinh nhiều, nên khi đi tụng niệm sợ người ta chê cười thì què lắm. Từ đó, tôi cố gắng học kinh cho thuộc lòng. Cách học thuộc lòng của tôi là tôi học gỏi đầu. Nghĩa là nhớ rõ thuộc lòng câu nào rồi thì mới học sang qua câu khác. Cứ học như thế cho đến hết một bài kinh. Xong hết một bài rồi thì đọc đi đọc lại toàn bài cho nhớ. Thỉnh thoảng cứ ôn tới ôn lui thì không bao giờ quên được. Vì vẫn phải ôn võ phải luyện mà!

Một hôm, vào một đêm sáng trăng ánh trăng lung linh huyền ảo tuyệt đẹp. Hôm ấy tôi còn nhớ mang máng là đêm rằm trăng tròn. Sau buổi cơm chiều (nói chiều chớ kỳ thật trời cũng đã nhá nhem tối), theo lệ thường là mỗi buổi tối, chúng tôi bắt đầu tụng niệm vào lúc 7 giờ 30. Khi tôi đến thì cả nhà ông đang dùng cơm tối, nên tôi đi ra ngoài sân ngồi chờ đợi. Thế nên hôm nay tụng trẻ hơn mọi khi.

Trước đó, khi tôi chưa ham thích tụng kinh, thì tôi thường hay đi nghe đờn ca hát xướng với một anh bạn. Anh bạn này lớn hơn tôi 3 tuổi. Anh ta thứ sáu, nên tôi thường gọi anh là sáu Lùn. Tên anh là Lùn chứ không phải người anh lùn. Từ nhà tôi đến nơi đờn ca cách khoảng chừng 500 thước. Đó là nói đi bộ theo con đường tắt, tức là phải đi băng ngang qua nhiều gò mả. Còn nếu đi vòng thì xa hơn.

Tôi đang ngồi chờ đợi dưới tàn cây lành canh, ánh trăng dọi xuống lóm đóm. Tôi cầm một cành cây khô vẽ chữ chơi. Khi đó, anh sáu Lùn

đến và anh rủ tôi đi ra ngoài xóm tiệm đờn ca chơi. Sờ dĩ xóm đó gọi là xóm tiệm, vì có hai dãy nhà đối diện san sát nối liền nhau. Hai dãy nhà này đối diện hai bên đường. Đây là con đường lộ đất chạy dài bắt đầu từ ngoài lộ sỏi đến Bến Đáy thuộc xã Mỹ Long. Nơi đây, có khoảng độ 20 căn nhà lớn nhỏ nằm dọc theo hai bên đường. Trong 20 căn nhà, thì có 2 căn nhà nhỏ bán thực phẩm và những đồ dùng lặt vặt. Còn có một căn nhà khá rộng lớn thì họ bày bán nhiều thứ đồ tạp hóa. Cả xóm tôi ở thường hay ra đây mua đồ khi cần dùng. Vì thế, nên người ta gọi xóm này là xóm tiệm. Những đêm sáng trăng, các trai trẻ nam nữ trong làng, thường hay ra đây để đờn ca hát xướng thật là vui nhộn nhịp lắm.

Thường khi anh sáu Lùn rủ tôi là tôi đi ngay, vì tuổi trẻ ham vui. Nhưng hôm nay thì có khác, tôi nhứt quyết không đi. Tôi không nói rõ lý do tại sao tôi không đi. Vì nói ra tôi sợ anh ta chê cười chế giễu. Bởi anh không có tin tưởng Phật pháp. Anh không có tin trời Phật gì cả. Chẳng những không tin thôi, đôi khi anh còn công kích bài bác nữa. Vì vậy nên tôi chỉ biết làm thinh, mặc cho anh nói gì thì nói. Lúc đó, tôi chỉ biết chờ đợi để được tụng kinh thôi. Anh đứng chờ tôi khoảng độ 5 phút, biết tôi quyết định không đi nên anh tỏ vẻ hơi giận rồi quày quả bỏ đi. Sau khi anh đi rồi, một lát sau, thì đưa bạn kêu tôi vô nhà tụng kinh. Chúng tôi bắt đầu khai kinh tụng. Vừa xong Chú Đại Bi (thường chúng tôi tụng Chú Đại Bi ba biến) bỗng nghe nhiều loạt sùng nổ rất lớn. Chúng tôi hốt hoảng vội bỏ chuông mõ chạy trốn đạn ở trong tầng xê. Phía ngoài vách nhà của cái tầng xê này, ông chủ nhà đắp đất lên thật cao. Khi chúng tôi chun hết vào trong hầm ẩn trốn, thì lúc sau tôi nghe lặn đạn bay về hướng chúng tôi. Có những viên đạn ghim sâu vào ụ đất bên ngoài tầng xê. Sùng nổ liên hồi tứ hướng. Ngồi trong tầng xê cả nhà chỉ biết niệm Phật mà thôi. Chúng tôi không biết chuyện gì xảy ra. Khoảng 1 giờ đồng hồ sau tiếng sùng ngưng hẳn. Chờ khi thật yên lặng, chúng tôi mới chui ra. Sau đó tôi trở về nhà lên giường đánh một giấc cho tới sáng.

Sáng ra, tôi thấy mọi người trong xóm có vẻ hoảng hốt nhón nháo xông xáo bàn tán. Tôi

không biết chuyện gì đã xảy ra. Mẹ tôi cũng đâm ra lo sợ, ai ai cũng lộ vẻ đau buồn thương tiếc! Kẻ thì chắc lưỡi kêu trời, người thì lặng thinh buồn bã ủ dột. Thấy vậy, tôi liền hỏi mẹ tôi, đêm hôm qua chuyện gì đã xảy ra vậy mẹ? Mẹ tôi với vẻ mặt đăm chiêu buồn bã nói: "hú hồn hú vía cho con, không thì con đã chết mất rồi". Nghe mẹ nói thế, tôi lại càng nghĩ ngợi thắc mắc hơn nữa. Tôi nóng lòng hỏi dồn tới, mẹ tôi nói: "Thằng sáu Lùn và thằng hai Danh đã chết đêm hôm rồi". Thân nhân bạn bè mới khiêng xác họ về hồi khuya này. Lúc đó, thật tôi vô cùng xúc động bàng hoàng sững sốt như người mất hồn. Tôi ngăn cả người ra. Cả người tôi như bị tê cứng đứng yên như bị trời trồng. Thế là những tiếng súng nổ khi hôm đã giết chết hai mạng người. Cả hai đều là những người bạn thân trong xóm của tôi. Anh sáu Lùn mới đầu hôm còn rủ tôi đi chơi, thoáng chốc đã hóa ra người thiên cổ. Tôi vẫn chưa hoàn hồn, vì sự việc xảy ra quá nhanh chóng. Mới thấy đó đã chết. Tôi chết điếng không thốt nên lời!

Sáu Lùn và Danh đã chết. Hỏi ra, tôi mới biết là tối hôm đó, các anh lính địa phương (địa phương quân) sau khi đi hành quân ở ngoài Ấp Tư về, họ ém quân lại khoảng một tiểu đội, mà cả xóm tiệm không ai hay biết. Đến tối, các anh này đi ra thám thính tình hình để cho bộ đội chủ lực quân Việt Cộng đi ngang qua xóm tiệm này. Sau này, tôi mới biết là hai anh này có nhiệm vụ làm giao liên. Danh có mang theo vũ khí, còn sáu Lùn thì không có. Nhưng vì khi lính thấy Danh liền la lên, Danh hoảng hồn chạy lùi lại, bị lính bắn bị thương rồi bò lết vào trong lùm cây ẩn trốn.

Sau đó, Danh bị bắn chết. Còn sáu Lùn, tuy không có vũ khí, nhưng anh thấy lính đang lo bắn người bạn của mình, nên anh liền vọt chạy tẩu thoát. Nhưng anh không ngờ rằng, có một người lính đứng phía sau ẩn mình đang canh chừng anh. Anh vừa chạy băng ngang qua bên kia lộ, thì liền bị người lính đứng phía sau lưng anh bắn chết. Một anh khác, từ nhà đi ra, anh này đi về hướng phía nhà tôi đang tụng kinh. Nên khi anh vừa mới tới bỗng nghe có tiếng súng nổ, anh vội chạy tháo lui trở lại, thì lính bắn theo anh nên có những viên đạn đi về

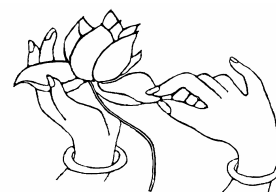
hướng phía chúng tôi.

Thế là, tôi nhờ ham thích tụng kinh mà thoát chết. Nếu buổi tối hôm đó, tôi đi theo anh sáu Lùn như mọi khi, thì không biết số phận của tôi ra sao? Không biết có còn sống hay đã tiêu ma rồi! Từ đó, niềm tin Phật pháp của tôi càng thêm vững chắc sâu đậm hơn. Tôi nghĩ rằng, mỗi người ai cũng có cái biệt nghiệp. Phải chăng do nghiệp quả của tôi có căn lành sâu dày với Phật pháp, nên được Phật lực gia hộ. Do đó, nên tôi mới thoát chết và sống cho đến ngày hôm nay. Ngoài cái biệt nghiệp của tôi, còn có cái cộng nghiệp tốt. Đó là ngôi chùa, quý thầy, mẹ tôi, ông trưởng ban hộ niệm và tất cả những gì liên hệ đến tôi. Biệt nghiệp là do sự huân tập của mỗi người trong cuộc sống. Nếu chúng ta chịu khó huân tập tạo nhiều nghiệp lành, thì chắc chắn chúng ta sẽ hưởng nhiều quả lành. Ngược lại, nếu chúng ta huân tập tạo nhiều nghiệp ác, thì không sao tránh khỏi trả cái quả báo ác. Luật nhân quả không bao giờ chống trái nhau. Ghi lại những dòng chữ này, tôi không khỏi nhớ đến những người ân của tôi. Người tạo cho tôi có được duyên lành đến với Phật pháp sớm chính là mẹ của tôi. Người đã luôn đề tâm un đúc giáo dưỡng khuyến khích tôi hướng về Phật pháp. Thâm ân sâu nặng này tôi không bao giờ quên được.

Con xin thành kính cảm ơn mẹ nhiều lắm! Mẹ ơi!

*Duyên lành con có hôm nay
Cũng nhờ kiếp trước nghiệp dày trồng sâu
Mới hay Phật pháp nhiệm mầu
Nhân nào quả nấy có đâu sai nào
Sớm nên thức tỉnh cho mau
Gắng công tu niệm đạo mầu quả cao*

Lê Văn





ĐƯỜNG HƯỚNG GIÁO DỤC CỦA PHẬT GIÁO

Tử Đi Tìm Một Đường Hướng

Đạo Phật từ ngàn xưa, bao giờ và lúc nào cũng đặt nặng vấn đề hoằng pháp và giáo dục con người lên hàng đầu. Vì con người là đối tượng của sự giáo dục. Nhìn lại, Phật giáo ở hải ngoại nói chung, và Phật giáo ở Úc Châu nói riêng, phần lớn những khó khăn ở bước khởi đầu hội nhập vào xã hội Tây phương như đã vượt qua. Đó là giai đoạn mà hầu hết Tăng, Ni và Phật tử đều dồn hết mọi nỗ lực, bằng tất cả tâm huyết để xây dựng hình thành các cơ sở tự viện. Đó là những cơ sở có tầm vóc quy mô hùng tráng nghiêm trang rộng lớn. Tuy ở giai đoạn của bước khởi đầu này, việc xây chùa, chúng ta cũng đã gặp phải rất nhiều khó khăn trở ngại trong việc kiên tạo. Hiện nay, tại Úc Châu, có nhiều ngôi chùa lớn đã được xây dựng hoàn thành. Đó là một thành quả đạt được phải trả giá rất đắt, nghĩa là phải trải qua bao nhiêu năm tháng tích lũy uơm mầm; phải chịu đựng trăm đắng ngàn cay, khó khăn vất vả trăm bề mới có được. Điều đó không một ai có thể chối cãi phủ nhận. Tuy nhiên, thử đặt câu hỏi, chúng ta xây dựng chùa cao Phật lớn để làm gì? Câu hỏi này người ta có đủ mọi cách thế để trả lời, tùy theo trình độ hiểu biết và quan niệm nhận thức của mỗi người mà nó có mỗi cách lý giải trả lời khác nhau. Tuy nhiên, dù cho có lý giải trả lời bằng cách nào đi chăng nữa, thì chúng ta cũng vẫn phải xác nhận một điều căn bản của ngôi chùa là: "**Cơ Sở Giáo Dục**". Đó là nền tảng căn bản của một ngôi chùa mà từ cổ chí kim, ai cũng phải thừa nhận như thế. Mất đi tính chất đặc thù này, thì ngôi chùa sẽ mất hết ý nghĩa. Khi đã đánh giá sai lệch vấn đề, thì ngôi chùa dù có to lớn khang trang hoành tráng mỹ lệ đến đâu, nó cũng không còn là nơi tôn nghiêm để mọi người quy hướng tu học.

Có nhận thức căn bản như thế, thì chúng ta mới đánh giá ngôi chùa không bị sai lệch. Trong tình huống của các ngôi chùa lớn hiện nay, khi xây dựng, tất nhiên, là phải vương

mắc một số nợ nần rất lớn. Nợ vay ngân hàng là phải trả đúng thời hạn. Ngoài ra còn phải mắc nợ Phật tử cho mượn không lời. Nợ nào, dù lớn hay nhỏ, trước sau rồi cũng phải trả. Tuy nhiên, phải tìm cách nào để trả? Tiền cúng dường đóng góp của Phật tử thì dường như ngày càng ít lại và khô kiệt dần, không đủ để trang trải mọi thứ chi phí, có đâu đủ để trả nợ? Từ đó, mà nó đưa đến một tình trạng hệ quả tai hại là: "**Biến ngôi Già lam thanh tịnh, trở thành nơi buôn bán kiếm tiền ồn ào**". Vì thế mà người ta thường gọi một cách mỉa mai châm biếm khôi hài là đi "Chợ Chùa".

Có chùa còn mở ra nhà hàng chuyên bán các loại thực phẩm, như là một nơi buôn bán kinh doanh để kiếm tiền lời trả nợ và mọi chi phí trong chùa. Nếu không có như thế, thì làm sao giải quyết được món nợ nần lớn? Từ đó lại nảy sinh ra có chuyện tính toán lời lỗ. Lời thì vui mà lỗ thì buồn. Dĩ nhiên là vị trụ trì ít nhiều gì cũng phải quan tâm đến. Có khi còn phải can dự đi sâu vào việc buôn bán này. Thế là ngôi chùa không còn mang tính chất thánh thiện để mọi người tìm đến dưỡng tâm nuôi đức. Đời sống tâm linh của người Phật tử ngày càng khô héo kiệt quệ. Người thực sự muốn tìm một con đường tu học giải thoát, thì họ không còn muốn thiết tha đến chùa nữa. Họ chán ngán cái cảnh ồn ào nhộn nhịp phức tạp buôn bán này. Ở nhà, họ bị căng thẳng bức xúc đủ thứ, đến chùa, chẳng những họ không tìm thấy sự an lạc thoải mái cho tâm hồn, mà trái lại, nó còn tăng thêm sự bức bối căng thẳng bức xúc hơn. Đó là chưa nói đến có những người đến chùa, họ chỉ biết dục ba dục bảy bàn tán việc thị phi thiên hạ. Họ đàm tiếu luận bàn tán ngẫu những chuyện tạp nhạp bù khú ở thế gian. Họ chưa từng tụng một thời kinh hay niệm một câu Phật, hoặc lạy một vị Phật nào. Khi tiếp xúc với những hạng người này, họ cảm thấy chỉ gây thêm phiền não bức bối mà thôi.

Bởi ngôi chùa và Tăng, Ni không đáp ứng được nhu cầu thiết yếu này cho họ. Từ đó họ

lần lần xa lánh chùa và tìm một hướng đi khác là tự mình tìm hiểu rồi ứng dụng tu tại gia. Có người còn đứng ra quy tụ một số phật tử bạn bè thân thiết có tâm đạo về nhà của họ để họ hướng dẫn tu học. Họ cho rằng, đến chùa chỉ bị moi tiền móc túi, còn Tăng, Ni thì không có đáp ứng được gì cho họ trong vấn đề tìm hiểu tu học.

Lỗi này do đâu? Chúng ta không thể đổ trút cho ai. Mà đây là một hệ quả theo nhu cầu chung của môi trường xã hội thời đại. Từ đó, biến Tăng, Ni, thay vì chuyên lo nghiên tầm tu học, trau dồi giới đức, hoằng pháp lợi sinh, cứu nhân độ thế, thì lại bị lôi cuốn vào con đường thế tục hóa và trở thành một người phải lo tìm cách kiếm tiền. Đây quả là một trong những pháp nạn của Phật giáo hiện nay.

Nói thế, để chúng ta nên xác định lại vai trò lãnh đạo giáo dục, vạch ra một đường hướng rõ rệt để làm nền tảng cho tất cả những cơ sở giáo dục của Phật giáo hiện nay. Đi tìm một đường hướng và xác định ý nghĩa của đường hướng đó quả là một việc làm vô cùng quan trọng, vì đường hướng ấy là thể hiện cụ thể nhất của tinh thần giáo dục Phật giáo. Mất đường hướng như mất ngôi sao Bắc đẩu và chúng ta sẽ trở thành quờ quạng đi trong đêm tối mù mịt. Vậy thì đường hướng giáo dục của Phật giáo phải như thế nào? Đây là một câu hỏi như là một chủ đề lớn rất quan yếu cho việc tìm một đường hướng giáo dục thật thích nghi và hợp thời của một nền giáo dục căn bản Phật giáo. Đạo Phật là một nghệ thuật sống, không phải là một thứ đạo Phật mang tính giáo điều hay lý thuyết suông. Trọng tâm, mục tiêu của một nền giáo dục Phật giáo là nhắm thẳng vào đối tượng con người. Vì bản thân của vị khai sáng ra đạo Phật Ngài là một con người. Vì thế, nên đức Phật rất hiểu rõ tâm, sinh lý của con người. Từ đó Ngài đã thiết lập một nền giáo dục trên cơ sở con người để hướng dẫn con người thoát khỏi lưới mê nhiều kiếp. Sự giáo dục đó nó tương quan qua nhiều lĩnh vực trong đời sống con người và xã hội. Tuy nhiên, chúng ta có thể trình bày khái quát qua những tương quan mật thiết trong những tiêu điểm sau đây:

1. Tương quan giữa con người và hoàn cảnh.
2. Tương quan giữa con người và hành động.
3. Tương quan giữa con người và tri thức.
4. Tương quan giữa con người và đạo đức.
5. Tương quan giữa con người và thời gian.
6. Tương quan giữa con người và chân lý.

Những tiêu điểm trên không hẳn là hoàn toàn khác biệt nhau, mà chúng chỉ là những khía cạnh của một thực tại duy nhất. Thực tại duy nhất ấy làm nền tảng cho sáu đường hướng giáo dục, như những con sông đều chảy về biển cả đại dương. Nói cách khác là sáu đường hướng trên dẫn về một đường hướng duy nhất; đường hướng đó dẫn con người đến chỗ cứu cánh hoàn thiện mà Phật giáo gọi là Phật tánh.

1. Tương quan giữa con người và hoàn cảnh

Con người là di hửng của truyền thống, là sản phẩm của hoàn cảnh. Đây là điều quá rõ ràng hiển nhiên mà không ai có thể chối cãi phủ nhận được. Làm sao chúng ta có thể chối bỏ xã hội mà mình đang sống? Chúng ta không thể tách rời biệt lập ra khỏi dòng lịch sử của dân tộc, vì trong đó có tổ tiên chúng ta là những người đã dày công tạo nên và vun bồi cho một nền văn hóa dân tộc. Giữa văn hóa dân tộc và văn hóa Phật giáo, luôn hòa quyện với nhau, tạo thành một nền văn hóa tổng hợp. Có ý thức như thế, ta mới thấy sự tương quan giữa con người và hoàn cảnh không phải chỉ đơn độc một chiều. Mà hoàn cảnh cũng có thể tạo ra con người tốt hoặc xấu. Sự tương quan hai chiều đối nghịch này, để tạo thành một bản sắc văn hóa của dân tộc. Vì có sự tương quan đối nghịch như thế, nên việc giáo dục con người vẫn là căn bản. Nhưng muốn giáo dục con người theo hướng thánh thiện, tất nhiên là chúng ta không thể không dựa vào nền tảng đạo đức. Chính đạo đức là cội gốc để xây dựng con người hoàn thiện. Khi có thực chất đạo đức, con người mới không làm nô lệ cho hoàn cảnh. Nô lệ cho hoàn cảnh là chúng ta đã đánh mất giá trị làm người. Hoàn cảnh chỉ là sản phẩm chính do con người tạo ra. Ý thức như thế, con người có thể làm chủ được hoàn cảnh và bắt hoàn cảnh phải làm theo ý mình. Đó là hướng giáo dục khôi phục lại bản chất đích thực của con người.

Hiện chúng ta đang sống trong một hoàn cảnh mà con người luôn tiếp cận với thế giới vật chất kỹ thuật. Một xã hội luôn sáng tạo nghiên hẳn về phần vật chất. Họ coi nhẹ và khinh thường đạo đức của con người. Họ chỉ biết tôn vinh và chạy đua về hướng kỹ thuật khoa học trong việc chế tạo sản xuất nhanh và mạnh các loại vũ khí nguyên tử. Đó là một cuộc sống hướng con người đi vào con đường truy lạc sa đọa. Và cuối cùng chính con người tàn hại lẫn nhau trong một thế giới tương tranh quyền lực. Đó là một thảm cảnh, một họa hại nếu con người không sớm thức tỉnh tìm ra lối thoát để cứu nguy cho đồng loại. Cứ nhìn vào thực trạng của xã hội hiện thời không ai lại không thấy rõ điều đó. Hoàn cảnh hay y báo là tùy thuộc vào con người tức chánh báo. Chính con người có đầy đủ năng lực để tạo ra một xã hội, nói cách khác là môi trường sống tốt hay xấu, ngoài con người ra không ai có thể tạo ra được cả. Bởi con người là trung tâm của vũ trụ. Nếu con người khéo biết sử dụng tuệ giác của mình thì có thể tạo ra một môi trường sống thích nghi tốt đẹp hơn. Điều này, là một trọng trách lớn của những nhà giáo dục và người giáo dục Phật giáo.

2. Tương Quan Giữa Con Người Và Hành Động

Hành động đóng một vai trò rất quan yếu trong dòng sống lịch sử của con người. Phật giáo gọi hành động là nghiệp (karma, kamma). Nghiệp có tên khác là tập khí hay chủng tử. Tập khí là thói quen, gọi là tập quán nghiệp. Một hành động được lặp đi lặp lại nhiều lần, trở thành một thói quen mạnh. Thói quen có thói quen tốt và thói quen xấu. Những thói quen này được xuất phát từ ba chỗ: thân, khẩu, ý, gọi là ba nghiệp. Trong ba nghiệp thì ý nghiệp là chủ yếu quan trọng, vì chính nó chủ động tạo thành nghiệp lành dữ. Nói cách khác, mọi hành động đều nằm trong tư tưởng ý thức của con người. Nếu con người có ý tưởng cao đẹp thì mọi hành động sẽ đem lại những thành quả tốt đẹp. Hành động đóng một vai trò chủ đạo trong việc khai hóa điều hướng con người đi về hướng theo lộ trình chánh kiến. Ngược lại, là một hành động vô ý thức, rơi vào tà kiến, tất nhiên, từ đó sẽ kéo theo một hệ quả tai hại tột

tệ cho bản thân, gia đình và xã hội. Con người là kết quả của những hành động xấu, tốt, thiện, ác do chính mình gây tạo từ trong quá khứ. Cho nên, tự mình phải chấp nhận cái quả báo mà do chính hành động của mình gây ra. Một hành động xấu hoặc tốt, đều có tác động ảnh hưởng đến môi trường sống chung quanh. Một hành động buồn lậu nha phiến sẽ gây tác hại ảnh hưởng đến biết bao nhiêu người khác. Đó là một việc làm vô trách nhiệm và thiếu ý thức. Hành động xấu ác này không sao tránh khỏi hậu quả từ tội. Bởi đó là một hành động trái với luật pháp thế gian và trái với lương tâm đạo đức con người. Một hành động phi pháp tội lỗi như thế, thì dù ở bất cứ thời đại xã hội nào cũng không ai có thể chấp nhận được. Tuy đây là một hành động cá nhân, nhưng nó có tác hại ảnh hưởng rộng lớn đến cộng đồng nhơn loại. Cho nên, một nền giáo dục thực tiễn là phải giáo dục từ nơi cội gốc tư tưởng con người. Tư tưởng con người phải được đặt định dựa trên nền tảng thiện nghiệp, thì mọi tư duy sẽ mang lại nhiều sự lợi lạc cho con người. Đó là một hành động có ý thức chánh niệm. Bởi con người có gốc rễ đạo đức tâm linh; có nguồn sống hướng thượng cao đẹp và có đặc tính hoàn toàn tự do, tự tại. Từ đó con người mới có những hành động vô ngại, không đầu hàng khuất phục trước bất cứ thế lực vô minh nào. Vì bản chất của hành động là vô tự tánh. Đó là một nền giáo dục cao thượng hướng con người đến chỗ cứu cánh đạt thành Phật quả vậy.

3. Tương Quan Giữa Con Người Và Trí Thức

Nếu cho rằng, giáo dục nhằm mục đích huấn luyện đào tạo cho một đứa trẻ để sau này nó sẽ trở thành một nhà trí thức có được nghề nghiệp và địa vị cao trong xã hội, thiết nghĩ, quan niệm theo ý hướng giáo dục như thế cũng chưa được hoàn hảo trọn vẹn. Đó chỉ là một khía cạnh của sự giáo dục đầu tư tích tụ nhiều kinh nghiệm trong sở học mà thôi. Và như thế, thì ta có thể gọi đó là những nhà trí thức, chứ không phải là trí tuệ. Bởi đường hướng giáo dục của Phật giáo là phải chuyển thức thành trí. Chính trí tuệ mới có khả năng đưa con người đi đến chánh kiến. Trí thức chỉ là đóng

một vai trò trên bề mặt của sự nhận thức. Vì ta không thể tin vào trí thức của con người. Vì trí thức của con người còn hạn hẹp trong lối tư duy và chưa được điều chỉnh vượt thoát trọn vẹn. Do đó, nên mới có những tri giác sai lầm đối với mọi hiện tượng của các pháp. Từ những nhận thức sai lầm đó, dễ tạo thành những hiện tượng tranh chấp. Đó là hậu quả của chiến tranh. Chiến tranh khởi mầm bắt đầu từ những tri giác sai lầm này. Duy Biểu học gọi đó là thứ "tỷ lượng và phi lượng". Tỷ lượng là một sự so sánh trong ảo tưởng dễ bị sai lầm. Từ xa thấy khói mù bay lên, ta liền nói nơi đó chắc chắn là phải có lửa, vì không có lửa thì không có khói. Lập luận này không hẳn là sai, nhưng chưa hẳn là đúng hoàn toàn. Đôi lúc có khói, nhưng đó không phải là do lửa. Như khói của lò sưởi hay máy lạnh hoặc khói bốc lên từ những tảng đá của những buổi sáng sớm sương mù. Thế nên, ta không nên vội kết luận về cái gì có khói đều phải là có lửa. Kết luận như thế thật là quá hàm hồ, vì chưa rõ nguyên nhân cụ thể. Đó là một nhận thức sai lầm của tỷ lượng. Phi lượng là một nhận thức hoàn toàn sai lầm trái với chân lý. Các pháp là vô thường, vô ngã mà ta cho là thường là ngã, thì đó là tri giác hoàn toàn sai lầm. Nói sai lầm là dựa trên nền tảng chân lý. Từ đó, suy rộng ra có biết bao nhiêu sự sai lầm do tri thức vọng tưởng mà ra.

Giáo dục Phật giáo phải chỉ rõ phơi bày sự thật này. Đừng vội tin vào tri thức của con người. Bởi tất cả đó là những tri thức vay mượn, duyên nơi bóng dáng của sáu trần bên ngoài mà có. Phật nói, đó là những thứ vọng tri, vọng giác, chứ không phải thực chất trí tuệ. Trí tuệ của Phật giáo là phải đặt trên nền tảng của chân định. Định lực càng vững mạnh thì trí tuệ càng sáng suốt. Định và tuệ xét về mặt hiện tượng, ta thấy dường như có hai, nhưng nhìn sâu vào bản thể, thì trong định có tuệ và trong tuệ có định. Đó là cái nhìn theo lý "Tương tức Tương nhập" trong Kinh Hoa Nghiêm. Nghĩa là trong Định có Tuệ và ngược lại cũng thế. Nhờ có trí tuệ sáng suốt, con người mới nhận định ra các pháp thế gian đều là hư huyền ảo mộng. Từ đó mọi vọng chấp nghi ngờ, mọi định kiến bảo thủ, mọi kỳ thị tranh chấp hận thù ...đều tan thành mây khói. Và không còn

cái nhìn lưỡng cực nhị nguyên nữa. Có thể, thì hơn loại mới có thể hy vọng sống chung hòa bình an lạc vậy.

4. Tương Quan Giữa Con Người Và Đạo Đức

Nếu như con người có trí mà thiếu đức, thì đó chỉ có thể gọi là tà trí. Nhờ có trí tuệ sáng suốt ta mới nhận diện rõ bộ mặt thật của vô minh phiền não. Khi đã thấy rõ nguyên nhân thủ phạm gây ra tác hại rồi, thì ta liền mạnh dạn sử dụng thanh gươm trí tuệ bát nhã để đoạn trừ cội gốc vô minh. Nói đoạn trừ chỉ là một cách nói, chứ vô minh đâu có thực thể mà đoạn trừ. Nói đúng hơn theo giáo lý Đại thừa phải nói là chuyển hóa. Chuyển hóa phiền não thành Bồ đề, chuyển sanh tử thành Niết bàn. Như nói chuyển nước đục thành nước trong vậy. Muốn có nước trong, ta không đợi đợi gì phải đổ bỏ hết nước đục. Nếu thế, thì làm gì có nước trong? Chuyển phiền não thành Bồ đề cũng thế. Phiền não là mê, bồ đề là giác. Giác mê thì mê diệt. Ta tìm hạnh phúc trong khổ đau. Nếu rời khổ đau thì ta không bao giờ có được hạnh phúc. Con giận nổi lên là phiền não, khi con giận hạ xuống trở lại lúc chưa nổi giận, trước khi nổi giận gọi đó là tánh không giận. Khi gặp duyên bất như ý thì con giận nổi lên. Thế thì, con giận khi có, khi không, còn "tánh không giận" thì đâu có lúc nào vắng mặt. Con giận nổi lên từ tánh không giận. Nếu không có tánh không giận, thì làm gì có con giận. Nếu không có nước thì làm gì có sóng? Khi sóng lặng thì tánh nước hiện bày. Nước thì lúc nào cũng sẵn có, còn sóng thì khi có, khi không. Cũng thế, giận là một hiện tượng phiền não, tánh không giận là tánh thể bồ đề. Nói chung là tánh "không" của vạn pháp. Rời tánh không này thì vạn pháp không có.

Ta cần minh định rõ sự tương quan giữa con người và đạo đức không phải là hai ý niệm dị biệt. Bởi con người và đạo đức ta không thể ly khai tách biệt ra được. Đạo đức là đạo đức của ai? Nếu không có con người thì làm sao có đạo đức? Như không có nước thì làm sao có sóng? Nhưng nói sóng là nước cũng không đúng. Hay nói nước là sóng cũng không đúng. Nhìn mặt hiện tượng ta gọi là sóng, nhưng nhìn mặt

bản thể thì ta gọi là nước. Nước và sóng không thể ly khai tách rời thành hai thực thể riêng biệt được. Nhưng nếu nói một thì cũng không đúng. Đây là lý "Bất Nhị" trong Kinh Duy Ma Cật. Nói một là sai mà nói hai thì không đúng. Vậy phải nói như thế nào mới đúng? Nếu muốn nói đúng thì phải nói: "*trong sóng có nước và ngược lại trong nước có sóng*". Nếu trong nước không có sóng thì tại sao nước tạo thành sóng? Và ngược lại, trong lúc nổi thành sóng nếu rời nước ra thì làm gì có sóng? Chẳng qua sóng và nước là hai mặt của một thực tại. Khi đủ duyên thì tạo thành nước và sóng thể thôi! Con người và đạo đức cũng thế. Nếu nói con người là đạo đức không đúng. Bởi nếu là đạo đức thì tại sao con người làm những điều phi pháp tội ác? Và ngược lại, nếu không có đạo đức thì tại sao con người làm những điều phúc thiện và tu hành thành Phật? Thế thì, tự bản chất con người vốn sẵn là đạo đức. Vì mang sẵn tính chất đạo đức nên con người mới có thể tạo nên những điều tốt đẹp để xây dựng phụng sự công hiến cho đời. Đó là những con người có một đời sống hướng thượng theo tiếng gọi của lương tâm đạo đức con người. Ngược lại, cũng có những con người, tuy cũng vẫn sẵn có tính đạo đức, nhưng vì bị động lực vô minh sai khiến nên họ tạo ra lắm điều bất thiện, gây tác hại đau khổ cho đồng loại và muôn loài.

Chính vì trong mỗi con người đều sẵn có hai đức tính: giác ngộ và mê lầm, nói cách khác là Phật tánh và vô minh, nên con người cần phải có sự tu tập chuyển hóa. Đạo đức không phải chỉ là một số ý niệm mang tính lý thuyết, mà nó cần được thể hiện ngay trong đời sống hiện thực. Người có đạo đức là người có chánh kiến, có nhận định đúng hướng chân lý. Ngược lại, người thiếu đạo đức là người đang rơi vào tà kiến, tà tín và tà đạo. Đó là những con người sống theo tiếng gọi của vô minh, của những vọng tưởng điên đảo. Cái thấy, cái nhìn của họ đều rơi vào tà đạo, nghĩa là họ đang sống trong mê chấp tạo nhiều tội lỗi.

" Phật giáo không phải chỉ là người có chấp vào một số nguyên tắc đạo đức để mà bỏ quên thực chất linh động của đạo đức; chính kiến mới là không chấp trước vào vọng kiến; vọng

kiến là sự chìm đắm trong những ảo ảnh, hư ảnh phù phiếm mà chạy trốn thực tại. Thực tại nằm trên thiện và ác; giai đoạn đầu là theo Thiện bỏ ác, giai đoạn thứ hai là bỏ Ác và bỏ cả Thiện, giai đoạn thứ ba là siêu hóa nhị tướng của vạn pháp để mà thể nhập Thực tại siêu việt". (Hòa thượng Thích Minh Châu)

Nói rõ hơn là giáo dục Phật giáo phải có đủ năng lực để điều hướng con người đi vào con đường Bát chánh đạo. Có sóng với tám con đường chơn chánh (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh định và chánh huệ), thì con người mới thực sự có chất liệu đạo đức và mới mong tự cứu thoát lấy mình và tha nhân thoát khỏi con đường trầm luân đau khổ.

5. Tương Quan Giữa Con Người Và Thời Gian

Thời gian có ra cũng chỉ là một ý niệm. Đồng ý như thế, nhưng thực tế trong đời sống của con người và vạn vật, không một vật nào thoát khỏi sự chi phối của thời gian. Đứng về mặt Tục đế, thì ta cần lợi dụng yếu tố thời gian để đầu tư trong mọi ngành nghề của đời sống. Dù đời sống vật chất hay tâm linh cũng thế. Học quá khứ, không có nghĩa là ta lệ thuộc vào quá khứ, chỉ biết có quá khứ, mà ta chỉ cần đem những bài học trong quá khứ để làm kinh nghiệm sống dậy trong hiện tại. Nghĩa là ta không đánh mất hiện tại. Hướng về tương lai cũng thế. Cả hai hướng nhìn ta đều phải thiết lập cắm sâu gốc rễ vững chắc trong hiện tại. Bởi chỉ có chất liệu hiện tại mới đáng cho chúng ta quan tâm học hỏi. Rời hiện tại, ta sẽ đánh mất ngay quá khứ và tương lai. Bởi chất liệu hiện tại mới có đủ yếu tố quyết định cho tương lai. Ta không nên chia quá khứ, hiện tại, và tương lai thành ba giai đoạn khác nhau. Mà tất cả đều có mặt trong sự hỗ tương mật thiết cho nhau. Học quá khứ để chuẩn bị cho hiện tại. Và hiện tại là quyết định cho tương lai. Nói rõ hơn, trong giây phút hiện tại đều có mặt quá khứ và tương lai. Trong kinh có nói: "nhứt niệm vạn niên" là thế. Nghĩa là trong một niệm có mặt đầy đủ tất cả, dù trải qua vô lượng kiếp về quá khứ hay vô lượng kiếp về tương lai. Vì thế, tương quan giữa con người và thời gian

đối với các nhà giáo dục Phật giáo cần phải quan tâm thiết thực hơn vì nó rất quan trọng. Nhà giáo dục Phật giáo không thể nào xao lãng thờ ơ khinh thường hiện tại của các thế hệ trẻ. Tất cả hãy dồn hết tâm lực vào sự hướng dẫn giáo dục cho các thế hệ trẻ hiện thời. Đó là vai trò trách nhiệm của các nhà giáo dục Phật giáo trong hiện tại và tương lai.

Đạo Phật tuy có đề cập đến thời gian nhưng không lệ thuộc vào thời gian. Bởi thời gian chỉ có ý nghĩa khi nào con người không còn bị dính mắc vào ý niệm thời gian. Một khi ta không còn ý niệm gì về thời gian và không gian thì, dù thời gian, không gian có đó, nhưng đối với người đạt đạo thì tự nó không là gì cả. Xưa kia, khi Lý Thánh Tông đến gặp Thiền sư Thiền Ông Thiền Lão, nhà vua có nêu ra câu hỏi để trắc nghiệm về thời gian. Nhà vua hỏi: "*Hòa thượng sống ở đây bao lâu rồi*"? Trong câu hỏi này nhà vua ngầm có ý muốn biết về thời gian. Thiền Sư không ngần ngại trả lời rất thi vị bằng hai câu thơ:

*"Đản tri kim nhật nguyệt,
Thùy thức cựu xuân thu".*

Nghĩa là chỉ biết ngày tháng này, ý nói chỉ biết ngay trong giây phút hiện tại thôi, đâu cần biết đến mùa xuân hay mùa thu đã qua. Hai câu này được tạm dịch thành hai câu thơ như sau:

*Sống ngày nay chỉ biết ngày nay
Còn xuân thu trước ai hay làm gì*

Trả lời hai câu thơ rất là thi vị như thế, có thể là nhà vua rất ưng ý hài lòng rồi. nhưng nhà vua cũng vẫn chưa chịu dừng lại, liền hỏi tiếp:

Hằng ngày Hòa thượng làm gì ở núi này? Câu hỏi này nhà vua có ẩn ý là muốn trắc nghiệm Thiền sư về không gian. Làm gì ở núi này rõ ràng nhà vua muốn hỏi về không gian. Xem thử vị Thiền Sư này có kẹt mắc vào không gian hay không. Thiền Sư trả lời tiếp hai câu thơ:

*Thúy trúc huỳnh hoa phi ngoại cảnh
Bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân*

Nghĩa là:

*Trúc biết hoa vàng đâu cảnh khác
Trăng trong mây trắng hiện toàn chân.*

Đời sống của Thiền Sư là thế ấy. Một khi tâm đã thanh tịnh rồi thì nhìn đâu cũng là thanh tịnh, là pháp thân cả. Trăng, mây, hay hoa vàng trúc biết có cảnh vật nào mà ở ngoài pháp thân đâu. Pháp thân là trùm khắp muôn vật. Chỉ cần sống được với pháp thân thì nơi đâu cũng là tươi đẹp, là giải thoát cả.

6. Tương Quan Giữa Con Người Và Chân Lý

Chân lý là một lẽ thật bất di bất dịch. Chân lý bao trùm tất cả sự vật. Có ba loại chân lý: chân lý tương đối, chân lý phổ biến và chân lý tuyệt đối. Nhà giáo dục Phật giáo phải khéo léo linh động tùy cơ ứng dụng ba loại chân lý này trong việc giáo dục. Chân lý tương đối là chân lý đối trị. Vì tương đối là nằm trong bình diện đối đãi nhị nguyên. Dùng những pháp môn Phật dạy mà khéo điều trị. Như một lương y tùy bệnh cho thuốc. Mục đích là để trị lành bệnh. Lành bệnh là thuốc hay. Người sân hận nhiều phải dùng pháp môn từ bi để đối trị. Người tán loạn nhiều phải dùng pháp môn quán sô tức hay tùy tức (đếm hơi thở và theo dõi hơi thở) để trị liệu. Nói chung, chúng sanh đa bệnh, Phật pháp đa môn. Đó là cách giáo dục đối trị rất hữu hiệu. Cách này dù hay nhưng vẫn còn dính kẹt trong đối đãi. Đó chỉ là phương tiện bước đầu để trị liệu. Chân lý thứ hai là chân lý phổ biến. Chân lý này là chân lý nhân quả. Vì tất cả mọi hiện tượng không có hiện tượng nào thoát khỏi định luật nhân quả. Có thể nói, nhân quả chi phối tất cả đời sống con người và vạn vật. Chân lý này dựa trên yếu tố thời gian mà hình thành. Còn chân lý nhân duyên là đặt định trên yếu tố không gian. Như vậy vạn vật không ngoài không gian và thời gian. Đó là những chân lý hỗ trợ nhau mà hình thành. Gieo một hạt giống như hạt cam chẳng hạn, thì nó cần phải có thời gian và môi trường chung quanh thích hợp. Môi trường sống thích hợp cho hạt cam sinh trưởng tốt, thì đó là nhu cầu của không gian. Thế thì, nhà giáo dục Phật giáo phải dựa trên tiêu chuẩn chân lý nhân duyên, nhân quả

này, để vạch ra đường lối giáo dục thích hợp với mọi căn cơ và hoàn cảnh. Chân lý thứ ba là chân lý tuyệt đối. Đây là thứ chân lý vượt ngoài đối đãi không còn bị dính kẹt vào thời gian, không gian. Tự thể của nó là ly khai tất cả. Thực thể này vốn sáng suốt thanh tịnh, không sanh, không diệt. Tuy ly khai tất cả, nhưng không một pháp nào ngoài nó. Kinh Lăng Nghiêm nói: *"Ly nhất thiết tướng, tức nhất thiết pháp"*. Nghĩa là rời tất cả mọi hiện tượng, nhưng không hiện tượng nào ngoài nó. Vì thế tánh của nó trùm khắp muôn vật. Do đó, nên nó không bị dính kẹt vào bất cứ một hiện tượng nào. Tánh thể này dụ như hư không. Nhưng hư không thì vô tri, tánh thể này thì hữu tri. Tuy bản thể hay chơn đế là vậy, nhưng ở mặt hiện tượng hay tục đế, thì làm lợi ích cho tất cả mà không bị dính kẹt trong đó. Đó là một thứ giáo dục siêu giáo dục. Vượt lên trên mọi ý niệm về chủ thể và đối tượng. Đó mới thực sự là một nền giáo dục siêu đẳng. Còn lại tất cả đều là phương tiện. Rời phương tiện thì không thể đạt được cứu cánh. Nhưng phương tiện không phải là cứu cánh. Nhà giáo dục Phật giáo cần phải biện biệt biết rõ điều này. Ta có quyền bày ra mọi phương tiện, bất cứ phương tiện nào nhằm đạt được hiệu quả tốt đẹp thì ta đều có thể sử dụng được cả, nhưng ta đừng quên đó chỉ là phương tiện, đừng lầm chấp vào phương tiện mà quên đi cứu cánh. Cái cứu cánh mới là cái tiêu đích ta nhắm tới. Như ngón tay chỉ trăng hay như hóa thành đưa đến bảo sở. Ngón tay hay hóa thành chỉ là phương tiện; còn mặt trăng hay bảo sở mới đích thực là cứu cánh. Hiểu được chỗ cứu cánh này, thì nhà giáo dục Phật giáo sẽ thoát được mọi ràng buộc, mọi ý niệm tương tranh, mới có một tâm hồn thực sự cởi mở, không lệ thuộc vào bất cứ hiện tượng nào. Đó là hướng giáo dục mà tất cả người giáo dục Phật giáo đều nhắm tới. Tuy nhiên, muốn đạt được như thế, thì trước tiên người giáo dục Phật giáo phải tự nỗ lực giáo dục cho chính mình trước. Đó là cơ bản thiết yếu của con người giáo dục. Đức Phật là một người giáo dục toàn diện, toàn thiện, nhưng muốn được như vậy, trước tiên, Ngài cũng phải tự giáo dục Ngài trước. Có tự giáo dục mình hoàn hảo, thì mới có thể giáo dục người khác được. Nói cách khác, con người là đối tượng của sự giáo dục, và phải giáo dục một

cách toàn triệt. Có thể thì mới thể nhập được "Con Người" bất tử chân thật của chính mình. Để kết luận vấn đề này, chúng tôi xin được trích dẫn lời của cố Đại lão Hòa thượng Thích Minh Châu viết trong tờ nguyệt san Tư Tưởng số 4, số đặc biệt về giáo dục, xuất bản ngày 1 tháng 9 năm 1969 tại Viện Đại Học Vạn Hạnh - Sài Gòn như sau:

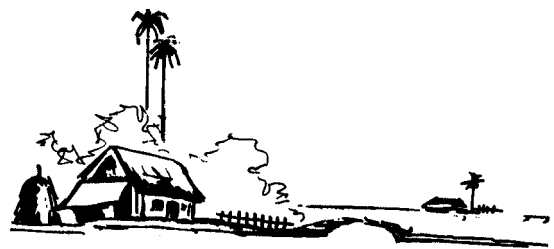
"Con người giáo dục Phật giáo phải là con người thể hiện tinh thần "Bất nhị" trong nhà trường và đời sống, không phân biệt mình với học trò, không phân biệt đối tượng với chủ thể, không phân biệt tương quan giữa con người và hoàn cảnh, con người và hành động, con người và tri thức, con người và đạo đức, con người và thời gian, con người và chân lý.

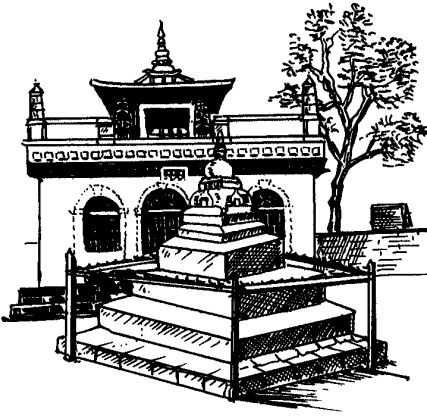
"Sự giáo dục sẽ trở thành vô dụng, nếu người học không đánh mất những quyển vở nhà trường, không đốt những số tay ghi chú ở giảng đường, và không chịu quên hết những chi tiết tỉ mỉ mà mình đã học thuộc lòng để đi thi ... "

Câu nói trên của triết gia Alfred North Whitehead trong quyển The Aims of Education là chủ ý muốn nối liền lại giáo dục và đời sống, giáo dục là để thể nhập vào đời sống phong phú, giáo dục không phải chỉ giới hạn ở nhà trường, không phải chỉ kết thúc ở trường thi; mà giáo dục là phải tự siêu hóa giáo dục để trở thành hơi thở dinh dưỡng của đời sống trọn vẹn, tước bỏ những chi tiết mà hòa đồng với những nguyên lý bất diệt của nhơn sinh.

Chỉ có tinh thần Phật giáo mới giúp chúng ta đưa giáo dục trở về tiếp nối với sự sống, để tước bỏ những kiến thức chết, những ý tưởng vô sinh khí, và thực hiện một con người siêu việt trên cuộc đời bé nhỏ này".

Nghiêm Đạt





Đi Chùa

Nam ngồi một bên, nữ một bên, nhiều người ngồi trên ghế.

- Hôm nay con không đưa mẹ đến chùa Phật Đà được, con có một cuộc họp phụ huynh trong gia đình Phật tử, mẹ ở trong chùa Sri Lanka theo Phật giáo nguyên thủy gần đó chuyên về thiền, trưa con đón mẹ.

Con gái cho tôi xuống ngay cổng chùa rồi lái xe đi. Tôi bước vào chùa men theo lối nhỏ dành cho khách bộ hành, kế bên đường lớn với hai làn xe xuôi ngược có hai hàng cây to rợp bóng, không khí buổi sáng trong lành dễ chịu, gió mát rượi, ánh nắng chan hòa trên mặt đất, lá cây lấp lánh dưới ánh mặt trời, tiếng chim hót xa xa.

Đó là ngôi chùa nhỏ rất đơn giản, không chạm trổ cầu kỳ như chùa người Hoa, chính giữa một phòng lớn làm chánh điện, hai bên là phòng làm nơi sinh hoạt chứa nhiều bàn ghế và phòng có rất nhiều người, nhất là trẻ em, có bé bò cả dưới sàn, hình như họ đem cả gia đình đến chùa ngày chủ nhật.

Chánh điện chỉ có tượng Phật Thích Ca Mâu Ni màu trắng trong tư thế ngồi thiền, hai bình hoa lan trắng để hai bên, thật đơn giản nhưng trang nghiêm và sang trọng.

Bồ đoàn của thầy trụ trì để phía trên, chừa lối đi giữa hai dãy bồ đoàn cho Phật tử ngồi và hai dãy ghế đặt sát vách tường.

Một tiếng chuông đánh lên tất cả đều vào chánh điện, bên nguyên thủy đều mặc đồ trắng, trừ một số mặc áo tràng lam như Phật tử đi chùa Việt Nam và một nhóm người trẻ thì mặc tự do.

Trước khi bắt đầu buổi lễ có một cô cầm micro ra nói 3 thứ tiếng Sri Lanka, Anh và Việt. Cô nói ai không ngồi bồ đoàn được thì lên ghế ngồi, cô sẽ hướng dẫn cách ngồi thiền.

Có ba cách ngồi.

1/ Ngồi trên ghế. Lưng phải thẳng không được dựa vào ghế. Hai chân chắm đất, bàn chân để thẳng không được gập chéo lên nhau, tay để trên đùi hay buông thõng theo thân cũng được.

2/ Ngồi bán già, hai chân xếp bằng lại, một chân để trên một chân để dưới, miễn thấy thoải mái, hai tay để trên đùi, bàn tay mặt để trên bàn tay trái, đầu ngón tay cái đụng nhau.

3/ Ngồi kiết già. Hai chân xếp bằng bắt chéo lên, hai bàn chân để trên đùi, bàn tay mặt để trên bàn tay trái, đầu ngón tay cái đụng nhau.

Tất cả 3 cách ngồi thiền, lưng phải thẳng, mắt nhìn xuống khép lại hai phần, không được nhắm luôn vì coi chừng hôn trầm, thở ra biết mình thở ra, hít vào biết mình hít vào, ngắn dài tùy theo mỗi người, quan trọng là khi vọng niệm khởi lên đừng theo nó, đừng cuốn lên, đừng cố đè nó, đừng hoảng hốt, mà bình tĩnh, nhìn nó, thương nó, ôm ấp nó, theo dõi nó, vọng niệm tự nhiên biến mất, cứ như vậy tự nhìn tâm mình, tự mình làm chủ mình, tâm lúc nào cũng sáng suốt trong lành.

Tất cả ngồi trong im lặng, ai cũng tự theo dõi tâm mình, một niệm khởi lên là biết, mỉm cười nhìn nó.

Một tiếng keng báo giờ ngồi thiền đã hết, theo sự hướng dẫn, tất cả đều xoa đầu, mặt, lưng,

tay, chân, trước khi đứng dậy, tất cả đều lay xuống 3 lay và đi ra.

Tôi khen một bà Phật tử:

- Chị ngồi thiền đẹp quá, lưng thẳng, tôi mới biết ngồi nên nhút nhít hoài.

- Tôi cũng nhờ ông xã chỉ cho. Đây là ông xã tôi, nổi tiếng ngồi thiền đẹp nhất trong tù.

- Ngồi thiền trong tù ?

Ông xã của bà Phật tử cười:

- Dạ, xin chào chị, tôi xin kể chuyện ngồi thiền trong tù cho chị nghe.

- Dạ, xin mời anh. Miệng nói mà đầu óc tôi đang nghĩ, đây là người đàn ông mà thời bây giờ họ gọi là người mẫu, thời xưa thì đẹp như vậy, chỉ có người hùng Không Quân thôi, đầu anh cao trọc nhìn còn trẻ và khỏe lắm, chắc thua tuổi tôi xa vì người vợ cũng trẻ quá.

- Tôi ở tù miền Bắc trước 75, trại chúng tôi được một anh biệt kích dù dạy cách ngồi thiền và nhịn đói để vượt qua những khó khăn. Để giữ vững tâm mình, chúng tôi được dạy cách nói chuyện bằng ra dấu như người câm, trại những người Mỹ và nhiều người đồng minh cách chúng tôi một hành lang nhỏ nhưng 24 trên 24 lúc nào cũng có người canh. Chúng tôi muốn chia sẻ cách ngồi thiền cùng họ, vì hoàn cảnh này chỉ có ngồi thiền mới đưa tâm mình đến chỗ bình yên, không coi trọng những giá trị bên ngoài nữa, tạm ngưng tranh đấu, bình thản, tùy nhân duyên thích hợp hội tụ lại.

Cách tập:

Bên phòng người Việt một người ngồi, một người đứng.

Bên phòng người Mỹ cũng một người ngồi và một người đứng.

Bên Việt người đứng ra dấu dạy cách thức ngồi, mắt, lưng, tay, chân và cách hít thở, cách theo dõi hơi thở, nhìn vọng niệm nổi lên. Và một người ngồi làm mẫu.

Bên phòng Mỹ, người đứng nhận những dấu hiệu, chỉ lại cho người đang ngồi làm theo, đồng thời nhìn người mẫu bên Việt coi mình chỉ lại có đúng không.

Cứ như thế chúng tôi dạy bên trại bạn đồng minh, một tháng sau tất cả những người bạn đã thuần về thiền, tự biết theo dõi vọng niệm, tâm ai cũng bớt đau khổ, chấp nhận hiện tại.

Ngày trước những giờ phải nghe giảng, buổi họp kiểm thảo, lúc chưa biết thiền thì buồn chán như cực hình, nhưng từ khi biết sống chính mình thì những gì xảy ra bên ngoài không còn ảnh hưởng, cả những lời xỉ vả, chửi mắng, nhục mạ, hăm dọa.

Chị biết không khi được trở về đời sống tự do, một số đã chính thức xuất gia, phần đông người Mỹ theo bên phái Tây Tạng vì bên đó biết tiếng Anh.

- Các anh làm cách nào mà tâm yên được mau vậy ?

Thái độ phải ngưng tranh đấu và bình thản, ấy là nhân duyên quan trọng để kết nối với những nhân duyên tốt đẹp khác, đừng nôn nóng mong được thiền giỏi hay thần thông gì cả.

Muốn thành tựu một việc gì phải hội tụ hàng triệu nhân duyên, thiếu một nhân duyên thì không thể thành tựu được.

- Các anh giỏi quá, xin thán phục, đúng là có Phật ở trong tim nên ở trong hoàn cảnh nào cũng tin Phật.

- Vợ tôi chắc tuổi nhỏ hơn chị, tôi có lẽ bằng hay hơn chị.

- Đừng đùa, tôi hơn 75 rồi đó.

- Vậy tôi bằng tuổi chị. Tuần sau chúng ta gặp nhau, hôm nào mời cả gia đình anh chị đến nhà vợ chồng tôi chơi, để tìm lại hơi ấm của tình đồng hương, cũng để các cháu hít thở không khí tươi mát của đồng quê nước Úc.

Ba cõi phù du mây thu bay .

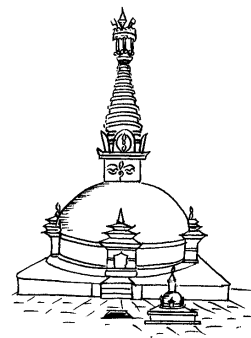
Sinh tử khác nào vũ điệu say

Chúng sinh mạng mỏng như chớp lóe.

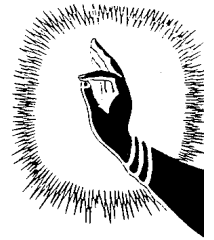
Trôi nhanh như thác đổ non ghềnh.

(Kinh Phổ Diệu)

Báu Trưng



Đời Vẫn Đẹp



Đến giờ hẹn gặp bác sĩ để biết kết quả chụp hình ngực của tôi ra sao? Đang ngồi đợi bên ngoài, cô thư ký vừa bước ra vội ôm chầm lấy tôi và khóc. Dư biết kết quả thế nào rồi nhưng tôi thật bình tĩnh! Cái gì đến sẽ đến! Bác sĩ chuyên khoa là người Ấn, cao lớn, nét mặt thật hiền.

- Cô muốn hỏi gì cứ hỏi, nhưng đừng bao giờ hỏi tôi là cô có chết hay không. Bà ngoại của tôi cũng chết vì bệnh này. Cô hãy nhìn xuống đường, thiên hạ tới lui tấp nập, nhưng trong số họ, biết đâu sẽ có kẻ chẳng về nhà đêm nay.

*

Nhiều lần trong lúc tắm, tôi linh cảm điềm không lành khi sờ lên ngực của mình, vì vậy tôi ra gặp bác sĩ gia đình, xin giấy giới thiệu chụp quang tuyến X. Có vài khối u ác tính lớn hơn 2 cm!!!

Hai giờ chiều lên bàn giải phẫu nằm, đối diện với bác sĩ, chẳng có chút sợ sệt nào nổi dậy trong tôi. 8 giờ tôi tỉnh dậy, căn phòng im lặng ghê người! Nhìn sâu vào nỗi rờn rợn trong tâm, tôi hiểu đây chỉ là ảo tưởng!!! Xin cảm ơn cơn bệnh trầm kha kéo tôi về thực tại! Vẫn căn phòng hiện hữu theo duyên, nó ôm bệnh nhân vào lòng bằng tình yêu và vẻ đẹp, con người nằm nơi đây hoàn toàn tự do chân phúc dù thân thể đón đau theo định luật vô thường. Ngày xưa lúc 16 tuổi đời, tôi đã nhìn ra vô thường trong cuộc sống, nhưng tôi không đủ nghị lực nên cứ bị cuốn hút vào cơn áo gạo tiền, chỉ biết phóng đại hạnh phúc của tha nhân và phóng đại nỗi khổ của bản thân mình. Thức giấc nửa đêm không còn dĩ vãng, Vai gầy thêm theo năm tháng thủy triều. Hồn không buồn, giờ chỉ biết tin yêu. Cười vỡ vụn trên bao nhiêu hư ảo !!! Chiếc giường bên cạnh, một bà già bị mổ ở chân, rên rỉ ú ớ giữa máy móc dây nhợ bao bọc chung quanh. Bà đã làm mất nút bấm cấp cứu nên không thể gọi người tiếp viện. Xin rót tặng đêm nay một vố về xoa dịu, tôi gắng gượng ngồi dậy, ráng hết sức lết khập khiễng ra ngoài đi tìm y tá cho bà. Cô y tá há hốc miệng chạy tới dìu tôi về giường nằm, rồi bác sĩ cùng y tá lẫn xăn kê cận quanh bà. Gần sáng, căn bệnh

tái hoành hành, bà cầu cứu thêm lần nữa, chẳng ai hỏi đáp. Tôi lại động lòng trắc ẩn cố gắng lê nhích từng bước ra ngoài tìm người giúp sức. Trưa hôm sau, hai người con của bà, Hy Lạp, mua hoa tặng tôi và rồi rít cảm ơn.

Bác sĩ hỏi tôi:

- Cô không dùng morphin?

- Tại sao tôi phải dùng khi tôi không bị đau.

Bác sĩ trở mắt nhìn tôi:

- Cô là người đầu tiên không sử dụng morphin trong những ca phẫu thuật như thế này.

*

- Anh à, có cặp vợ chồng vừa mới sanh đứa con gái, đẹp lắm! Anh có muốn xin không? Ba mẹ ở với nhau lâu rồi mà không thể có con. Nên nghe người bạn vừa báo tin, ba liền đến nhà bảo sanh ngay và tặng tiền cho người đàn bà đó để đổi lấy một bé gái sơ sinh, cặp mắt to đen mang nét đẹp của búp bê Đại Hàn. Cuộc đời tôi bắt đầu từ đây.

Một buổi trưa đi shopping, bắt gặp người đàn bà đứng ngay góc phố, lén nhìn tôi triu mến, ánh mắt thật lạ lùng! Nhưng bà vội vã quay đi khi tôi chạm phải tia nhìn của bà. Bất chợt ông bạn của ba tình cờ đi ngang, thấy sự kiện này ông kể tai tôi nói nhỏ:

- Người đàn bà ấy là mẹ ruột của con đó.

Tôi đã bị sốc nặng nè! Thì ra tôi chỉ là đứa con nuôi không phải do mẹ sinh ra. Tôi bước đến đối diện với bà.

- Tại sao sanh con ra rồi bà không nuôi con?

Mặt bà tái nhợt quay đi nói nhỏ:

- Lúc đó ba của con vừa mới mất, anh hai con bị hôn mê vì stroke, mẹ bị khủng hoảng trầm trọng, cha mẹ hiện giờ của con sẽ lo cho con đầy đủ hơn là con ở với mẹ.

Tôi giữ bí mật lần gặp gỡ mẹ ruột mình ngoài shop, không hiểu sao việc này cũng đến tai ba mẹ nuôi. Mẹ nuôi bắt đầu nghi ngờ tôi không thành thật hết lòng với mẹ vì thăm lén liên lạc với mẹ ruột của tôi bên ngoài.

Ai nhấn đầu tôi trong dòng sông đen đặc quánh, tận cùng tâm khảm là bóng tối cùng nỗi

niềm héo hon thân phận. Một con đường hiu quạnh lẻ loi, chỉ riêng tôi độc gót.

*Tôi trở về xoa tóc để tang,
Cho vết theo trần gian chưa cắt chỉ.
Tôi giấu tận đáy tim mình rất kỹ,
Bao tháng năm máu vẫn rỉ không lành.*

Vì muốn chỉ có mẹ nuôi là duy nhất trong trái tim tôi, nên mẹ nuôi trở nên cau có gắt gỏng mỗi lần tôi về nhà muộn, dù thật sự tôi rất bận làm thêm giờ ở công ty, biết bao việc phải giải quyết cho khách hàng quá sức đa đoan. Mẹ đem người cháu ruột của mẹ về ở chung là Ngọc. Nhìn thái độ lạnh như tiền của mẹ, bức tường thành kiên cố đã dựng lên, tôi gục ngã bên này bờ vô vọng. Tôi đã buông tay vì biết mình không thể nào có được tình thương của mẹ nuôi như ngày xưa nữa. Tôi hiểu khi còn tranh giành hạnh phúc, xử sự theo tư kiến lấy thước đo vừa lòng hoặc trái ý làm tiêu chuẩn, là tôi đã chết trong tù ngục của chính mình.

Lập gia đình xong, tôi dọn ra ngoài ở riêng và hôm nay trở về thăm ba mẹ nuôi. Bà con họ hàng và Ngọc đang quây quần vây quanh mẹ. Cả nhà lao xao thăm thỉ với nhau điều gì đó, mẹ chạy vào bồn tắm đóng cửa lại. Tôi nghe tiếng mẹ ới từng cơn, xong Ngọc dìu mẹ vào giường. Nóng lòng muốn biết sức khỏe mẹ ra sao nhưng tôi hỏi thì ba mẹ và Ngọc lặng im.

Hiểu sức khỏe mẹ không tốt, nên tôi về thăm mẹ thường hơn dù mẹ chẳng đoái hoài đến tôi. Cả nhà đi vắng, chỉ có mẹ ở nhà, dường như cỗ họng mẹ không ồn, mẹ chạy nhanh vào phòng tắm. Đứng bên ngoài, tôi nghe mẹ nôn mửa liên hồi. Tông cửa bước vội vào, tôi ôm mẹ khóc, vì máu đỏ tươi còn đọng dưới kia. Mẹ vụt ra khỏi tay tôi, im lặng đi vào phòng nằm nghỉ. Đợi ba về, tôi mới biết mẹ bị ung thư cuồng họng vào giai đoạn cuối. Sau đám tang mẹ, ba cứ sống với kỷ niệm dấu yêu của người vợ vừa qua đời nên ba bị trăm cảm nặng nề. Chồng tôi đến thăm ba, kêu cửa hoài nhưng không nghe động tĩnh. Anh tông cửa vào xem xét. Trên nền gạch, ba đang nằm bất động. Ambulance chở ba nhập viện.

Ba thêm thiếp trên giường, hơi thở đứt quãng từng hồi. Tôi ngồi trên ghế, nhìn ba

nằm im lìm nơi đó, cổ dần lòng nuốt ngược nước mắt vào trong. Bác sĩ đã giải phẫu vá bao tử của ba lại thành một đường dài. Ban đêm xuống giường tự vào toilet, ba bị té nên vết thương vỡ ra lần nữa. Với số tuổi 84, sức khỏe không còn đủ để chịu đựng cho lần giải phẫu tiếp theo, nên hội đồng bác sĩ quyết định cho ba nằm chờ chết.

Vang vọng tiếng của Ngọc ngoài kia, tôi vội vàng lau khô dòng lệ, sửa lại tư thế ngồi.

- Úa, Thy cũng tới đây hả?

Nói xong, Ngọc nhìn tôi soi mói rồi bí mật xì xầm với người bạn, tôi hiểu họ đang bàn tán về thần thái khác lạ của tôi.

- Thy, có bị bệnh gì không? Sao gương mặt Thy trông khác thường quá vậy?

Tôi không buồn trả lời Ngọc, chỉ mỉm cười.

Thật ra, tôi cũng dờ sống dờ chết với căn bệnh ung thư quái ác trong thời gian hóa trị, bây giờ đang xạ trị, nhưng tôi không muốn cho Ngọc hay.

Hôm sau tôi đến thăm ba sớm hơn, ngồi bên giường nhìn rõ nét mặt an lành thật hiền của ba, tôi rất vui vì tôi hiểu ba đã xả bỏ tất cả cay đắng của cuộc đời. Có cảm giác nào ớn lạnh lan dọc theo xương sống tôi khi quay lại thấy ba từ từ nhắm mắt, chạy ra ngoài tôi kêu cấp cứu, bác sĩ tuyên bố ba đã tắt thở rồi.

Con trở về nhìn ba đi vội vã!

Cuộc đời con giờ tở tả sang trang!

Trái tim con vẫn mãi điều tàn!

Bay theo gió nhuộm hoàng hôn đỏ máu!

Quá bất ngờ! Giông bão cuộc đời dập vùi tôi thêm một lần dẫy chết! Ngọc bắt đầu để lộ quyền uy áp chế. Tang lễ của ba phải để Ngọc tự do sắp xếp, không ai được xen ý vào. Tôi không buồn Ngọc, vì tôi hiểu ai cũng mang trong mình cái Ta rất lớn, là một bài học cho tôi nhìn lại chính mình để biết thông cảm bao dung.

Sau đó, luật sư đến đọc di chúc để phân chia tài sản: Căn nhà và tiền bạc của ba mẹ nuôi hoàn toàn để hết lại cho Ngọc. Tôi không được gì cả! Tuy giấy tờ rất hợp lệ tôi là con của ba mẹ, nhưng tôi không buồn khi mình chẳng có phước phần về tài vật. Với tôi, Ngọc đã thay thế tôi an ủi mang tình thương lấp tràn tim mẹ,

bấy nhiêu đó cũng quá đủ cho Ngọc có được phần thưởng gia tài.

Bây giờ tôi mới ngộ ra tác động nào làm cho tôi tăng thêm lòng tham, giận, ích kỷ, dù nó đem lại lợi lộc hạnh phúc giữa trần gian, vẫn là duyên nghịch của tôi. Chỉ có một nội tâm vững vàng không lay động trước biến đổi thuận nghịch của đời, mới là nguồn hạnh phúc dâng tràn bất tuyệt bên trong.

Còn lại đây tấm thân xác xơ tàn tạ, tôi không muốn cho ai hay biết. Những hình ảnh vôi bạc phủ phàng của quá khứ hiện về pha lẫn với hiện tại là hoang tàn phế tích, bao nhiêu năm nếm mật nằm gai, một cuộc sống dật dờ cõi tạm, thể thái nhân tình vui đây tủi hận, dù hiểu mỗi cái bất như ý là tôi đang học bài cảnh tỉnh, thỏa mãn chỉ là niềm vui hời hợt, là ảo tưởng giữa cuộc đời.

Biết bao nghiệt ngã lao đao giữa lằn ranh sống chết, tôi chưa hề đầu hàng nghiệp mệnh. Trái với cơn đau thể xác, tinh thần tôi lại rất vững vàng. Đã mang thân phận con người, đón đau thể xác là việc đương nhiên, không ai có thể cầu toàn. Những lần bác sĩ đến theo dõi tình trạng của tôi, trên môi tôi luôn nở nụ cười, tôi

còn an ủi sẻ chia kinh nghiệm của bệnh ung thư cùng người đồng cảnh ngộ.

Nằm trên giường nhìn ra cửa sổ giữa buổi trưa hè biêng biếc nắng, mây nhẹ bay theo chiều gió thênh thang, thoang thoang hương nồng nàn của hoa sứ phát phơ lay động, tôi thường thức hạnh phúc ngọt ngào như đàn chim trời vỗ cánh đang rộn rã khúc giao hưởng bạt ngàn. Lần đầu trong đời, tôi hiểu được tình yêu thật sự khi nhớ về cách đối xử của bác sĩ với bệnh nhân. Một loại tình yêu đẹp nhất trên đời không dành riêng cho bất cứ đối tượng nào. Vì tình yêu có đối tượng thì sớm muộn gì cũng khổ đau phiền muộn. Trực diện trước bao nhiêu căn bệnh chực chờ về cõi chết, chỉ còn lại sự bình an trong tâm chứ không bao giờ có sự an bình vĩnh viễn cho thân. Tình yêu thương thật sự thì bao la vô tận, như hôm nào, tôi ngồi một mình lắng nghe tiếng mưa trên mái ngói, mưa rì rào trên cây lá ngoài sân với trái tim nồng ấm thênh thang, chỉ còn tình yêu trong vẻ đẹp muôn màu, không còn ranh giới giữa ta và người trong thế gian tịch tịnh.

Viên Hương

GIA CHÁNH

Thiên Thanh Tịnh Hạnh

(*Khô qua hầm*)



Tâm Hòa soạn

1. Vật liệu:

- 1kg khô qua chọn loại vừa
- 6 tai nấm mèo
- ½ cây tỏi tây
- 4 miếng đậu hũ non
- 10g bún tàu
- Tiêu, muối, đường, bột ngọt, dầu ăn, ngò.



* Chế biến

- Trộn chung tất cả hỗn hợp trên nêm vừa ăn, dồn nhân vào trái khô qua. Chảo nóng cho ½ chén dầu, cho khô qua vào chiên sơ.
- Nước sôi cho khô qua vào hầm (nước dùng cho thêm củ cải trắng và cà rốt vào nấu cho ngọt) khi khô qua mềm nêm lại vừa ăn, nhắc xuống.

2. Cách làm:

* Chuẩn bị

- Khô qua: rửa sạch, dùng dao rạch một đường, bỏ hạt.
- Đậu hũ non: rửa sạch, vắt ráo, quét nhuyễn
- Nấm mèo: ngâm nước, gọt chân nấm cắt sợi nhỏ.
- Bún tàu: ngâm nước cắt khúc ngắn
- Tỏi tây băm nhỏ.

3. Trình bày

Cho canh ra tô, rắc thêm tiêu, ngò. Dùng chung với cơm.



Một Món Quà Lớn



Xã hội dù văn minh tiên bộ đến đâu, cũng không có một cuộc sống an bình nội tại. Thật vậy, hiện chúng ta đang sống trong một xã hội văn minh cơ khí tối tân, những phát minh về kỹ thuật máy móc, điện toán đang trên đà phát triển vùn vụt mỗi ngày. Thế giới đã và đang quá thiên trọng về vật chất. Các nhà khoa học ngày đêm miệt mài khám phá những điều mới lạ như quên hẳn thế giới bên ngoài. Họ dồn hết mọi nỗ lực tinh thần cho những sự tìm tòi phát minh của họ. Sự phát minh đó cũng chỉ nhằm một mục đích duy nhất là cung ứng những nhu cầu cho đời sống vật chất của nhơn loại.

Loài người hôm nay có được cuộc sống tương đối khá đầy đủ những tiện nghi vật chất thoải mái, phần lớn đều nhờ sự phát minh cung ứng của họ. Đó là điều mà cả nhơn loại đều cảm phục và mang ơn họ. Tuy nhiên, những tiện nghi vật chất máy móc mà họ đã tạo ra, chúng là con dao hai lưỡi. Sự lợi hại của chúng là tùy theo trình độ nhận thức của người sử dụng. Chính vì nhơn loại quá chú trọng về đời sống vật chất nên họ đã xao lãng thờ ơ đến đời sống tinh thần. Nói rõ hơn là đời sống tâm linh đạo đức.

Nhìn chung ở các nước Tây phương, dường như họ không mấy quan tâm đến việc giáo dục đạo đức nhân bản. Quan niệm đạo đức của họ, như một cái gì trừu tượng, phó mặc cho tôn giáo. Từ quan niệm lệch lạc đó, nên nền căn bản giáo dục của họ không đặt nặng coi trọng vấn đề giáo dục đạo đức trong nhà trường. Thử hỏi một đời sống chỉ biết chạy đua theo nhu cầu vật chất ăn, mặc, ở cho thỏa mãn dục vọng không thôi, thì trách gì xã hội không nổi loạn! Sự sống của con người đâu phải chỉ có vật chất không thôi. Nếu thế, thì còn gì là ý nghĩa của sự sống? Con người là một tổng hợp của hai nhân tố: tinh thần và vật chất cấu tạo. Nếu chúng ta chỉ biết cắm đầu lo bươi chày tìm kiếm vật chất để cung phụng cho nhu cầu xác thân, thì còn gì là giá trị của sự sống?

Có đôi lúc, chúng ta nói sống, nhưng bắt chợt có người hỏi sống là gì? thì chúng ta đâm ra lúng túng ngay. Không biết phải trả lời sao cho đúng. Chẳng lẽ, sống chỉ là một sự sinh hoạt của thể chất: ăn nhậu, chơi bời, hút sách, ngủ nghỉ, hưởng thụ vật chất cho phủ phê phờ phớn v.v... thế là sống. Nếu sống chỉ có thế, thì con người có khác gì cái

máy. Nhưng chúng ta tự hỏi, cái gì biết lo cho đời sống? Và cái gì chủ động điều khiển cái xác thân này? Cái gì biết toan tính giàu nghèo, biết hưởng thụ v.v... Cái gì đó, hẳn ai cũng nói đó là tinh thần hay tư tưởng của chúng ta.

Vậy thì cái gì biết cảm nhận sướng khổ? Rõ ràng hạnh phúc hay khổ đau, không phải do thân xác chúng ta cảm nhận, mà là do tâm thức của chúng ta. Cơ thể con người chỉ là một bộ máy, giống như một chiếc xe hơi. Tài xế dụ như là tâm thức. Chiếc xe dù có đầy đủ bộ phận máy móc tốt, nhưng nếu thiếu anh tài xế điều khiển, thì chiếc xe đó cũng không thể nào chạy được. Như vậy, rõ ràng tài xế là người điều khiển chiếc xe, chứ chiếc xe không bao giờ điều khiển anh tài xế. Giả như chiếc xe bị hư, thì cái gì đau khổ? Xe đau khổ hay anh tài xế đau khổ? Lẽ dĩ nhiên là anh tài xế đau khổ. Tại sao anh đau khổ? Tại vì anh chấp chặt cho chiếc xe là của anh. Mất xe là mất anh. Cũng thế, sở dĩ chúng ta đau khổ là vì chúng ta quá coi nặng cái thân này. Vì quá coi nặng nó, nên chúng ta tìm đủ mọi phương cách để nuông chiều cung phụng cho nó.

Như vậy, thì cái gì quan trọng? Cái gì chánh? Cái gì phụ? Ai cũng công nhận tinh thần là quan trọng. Biết nó là phần chủ yếu quan trọng, thì tại sao chúng ta lại bỏ nó như con ma đói? Nó cũng cần món ăn như cơ thể cần vật chất. Nhu cầu ăn hay những thứ cho cơ thể hưởng thụ, người có ý thức biết lựa chọn cho nó thích hợp. Do khéo lựa chọn thích hợp và điều dưỡng, nên cơ thể tương đối sẽ được khỏe mạnh. Cũng vậy, món ăn tinh thần, cũng cần phải có sự lựa chọn thích hợp lành mạnh.

Trong nhà Phật có nêu ra bốn loại thực: Đoàn thực, xúc thực, thức thực, và tư niệm thực. Đoàn thực là chúng ta đưa vào miệng những thức ăn thông thường trong đời sống hằng ngày như: cơm, bánh mì, trái cây v.v... Xúc thực, chữ thực ở đây không có nghĩa là chúng ta ăn như đoàn thực nữa. Chữ thực ở đây nghĩa nó rất rộng, ăn qua lĩnh vực tinh thần, chứ không phải vật chất. Xúc thực là chúng ta ăn khi chúng ta tiếp xúc với mọi cảnh vật chung quanh. Cái ăn này qua sự cảm thọ của sáu căn. Như khi chúng ta xem phim, thì những hình ảnh động tác trong phim gây cho chúng ta có những cảm xúc buồn, vui, giận, ghét, thương mến v.v... đó gọi là xúc thực.

Thức thực là chúng ta ăn qua sự nhận thức phân biệt. Phân biệt xấu, tốt, ngon, dở, chánh, tà, chân, giả v.v... đó là ta đang ăn qua thức thực. Cái gì thuận với ý thức ta thì ta vui, ngược lại thì ta buồn. Đó là sự vui buồn của tâm thức. Tư niệm thực là ta ăn qua sự suy nghĩ tưởng tượng một điều gì đó đã qua. Đây là ta ăn qua hình ảnh "đói chất cảnh". Cái ăn này cũng gây cho chúng ta luôn bất an trong tâm thức. Qua bốn loại thức ăn này, thức ăn nào cũng đòi hỏi chúng ta phải biết cách tiêu thụ cho đúng pháp. Hằng ngày chúng ta bị đau khổ là vì chúng ta không biết cách tiêu thụ thức ăn. Dù đó là thức ăn vật chất hay thức ăn tinh thần. Tất cả đều đòi hỏi chúng ta phải có ý thức sáng suốt trong khi tiêu thụ. Như tuổi trẻ ăn qua những loại phim ảnh đồi trụy, khiêu dâm, gây kích thích tình dục, hay phim ảnh bạo động v.v... thì quả đó là những thứ xúc thực rất nguy hiểm. Cũng như chúng ta cho lỗ tai ăn bao thứ chuyện thị phi tạp nhạp bù khú ở thế gian, thì những món ăn đó chỉ có tác hại thêm, chớ không có đem lại sự lợi lạc nào cho tinh thần cả. Người khéo biết nuôi dưỡng tinh thần, thì họ rất thận trọng trong việc chọn lựa thức ăn. Họ chỉ chọn lựa những thức ăn nào mà họ cảm thấy thích hợp cho thể chất và tinh thần của họ luôn được khỏe mạnh tốt đẹp. Cả nhơn loại ai nấy đều quan tâm đến sự chọn lựa thanh lọc cho thức ăn tinh thần như thế, thì lo gì đời sống giữa vật chất và tinh thần không được quân bình. Một đời sống quân bình là đời sống không nổi loạn và tất nhiên, xã hội sẽ được an ổn.

Theo chỗ chúng tôi được biết, đại đa số thanh thiếu niên nam nữ ở các nước Đông và Tây phương hiện nay, họ không cần cha mẹ của họ tặng cho họ những điều gì quý giá bằng vật chất, mà họ chỉ cần có một mái ấm hạnh phúc gia đình, chính cha mẹ họ ban cho. Đó là "**Một món quà lớn nhất**" trong đời họ. Tại sao họ nói lên một ước vọng như thế? Là vì họ luôn bị hụt hẫng chơi vơi, bởi những áp lực đè nặng từ trong gia đình cho đến ngoài xã hội. Các em bỏ nhà ra đi sống lang thang bụi đời, phần lớn là vì các em không cảm nhận được hạnh phúc trong gia đình. Gia đình thường xuyên xảy ra cảnh cãi vã bạo động liên miên, chúng không thể nào chịu nổi cái khổ cảnh đó, nên chúng chỉ có nước là phải bỏ nhà ra đi mà thôi. Từ đó, gây ra bao nhiêu thứ tệ hại khác làm cho xã hội mang thêm nhiều gánh nặng. Chính bản thân họ đã đau khổ và gây thêm cho mọi người khác cũng đau khổ lây vì họ. Nếu chúng ta nhìn họ bằng tuệ giác của đạo

Phật, thì chúng ta mới có hiểu và thương họ. Từ sự hiểu và thương cảm thông đó, các bậc phụ huynh làm cha mẹ, nên điều chỉnh lại cuộc sống. Và mỗi người cố gắng xây dựng lại hạnh phúc gia đình trong sự yêu thương bằng chất liệu cảm thông qua cửa ngõ đạo đức. Thiếu chất liệu đạo đức làm căn bản cho sự sống, thì tình người, nhưt là trong tình nghĩa vợ chồng con cái khó có thể được hạnh phúc. Vì cọng nghiệp hạnh phúc mà mỗi người nên hy sinh bỏ bớt những cái biệt nghiệp không hay, không tốt, như nóng nảy, ganh ghét, thù hận, bực tức v.v... cùng nhau tương thông tương cảm yêu thương giữ hòa khí trong gia đình. Nếu không được như thế, thì gia đình khó đảm bảo được hạnh phúc và mái ấm gia đình sẽ bị tan nát đổ vỡ ngay. Con cái là một hệ quả chúng phải gánh chịu cái cảnh chia ly khổ lụy này. Câu nói: "*mua một căn nhà thì dễ, nhưng không dễ gì mua được mái ấm hạnh phúc. Nói cách khác, xây dựng nên căn nhà thì dễ, nhưng xây dựng một tổ ấm hạnh phúc gia đình không phải là chuyện dễ dàng*". Cái không dễ dàng mà ta cố gắng tạo ra được, thì cái đó mới thật sự là quý giá. Còn dễ quá thì ai cũng có thể làm được, thế thì còn gì là giá trị nữa đâu!

Mong sao mỗi người nên nhìn lại tận tường ở nơi mình, dẹp tan những thành kiến cá tính bất đồng, để thiết lập lại nhịp cầu cảm thông hiểu và thương nhau hơn. Vì cuộc đời chỉ là một quán trọ cho chúng ta tạm thời dừng chân, rồi mỗi người cũng phải từ giã cái quán trọ mà ra đi. Không có ai vĩnh viễn ở mãi trong quán trọ đó để rồi tranh giành hơn thua cấu xé tàn hại với nhau.

Đời vốn dĩ đã đau khổ quá nhiều rồi, chúng ta nên góp phần làm cho cuộc đời này bớt đi đau khổ và trước mắt là con em chúng ta có nhiều niềm vui hơn trong cuộc sống. Vì khi chúng nó trưởng thành, chúng sẽ nhìn lại với một tâm tư mang nặng nỗi lòng hoài vọng trù mên thương tiếc một mái ấm gia đình tràn đầy hạnh phúc, mà chính do cha mẹ của chúng đã dày công tạo dựng. Sự nuôi tiếc đó, sẽ là một chất liệu nuôi dưỡng để tạo thành một tương lai tươi sáng cho cuộc đời của chúng sau này. Đó là một thâm ân và cũng là "**Một Món Quà**" vô giá to lớn nhưt trong cuộc đời của chúng. Xin các bậc làm cha mẹ hãy tặng cho chúng một món quà lớn nhưt và có một giá trị vô cùng lớn lao đó.

Giác Thiện



Tường Trình Khóa Tu Xuất Gia Ngắn Hạn



Mùa hạ của nước Úc vào cuối tháng 12, năm 2017, thời tiết Melbourne thay đổi lạnh, nóng bất thường. Tuy nhiên, sự thay đổi của vũ trụ không làm nản lòng những người con Phật. Năm nay, lần đầu tiên Giáo Hội Phật Giáo Thống Nhất Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan, phối hợp cùng tổ đình Phước Huệ, Sydney và chùa Quang Minh, Melbourne tổ chức khóa tu tập hạnh xuất gia ba tuần.

Khóa tu tập hạnh xuất gia khởi đầu vào năm 1994 tại tổ đình Phước Huệ với 17 tu sinh. Đó là do lòng từ bi của cố Đại Lão Hòa Thượng thượng Phước hạ Huệ muốn tạo điều kiện cho hàng Phật tử tu tập và sống đời sống xuất gia gieo trồng cội phước và chủng tử cho đời sau. Sau khóa tu đầu tiên này, có hơn phân nửa tu sinh phát nguyện trọn đời sống đời tu sĩ. Tính từ đó đến nay, đây là khóa tu lần thứ 25 và là khóa tu đầu tiên của Giáo Hội tiếp tục con đường hoằng pháp của cố đại lão Hòa Thượng. Nhờ những khóa tu này, ngày nay chúng ta có một tăng đoàn điều hành giáo hội và hướng dẫn Phật tử tu tập.

Khóa tu kéo dài ba tuần, bắt đầu vào ngày thứ bảy, 30 tháng 12 năm 2017 và sẽ chấm dứt vào ngày thứ bảy, 20 tháng 1 năm 2018. Từ sáng sớm giới tử đã tụ hội về chùa Quang Minh, Melbourne, người nào cũng trang nghiêm, thành kính, mặt rạng rỡ chuẩn bị cho khóa tu sắp tới. Khóa tu lần này, tu sinh có rất nhiều phước báu được đầy đủ tam sư, thất chứng và thầy dẫn lễ đăng đàn truyền giới cho các giới tử.

1. Hòa Thượng Đàn Đầu: Hòa Thượng Thích Quảng Bình đến từ Đan Mạch.
2. Yết Ma A Xà Lê: Thượng Tọa Thích Thiện Tâm, trụ trì chùa Hoa Nghiêm, Melbourne.
3. Giáo thọ A Xà Lê: Thượng Tọa Thích An Chí, đến từ Na Uy.

Bảy vị tôn chứng tăng già theo thứ tự như sau:

1. Thượng Tọa Thích Phước Tấn, trụ trì tổ đình Phước Huệ, Sydney và chùa Quang Minh, Melbourne
2. Thượng Tọa Thích Phước Hựu, trụ trì tu viện Phước Huệ
3. Đại Đức Thích Phước Thái, trụ trì tu viện Pháp Lạc, Melbourne
4. Đại Đức Thích Phước Thiên, chùa Quang Minh, Melbourne
5. Đại Đức Thích Chơn Phong, trụ trì chùa Hiền Quang, Melbourne
6. Đại Đức Thích Phước Nghĩa, Melbourne
7. Đại Đức Thích Phước Nguyễn, tịnh thất Chánh Giác, Melbourne.

Ngoài việc tam sư thất chứng, còn có Thầy giám luật Đại Đức Thích Phước Thái, trụ trì tu viện Pháp Lạc, Melbourne và thầy điển lễ Đại Đức Thích Phước Viên, phó trụ trì tổ đình Phước Huệ, Sydney. Khóa tu còn được một ban giảng huấn đầy đủ Tăng, Ni gồm có: Hòa Thượng Thích Quảng Bình, Thượng Tọa Thích Thiện Tâm, Thượng Tọa Thích An Chí, Thượng Tọa Thích Phước Tấn, Thượng Tọa Thích Phước Hựu, Đại Đức Thích Phước Thái, Sư Cô Thích Phước Hỷ, Sư Cô Thích Phước Huyền.

Ngoài những vị giáo thọ trong ban giảng huấn, còn có sự hiện diện của Đại Đức Thích Phước Thiên, Đại Đức Thích Chơn Phong, Đại Đức Thích Phước Nghĩa, Đại Đức Thích Phước Nguyễn, Sư Cô Thích Phước Liễu trưởng ban tri chung, chú Sa Di Vạn Định, hướng dẫn chủ lễ các thời kinh Tịnh Độ, Mông Sơn, thức chúng theo thời khóa tu tập.

Chương trình tu học như sau:

- | | |
|-------|--------------------------------------|
| 5:00 | Công phu khuya |
| 6:45 | Tập thể dục |
| 7:30 | Tảo thực |
| 8:00 | Chấp tác |
| 9:00 | Khóa lễ Tịnh độ và cúng ngọ |
| 11:00 | Cúng quá đường – Kinh hành niệm Phật |

13:00	Chi Tịnh
14:30	Học giáo lý
16:30	Cúng Mông Sơn thí thực
17:00	Dược thạch
18:30	Khóa lễ Tịnh độ
20:00	Học giáo lý
20:30	Chi tịnh

Chương trình khóa tu bắt đầu bằng buổi họp chúng phân công tác vào lúc 9 giờ sáng. Tiếp theo là lễ thể phát dưới sự hiện diện chứng minh của Hòa Thượng Thích Nhật Thiện. Cuối cùng là lễ truyền giới sa di vào buổi tối cùng ngày với sự chứng minh và hướng dẫn của tam sư thất chúng. Theo danh sách ghi tên tham dự khóa tu, có 36 tu sinh chính thức cáo túc xuất gia, đấp y vàng gồm 11 nam và 25 nữ. Tu sinh dự thính 25 vị đấp y nâu gồm có 3 nam và 22 nữ. Tổng số là 61 tu sinh. Ngoài số tu sinh kể trên, còn có một số vị tùy chúng tu học. Số lượng tu sinh tùy chúng tu học thay đổi mỗi tuần, nhất là những ngày cuối tuần có nhiều vị nhập chúng tu. Cuối khóa tu, số tu sinh cáo túc tập hạnh xuất gia không thay đổi, số tu sinh dự thính đấp y nâu giảm bớt vì có một số vị trở lại việc làm. Vì tuổi tác khác biệt, tu sinh được chia làm hai nhóm: nhóm người lớn tuổi và nhóm các em trẻ tuổi từ 11 đến 24 do Sư Cô Phước Hỷ, Sư Cô Phước Huyền và chú Sa Di Vạn Định hướng dẫn bằng hai ngôn ngữ Việt, Anh.

Chương trình giảng dạy tu học Phật pháp năm nay gồm nhiều đề tài khác nhau, từ căn bản Phật pháp cho đến pháp học, pháp hành. Chúng con xin tóm tắt các điểm chính như sau:

Hòa Thượng Thích Quảng Bình dạy “Pháp Hành Đưa Đến Giải Thoát”. Tu là chuyển hóa, là tha thứ và bao dung, là con đường của từ bi và trí tuệ. Sống có ý thức, hiện pháp lạc trú, quán chiếu sâu vào vấn đề, chuyển hóa hoàn cảnh để có được hạnh phúc. Hòa Thượng nhắc nhở tu sinh nhớ giữ câu “Duy Tuệ Thị Nghiệp” làm hành trang trong việc tu tập.

- Thượng Tọa Thích Thiện Tâm phân tích và giảng dạy “Năm Yếu Tố Căn Bản Của Đạo Phật” gồm có nhân bản, bình đẳng, từ bi, trí tuệ và vô ngã. Đạo Phật lấy con người làm gốc, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Năm giới cấm là nhân tố của hòa bình. Lòng từ bi thể hiện qua đời sống của Phật, của tăng đoàn và của Phật tử. Trí tuệ là cha của các hạnh lành.

- Thượng Tọa Thích Phước Tấn nhắc nhở tu sinh “Nuôi Dưỡng Tâm Từ Bi” từ lúc vừa thức dậy đến lúc đi ngủ nhớ đến 54 bài kệ trong Tỳ Ni Nhật Dụng giúp chúng ta đưa tâm quán đến chúng sanh để phát triển tâm từ. Trong mỗi việc làm đều nghĩ đến chúng sinh và vì chúng sinh mà phát nguyện. Thượng Tọa dạy phải thường xuyên quán xét tâm mình, nhận rõ tập khí của mình, đối diện với những phiền não của mình để quán chiếu tu tập. Chúng ta tu lòng từ, dùng hạnh từ để chiến thắng chính mình.

- Đại Đức Thích Phước Hựu dạy về “Học Hạnh Xuất Gia”, “Những Con Đường Đi Vào Đạo Phật”. Đại Đức phân tích các loại xuất gia, đời sống, sự an toàn và lợi ích của người xuất gia. Đại Đức chỉ ra bốn con đường từ Giáo, Luật, Thiền và Tịnh đi vào Phật đạo. Đại Đức giảng giải các phương cách niệm Phật và ba tư lương: tín, nguyện, hạnh .

- Thượng Tọa Thích An Chí với chủ đề “Phát Bồ Đề Tâm Nguyện” được trích từ tác phẩm Nhập Bồ Tát Hạnh của Bồ Tát Tịch Thiên. Nội dung chính yếu là trong tất cả hành động đi, đứng, nằm, ngồi và mọi việc làm dù đời hay đạo, cũng bằng tâm nguyện Bồ Đề. Thí dụ như khi rửa tay, thì thâm đọc bài kệ Bồ Đề Tâm như sau: “Lấy nước rửa tay, cầu cho chúng sanh được tay thanh tịnh, giữ lấy Phật Pháp”..... , như vậy tất cả hành động từ khi thức dậy cho đến khi đi ngủ, đều đọc bài kệ Phát Bồ Đề Tâm. Trong Kinh Hoa Nghiêm có dạy: “Vong thất Bồ Đề Tâm, tu chư thiện pháp thị danh ma nghiệp”, có nghĩa là “Nếu quên mất Tâm Bồ Đề, mà tu tập tất cả thiện pháp cũng chỉ là ma nghiệp (nghiệp của sanh tử luân hồi hữu lậu)”. Bồ Đề Tâm là tâm nguyện trên cầu Phật trí, dưới nguyện độ sanh. Như ngài A Nan phát nguyện: “Như nhất chúng sanh vị thành Phật, chung bất ư thử thủ Nê-hoàn”. Tóm lại, Thượng Tọa khuyến tất cả tu sinh đã có

duyên phước tu học Phật Pháp Đại Thừa, thì hãy nên tiến thêm một bước nữa là huân tập Bồ Đề Tâm.

- Đại Đức Thích Phước Thái giảng về “Niềm An Lạc Chân Thật” qua bài: “*Chư hạnh vô thường. Thị sinh diệt pháp. Sinh diệt diệt dĩ. Tịch diệt vi lạc*”, trích trong Kinh Niết Bàn quyển 4. Tất cả mọi hiện tượng trên thế gian đều là vô thường. Đó là pháp sinh diệt. Khi sự sinh diệt không còn. Trạng thái tịch diệt là niềm an lạc chân thật.
- Hiện tượng thì có sinh có diệt, bản thể thì không sinh, không diệt. Đại Đức giải thích từ hiện tượng thấy được bản thể, từ tướng của sóng thấy được bản thể của nước thì ta được an lạc chân thật.
- Đại Đức còn dạy chủ đề “Chỉ và Quán”. Đại Đức nhắc tu sinh giữ chánh niệm, luôn luôn quán sát để thấy rõ dòng tâm thức của mình. Thân và tâm phải cùng có mặt- bây giờ và ở đây.
- Sư Cô Phước Hỷ giảng bài “Kinh Người Biết Sống Một Mình”, trong Kinh Tập A Hàm. Không tìm về quá khứ, không tưởng đến tương lai, sống trong hiện tại, an trú vững chãi đêm ngày trong chánh niệm. Được như vậy, dù là sống trong một tập thể đông đảo chúng ta vẫn có được sự an lạc, đó là người biết sống một mình.
- Sư Cô Phước Huyền chia sẻ đề tài “Lợi ích của việc gìn giữ và thọ trì thập giới sa di, hạt giống để bước vào dòng Thánh”. Sư cô dẫn bản kinh: “Kinh Người Cày Ruộng”, trong Tiểu Bộ Kinh và kể nhiều câu chuyện trong kinh để làm sáng tỏ ý muốn trình bày.

Ngoài những bài giảng dạy của các Thượng Tọa, Đại Đức giáo thọ, chương trình học còn có ba buổi Phật pháp vấn đáp. Buổi đầu tiên do Thượng Tọa Thích An Chí và Thượng Tọa Thích Phước Tấn chủ trì. Buổi thứ hai do Thượng Tọa Thích Thiện Tâm và Đại Đức Thích Phước Thái chủ trì. Buổi thứ ba do Thượng Tọa Thích Thiện Tâm, Thượng Tọa Thích An Chí và Đại Đức Thích Phước Thái chủ trì.

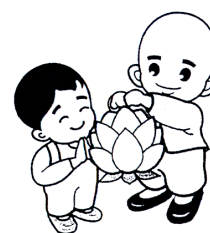
Các câu hỏi do các tu sinh hỏi liên quan đến nhiều lãnh vực từ Phật học đến xã hội và các thầy giáo thọ thay nhau giải đáp. Có một số câu hỏi, tu sinh được các thầy giáo thọ khuyến khích đóng góp ý kiến, trình bày kiến giải.

Trong những ngày tập tu, nhân ngày vía đức Phật A Di Đà, Đại Đức Giám luật tổ chức một đêm lễ Hoa Đăng và một đêm Thắp Nén Niệm Phật. Mỗi tu sinh kính cẩn cầm một đóa hoa sen có thắp nến bên trong, kinh hành niệm Phật vang vang trong chánh điện và trên đường từ chánh điện đến tượng đức Bồ Tát Quán Thế Âm lộ thiên. Buổi sáng lễ vía A Di Đà, đại chúng lay tứ ân và hồng danh đức Phật A Di Đà. Thầy còn hướng dẫn tu sinh hát những bài ca nhạc đạo do Thầy sáng tác nhằm tạo không khí vui tươi cho tu sinh.

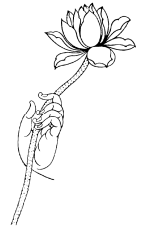
Ngoài các thời tụng kinh và những buổi học, tu sinh còn được một ngày sinh hoạt ngoài trời do Đại Đức Thích Phước Thái tổ chức và hướng dẫn. Một chiếc xe buýt do Thượng Tọa Trụ Trì chùa Quang Minh cho sử dụng chở tất cả tu sinh đến Emerald Lake Park. Có rất nhiều câu hỏi do Đại Đức Thích Phước Thái đặt ra liên quan đến lịch sử Phật giáo và kiến thức tổng quát. Qua đó tu sinh học được thêm rất nhiều, một cách thay đổi phương pháp học. Trò chơi “Tìm Phật” được Đại Đức hướng dẫn rất vui. Sau buổi sinh hoạt ngoài trời, buổi chiều tu sinh được Thượng Tọa Thích Thiện Tâm đãi ăn tại nhà hàng Hoa Nghiêm với sáu món ăn chay rất ngon và chè đậu trắng miệng.

Tổng kết ba tuần lễ tu tập, nhìn chung mọi tu sinh đều có sự cố gắng thúc liễm thân tâm, theo đúng các thời khóa và thanh quy của khóa tu. Mặc dù, phần lớn tu sinh bị bệnh, nhưng vẫn cố gắng khắc phục và hoàn thành tốt công việc được phân chia. Tu sinh tự ý thức bổn phận của mình.

Một Tu Sinh



Hành Chánh Niệm của người Nhật



Những ai đã qua Nhật một lần đều có nhận định là dân Nhật sống với nền văn hóa cổ truyền, có từ nhiều thế kỷ, toát ra trong lối sống mộc mạc, bình dị, ngăn nắp, trang trọng ... như cách uống trà, ngắm hoa anh đào, kiến tạo một vườn thiền, thư pháp, hội họa, thi ca, ..v.v. Nhân sinh quan trên bắt nguồn từ "Hành Chánh Niệm" trong đạo Phật.

THỰC HÀNH CHÁNH NIỆM:

Tôi đã trải nghiệm lối sống Chánh niệm (Mindfulness) của người Nhật, khi tôi chứng kiến con tàu Shikanse lẹ làng lướt vào nhà ga, cùng lúc đó một nghi thức kỳ lạ bắt đầu. Trong khoảng thời gian ngắn, một người Nhật điều khiển con tàu, thực hiện các thao tác cuối cùng, độc thoại với bản thân, đọc to và rõ từng qui trình nhiệm vụ và hành động mạnh mẽ trong qui trình đó. Cử chỉ thao tác trên đã được xử dụng suốt 100 năm qua, người lái tàu sẽ điểm danh tất cả những bộ phận cần kiểm tra kỹ lưỡng và không bỏ sót một chi tiết nào. Phương pháp này mang lại kết quả rất tốt. Theo Thời Báo Nhật Bản, tin đăng 1994, do Viện Nghiên Cứu Đường Sắt Nhật Bản, tỷ lệ công nhân mắc lỗi là 2.38/100, nhưng sau khi áp dụng phương pháp kiểm tra Shisankanko, con số trên giảm xuống còn 0.38/100, giảm được 85% nguy cơ mắc lỗi. Theo định nghĩa của Wikipedia, "Mindfulness" hay Thiền Chánh Niệm là khi một người tập trung toàn bộ cảm xúc, cảm giác và suy nghĩ của mình vào một sự vật, sự việc và không có bất cứ phán xét gì tại một thời điểm nhất định trong hiện tại.

Trong hội nghị quốc tế lần thứ 2 về Đánh Giá và Phát Triển nhân tài, ông Deiric McCann, Phó Chủ Tịch của Profiles International đã chia xẻ định nghĩa về Mindfulness như sau: "Mindfulness là một hệ thống về sự nhận thức tại thời điểm hiện tại, bao gồm cả sự tự nhận thức về bản thân, một cách chăm chú, khách

quan và không phán xét". Việc thực hành Thiền trong từng ý niệm nhỏ giúp kiểm soát tư tưởng bản thân một cách đúng đắn, bởi nếu bạn có tư tưởng suy nghĩ đúng thì hành động tiếp theo sẽ đúng. Việc nhấn mạnh vào hoạt động tư tưởng của con người, tự hỏi bản thân các câu hỏi như có hay không? Đúng hay sai? Cần thiết hay không cần thiết? Nên hay không nên?... sẽ giúp con người có những quyết định chỉ đạo hành vi một cách đúng đắn nhất.

TẬP TRUNG, KHÔNG PHÁN XÉT HAY THIỀN ĐỊNH KHÔNG CHỈ LÀ NGỒI KIẾT GIÀ, BÁN GIÀ...

Thiền không chỉ là bắt chân chéo trong thế giới ngồi trên bồ đoàn (Nhật gọi là Zazen). Theo ông Kabat Zinn, giáo sư tại Đại Học Y Khoa Massachusetts, nơi ông thành lập phòng nghiên cứu nổi tiếng về đề tài "Thiền Chánh Niệm" giúp giảm các yếu tố căng thẳng vào năm 1979, Thiền không chỉ là ngồi im như một pho tượng, mà là nhận thức thực tại, ở mọi thời điểm, thế giới gọi "Mindfulness", thật ra là điều đã ăn sâu vào tâm trí người Nhật, trong nhiều thế kỷ, mà không cần phải mở lớp học như tại nhiều quốc gia hiện nay.

Thiền Chánh Niệm được thể hiện qua sinh hoạt hàng ngày như uống trà, ngắm hoa anh đào, viết chữ, làm thơ, vv... tỷ dụ như một bài thơ nổi tiếng của thi sĩ Matsuo Bacho: "Ao xưa, Con Éch nhảy vào, vang tiếng nước xao". Bài thơ đẹp ở chỗ "ao cũ" đơn sơ là cái tĩnh, và "con ếch" là cái động, con ếch tượng trưng cho mùa xuân. Cảnh vật cô tịch, chính là cái tĩnh lặng của không gian. Khéo nhận sẽ thấy tĩnh động là một, động là dụng của tĩnh. Khi tâm đã tĩnh thì mọi cử chỉ là dụng, cho nên Đức Phật nói "Trong 40 năm, ta không nói một lời nào", tuy là Phật thuyết pháp trong thời gian dài mà tâm không động, chỗ này là "chơn không diệu hữu vậy!" Người Nhật cảm nhận được "Hoa anh đào nở vài ngày là tàn, nó phù du!" Đạo

Phật đã nói về Tam Pháp Ấn, đó là VÔ THƯỜNG, VÔ NGÃ, KHÔNG, hoặc VÔ THƯỜNG, VÔ NGÃ, NIẾT BÀN. Chữ KHÔNG đây chẳng phải là không có gì, mà là chơn không vô hạn, cái tâm thanh tịnh

Không có vọng tưởng tham sân si, đó cũng là Niết Bàn, tức Thường, Ngã, Lạc, Tịnh, là chỗ tâm thức biến mất để cho Tâm giác tỏa sáng, là chỗ Năng Lượng Phật bảo vệ hành giả được sống yên vui giải thoát vậy!

CHÁNH NIỆM TRONG ĐỜI VÀ ĐẠO

Trong trường học Nhật, cô giáo và học trò đều đứng lên chào hỏi và cảm ơn nhau, học sinh được yêu cầu nhắm mắt lại để tâm lắng xuống, cảm nhận thời gian trôi đi và suy nghĩ về những gì đã làm, đang làm và sẽ làm, để từ đó mà tập trung tư tưởng hoàn thành tốt công việc.

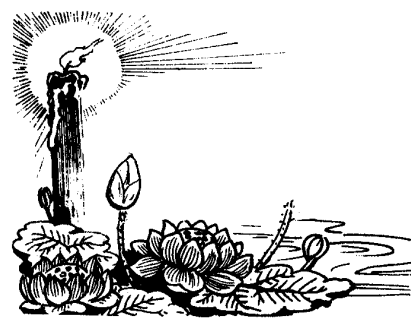
Tương tự như trên, công nhân xây dựng một hãng xưởng tham gia tập thể dục mỗi sáng trước khi làm việc. Ông Kabat Zinn đã nói với sinh viên Đại Học Y Massachusetts: “Quan tâm đến những điều bình thường mà chúng ta thường không bao giờ nghĩ đến, chúng ta nhận thức được mình đang ở đâu? Đang làm gì trong suốt cả ngày, điều này khiến chúng ta không trở thành một cái máy hành động không chủ đích và chỉ nghĩ đến khi nào hết giờ làm! Trong thiền định, thiền thấm sâu trong mọi hành động, sinh hoạt như ăn, uống, tắm rửa, nấu cơm, dọn dẹp ... Ông Eziko Gugoagaki, trụ trì chùa Shinshoji ở Fukiyama tỉnh Hiroshima chia sẻ rằng “Tất cả những hành vi và thói quen trong cuộc sống là một sự rèn luyện về thiền”. Nhờ chăm chú vào mục tiêu mà làm việc tăng hiệu quả, sức khỏe tốt lên, căng thẳng, trầm cảm giảm đi ... Chánh niệm được áp dụng cả ngày, chẳng phải chỉ có 10 phút trong thiền đường. Vậy nên áp dụng ra sao? Có gì đâu? Trước khi ra khỏi nhà hãy quan sát xem “Tắt điện chưa? Khóa nước chưa? Tắt ga chưa? Khóa cửa chưa? Mang điện thoại đi động chưa? v.v ... Thiền Chánh Niệm kiểm soát được tâm, ngăn được dục vọng, sở thích, đòi hỏi quá đáng ... làm vậy bạn sẽ chặn được những suy nghĩ và cảm xúc

không cần thiết, đạt được tự do trong nội tâm và hạnh phúc trong đời mình.

Để phong phú hóa đời sống, trong đó xu thế vật chất và khoa học kỹ thuật đang chiếm ưu thế, chúng ta nên đưa Chánh Niệm lên một bậc cao hơn, để Chánh Niệm làm xúc tác cho Định và Huệ phát triển, giúp chúng ta tiến tới an lạc, giải thoát. Chánh Niệm rất quan trọng, giúp hành giả kiểm soát được “thân, khẩu, ý”, để tâm khởi phóng ra ngoài, theo cảnh, nhiệm cảnh, tạo thêm nghiệp mới, tỷ dụ thích mua sắm tuy đã có đủ, ham cờ bạc, rượu chè, ăn chơi, xa đọa, v.v... Muốn ngăn mọi tâm xấu, các tham dục, buông lung trên, trước hết cần dừng chúng lại bằng cách quán hơi thở, nương hơi thở ... từ từ tâm yên. Khi lái xe, nấu cơm, dọn dẹp làm bất cứ việc gì cũng chú tâm vào đó, không khởi vọng tưởng, không suy nghĩ qua chuyện khác, tự nhiên công việc sẽ tốt đẹp hơn. Ngoài ra khi ngồi một mình, vọng khởi phải quán chúng là vô thường, là nhân duyên, sanh diệt không thật, hoặc để mặc chúng, chúng sẽ tự tan biến! Khi các vọng tưởng lặng hết, “TÂM BIẾT KHÔNG ĐỘNG” hiện ra. Tâm biết vọng lúc đó chính là Tâm Giác, là Tâm Phật, là Chơn không diệu hữu, mà chúng ta quên! Tâm này là Năng Lượng Phật có mặt 24/24 giờ, luôn bảo vệ mình, khiến tai nạn, ốm đau nặng thành nhẹ, và giúp mình tiến đến An lạc, Hạnh phúc và Giải thoát.

Khiêm Từ

Diễn dịch theo Steve John Powell.
Kuala Lumpur, 6/8/2017.



Cúng tôi trân trọng cảm ơn quý Thầy, quý Sư cô, quý thiện hữu tri thức, các học giả, văn nhân thi sĩ đã đóng góp bài vở phong phú cho số báo mừng Xuân Mậu Tuất này. Trân trọng cảm ơn các vị mạnh thường quân, các cơ sở thương mại đã đăng quảng cáo và giúp đỡ tịnh tài cho việc phát hành số báo này. Chân thành cảm tạ các Chùa, Phật học viện, Đại tông lâm, Tự viện, Ni viện, Niệm Phật đường và các nhà văn hóa, báo chí đã gửi tặng sách, báo và tạp chí trong thời gian qua.



Danh sách Quý Phật tử ủng hộ tịnh tài cho số báo Xuân Mậu Tuất

Thầy Phước Quang	50	Trần Văn Ba	50	Diệu Tính	5
Thầy Phước Viên	50	Nguyễn T. N. Hiền. pd. Diệu Ánh	20	Diệu Phước	20
Thầy Phước Nghĩa	50	Quảng Thành	100	Diệu Định	10
Sư cô Phước Nghiêm	20	M. Trí & Diệu Huệ (USA)	100	Huệ Linh	10
Sư cô Phước Trường	20	Trương T. Hà. pd. Hoa Lộc	50	Diệu Huệ	10
Sư cô Phước Toàn	200 US	Tâm Hảo	20	Minh Quang	10
Sư cô Phước Liễu	100	Minh Chiếu	50	Nhuận Phước	5
Sư cô Phước Chiêu	50	Hh. hl. Q. Thanh & hl. Q. Trân	100	Viên Đạo	10
Sư cô Phước Lê	50	Tâm Như & Chúc Phong	50	Diệu Đức	50
Sư cô Phước Chí	50	Diệu Tánh	10	Viên Hải	10
Sư cô Phước Hương	50	Viên Ngộ	10	Minh Châu & Thái Minh	100
Sư cô Phước Bình	50	Viên Quang	10	<i>Ủng hộ Take away và chả giò</i>	
Sư cô Phước Thọ	30	Huệ Trí	10	Sư cô Phước Chiêu	100
Sư cô Phước Ngọc	50	Thiện Lương	10	D. Nguyệt & Minh Quang	100
Sa di ni Vạn Kính	20	Tâm Quang	10	Tâm Nguyệt	50
Sa di ni Vạn Trang	20	Đạo hữu Sương	20	Phật tử 1 thùng tàu hủ ki	
Quincy Trí Việt	30	Tâm Thanh	10	Viên Hào	50
Tử Kim Quang	20	Tâm An 2	20	Viên Thủy	50
Phương Tâm	20	Thanh Diệu	10		

Danh sách ủng hộ Đại Tông Lâm Phật Giáo

HỘ TRÌ TAM BẢO:

Ngọc Lâu, Ngọc Thiên & Viên Hào (180), Phước Thọ, Viên Hương & Viên Thủy (180), Jimmy & Allenna Nguyễn (120), Ethan & Cater Nguyễn (120), Huệ Chiêu (60), Nguyễn Thị Loan (60), Tâm Hương (60), Diệu Quý (60), Diệu Hòa (60), Ong Phuôi (60), Diệu Hạnh (60), Chánh Trí & Logan Trần (120), Viên Đạo (60), Trương Đình Hoạt (60), Phở Điền (180), Gđ. Tử Kim Quang (120), Khuru Thị Kim Hồng (60), Thang Lê Trân (60), Tạ Xuân Mai (60), Nhật Thành & Nhật Quả (120), Jenny Phạm Quỳnh Anh (60), Trịnh Tinh An (60), Trương Chí Võ (60), Chúc Thêm (60), Huệ Liên & Ngọc Hồng (120), Viên Toàn (120), Tâm Hiệp (120), Ngọc Trang (60), Diệu Yên & Giác Tâm (120), Diệu Huệ (Thanh) 120, Hồng & Bi (120), Minh Châu & Thái Minh (120), Thái Phần & Ngọc Tuyết (120), Tịnh Thủy (120), Quach Le Son (Minh Kien) (60).

CÚNG DỪNG: (7/2017 – 2/2018)

Trung (100), Ân danh (25), CS.H/l. Nguyễn Thị Sô (50), Gđ.h/l Liêu Quốc Hùng (700), Gđ. Tất Thuận Nghĩa (200), Ân danh (15), Gđ.h/l Trương Thị Bắc (600), Gđ. h/l Quảng Thanh & Quảng Trân (100), 10 chậu Đỗ quỳên (125), Ân

danh (50), Chan Thy (200), Trần Thị Lan. pd. Diệu An (50), Trương Thị Mười. pd. Diệu Ngọc (30), Trần Ngọc Nữ. pd. Diệu Tính (20), Gđ. Trần Thị Khánh. pd. Diệu Lạc (200), Phạm Anh Tuấn (100), Nghiêm Ngọc Lan. pd. Diệu Hoa (50), Tiền nước mơ (162), Gđ.h/l. Lữ Ngọc Quỳnh (300), Ân danh (600), Giác Tâm (200), Gđ.h/l Nguyễn Thị Chung (400), Sư cô Phước Tâm (100), Gđ.h/l Trịnh Xiếu Hiêng (200), Chư Phật tử (3300), Gđ.h/l Lữ Ngọc Quỳnh (400), Gđ. h/l Trần Công Tuấn (250), Sư cô Phước Hồng (100), Nha sĩ Thảo Nguyễn (100), Nguyễn Kim Nga. pd. Diệu Huệ (100), Gđ.g/l Sư cô Phước Trường (200), Gđ.h/l Isaac Lâm.pd. Thiện Hỷ (300), Gđ. h/l Đỗ Minh Thanh (600), Gđ.h/l Nhâm Muối (300), Quảng Thọ-Melbourne (100), Nguyễn Thị Hường (60), Nguyễn Tấn Phát (60), Trần Thị Đào (100), Gđ. g/l Sư cô Phước Thanh (150), Gđ.h/l Hàng Thị Chiêu (150), Gđ.h/l Huỳnh Quốc Trục (200), Nha sĩ Thảo Nguyễn (100), Kim Nga Nguyễn (100), Chùa Thiên Thai - NZ (150), Sư cô Phước Hòa (100), Gđ.h/l. Quảng Trân & Quảng Thanh (250).

Danh sách các cơ sở thương mại ủng hộ quảng cáo cho báo Xuân số 68

- | | | |
|-------------------------------------|------------------------|-------------------------------|
| - Fairfield Funerals of Distinction | - Tiệm vàng Hưng Thành | - Thực phẩm Á châu Tường Phát |
| - Nha sĩ Nguyễn T. Phương Thảo | - All Villa Print | - An Lạc Vegan |
| - Tiệm vàng Mỹ Tín | - Nhà thuốc tây Mai | - Cty. kế toán Bùi Thanh Lân |
| - Tran's Aquarium | - Gạo thơm Hoàng Gia | - Trị liệu thánh giác AHC |
| - Huyện Motor Repair | - Tiệm vàng Kim Châu | - The Triumph Institute |